

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**



ISO 9001 : 2008

KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP

NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN

Sinh viên : **Phạm Thị Ngọc Mai**
Giảng viên hướng dẫn: **Th.S Hòa Thị Thanh Hương**

HẢI PHÒNG – 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

**HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU,
CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI
CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ
VÀ XUẤT NHẬP KHẨU HẢI PHÒNG**

**KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC HỆ CHÍNH QUY
NGÀNH: KẾ TOÁN - KIỂM TOÁN**

**Sinh viên : Phạm Thị Ngọc Mai
Giảng viên hướng dẫn: Th.S Hòa Thị Thanh Hương**

HẢI PHÒNG - 2011

**BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC DÂN LẬP HẢI PHÒNG**

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Sinh viên: Phạm Thị Ngọc Mai Mã SV:1364010012
Lớp: QTL 301K Ngành: Kế toán kiểm toán
Tên đề tài: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ và xuất nhập khẩu Hải Phòng

NHIỆM VỤ ĐỀ TÀI

1. Nội dung và các yêu cầu cần giải quyết trong nhiệm vụ đề tài tốt nghiệp.

(về lý luận, thực tiễn, các số liệu cần tính toán và các bản vẽ).

- Tìm hiểu lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong các doanh nghiệp sản xuất kinh doanh.
- Tìm hiểu thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại đơn vị thực tập.
- Đánh giá ưu khuyết điểm cơ bản trong công tác kế toán nói chung cũng như công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng, trên cơ sở đề xuất các biện pháp giúp đơn vị thực tập làm tốt hơn công tác hạch toán kế toán.

2. Các số liệu cần thiết để thiết kế, tính toán.

Sưu tầm, lựa chọn số liệu, tài liệu năm 2010 tại Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ và xuất nhập khẩu Hải Phòng.

3. Địa điểm thực tập tốt nghiệp.

Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ và xuất nhập khẩu Hải Phòng.

Số 19 Ký Con – Phạm Hồng Thái – Hồng Bàng – Hải Phòng

CÁN BỘ HƯỚNG DẪN ĐỀ TÀI TỐT NGHIỆP

Người hướng dẫn thứ nhất:

Họ và tên: Hòa Thị Thanh Hương

Học hàm, học vị: Thạc sỹ

Cơ quan công tác: Trường Đại học Dân Lập Hải Phòng

Nội dung hướng dẫn: Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ và xuất nhập khẩu Hải Phòng.

Người hướng dẫn thứ hai:

Họ và tên:.....

Học hàm, học vị:.....

Cơ quan công tác:.....

Nội dung hướng dẫn:.....

Đề tài tốt nghiệp được giao ngày 11 tháng 04 năm 2011

Yêu cầu phải hoàn thành xong trước ngày 30 tháng 06 năm 2011

Đã nhận nhiệm vụ ĐTTN

Sinh viên

Đã giao nhiệm vụ ĐTTN

Người hướng dẫn

ThS. Hòa Thị Thanh Hương

Hải Phòng, ngày tháng.....năm 2011

Hiệu trưởng

GS.TS.NGUYỄN Trần Hữu Nghị

PHẦN NHẬN XÉT CỦA CÁN BỘ HƯỚNG DẪN

1. Tinh thần thái độ của sinh viên trong quá trình làm đề tài tốt nghiệp:

- Tích cực, chịu khó sưu tầm, lựa chọn số liệu tài liệu phục vụ đề tài.
- Ham học hỏi, cầu tiến bộ, thường xuyên trao đổi với giáo viên hướng dẫn.
- Luôn đảm bảo tiến độ của đề tài theo thời gian đã quy định.
- Có trách nhiệm cao với công việc được giao.

2. Đánh giá chất lượng của khóa luận (so với nội dung yêu cầu đã đề ra trong nhiệm vụ Đ.T. T.N trên các mặt lý luận, thực tiễn, tính toán số liệu...):

- Khóa luận tốt nghiệp có bố cục hợp lý, khoa học.
- Đã khái quát hóa được lý luận về các vấn đề kế toán doanh thu, chi phí và XĐKQ trong các doanh nghiệp SXKD.
- Nắm bắt được thực tế công tác kế toán của đơn vị thực tập.
- Nắm bắt và phản ánh được quy trình kế toán doanh thu, chi phí và XĐKQ tại Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ và xuất nhập khẩu Hải Phòng.
- Số liệu phù hợp với quy định của bộ môn.
- Đã đề xuất được một số biện pháp phù hợp với đề tài, có tính khả thi giúp Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ và xuất nhập khẩu Hải Phòng hoàn thiện công tác kế toán nói chung và công tác kế toán doanh thu, chi phí và XĐKQ nói riêng.

3. Cho điểm của cán bộ hướng dẫn (ghi bằng cả số và chữ):

Hải Phòng, ngày ... tháng ... năm 2011

Cán bộ hướng dẫn

ThS. Hòa Thị Thanh Hương

MỤC LỤC

LỜI MỞ ĐẦU.....	1
CHƯƠNG 1. NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.....	3
1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....	3
1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....	3
1.1.2. Các khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định KQKD.....	4
1.1.2.1. Doanh thu.....	4
1.1.2.2. Chi phí.....	8
1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh.....	10
1.1.3. Nhiệm vụ của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD.....	11
1.2. TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH.....	12
1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ.....	12
1.2.1.1. Chứng từ sử dụng.....	12
1.2.1.2. Tài khoản sử dụng.....	12
1.2.1.3. Phương pháp hạch toán.....	13
1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu.....	14
1.2.2.1. Chứng từ sử dụng.....	14
1.2.2.2. Tài khoản sử dụng.....	14
1.2.2.3. Phương pháp hạch toán.....	15
1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán.....	16
1.2.3.1. Chứng từ sử dụng.....	16
1.2.3.2. Tài khoản sử dụng.....	16
1.2.3.3. Phương pháp hạch toán.....	17
1.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp.....	18
1.2.4.1. Chứng từ sử dụng.....	18

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng.....	18
1.2.4.3. Phương pháp hạch toán.....	19
1.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính.....	21
1.2.5.1. Chứng từ sử dụng.....	21
1.2.5.2. Tài khoản sử dụng.....	21
1.2.5.3. Phương pháp hạch toán.....	21
1.2.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác.....	23
1.2.6.1. Chứng từ sử dụng.....	23
1.2.6.2. Tài khoản sử dụng.....	23
1.2.6.3. Phương pháp hạch toán.....	23
1.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh.....	23
1.2.7.1. Chứng từ sử dụng.....	23
1.2.7.2. Tài khoản sử dụng.....	23
1.2.7.3. Phương pháp hạch toán.....	23
1.3. CÁC HÌNH THỨC GHI SỔ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP.....	25
1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung.....	25
1.3.1.1. Đặc điểm.....	25
1.3.1.2. Sổ sách sử dụng.....	25
1.3.1.3. Trình tự ghi sổ kế toán.....	26
1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái.....	26
1.3.2.1. Đặc điểm.....	26
1.3.2.2. Sổ sách sử dụng.....	26
1.3.2.3. Trình tự ghi sổ kế toán.....	27
1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ.....	27
1.3.3.1. Đặc điểm.....	27
1.3.3.2. Sổ sách sử dụng.....	28
1.3.3.3. Trình tự ghi sổ kế toán.....	28
1.3.4. Hình thức sổ kế toán Nhật ký - Chứng từ.....	28
1.3.4.1. Đặc điểm.....	28

1.3.4.2. Sổ sách sử dụng.....	29
1.3.4.3. Trình tự ghi sổ kế toán.....	29
1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính.....	29
1.3.5.1. Đặc điểm.....	29
1.3.5.2. Sổ sách sử dụng.....	29
1.3.5.3. Trình tự ghi sổ kế toán.....	30
CHƯƠNG 2. THỰC TẾ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU HẢI PHÒNG.....	31
2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU HẢI PHÒNG.....	31
2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ và XNK Hải Phòng.....	31
2.1.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ và XNK Hải Phòng.....	32
2.1.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ và XNK Hải Phòng.....	34
2.1.3.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ và XNK Hải Phòng.....	34
2.1.3.2. Hình thức kế toán và các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ và XNK Hải Phòng.....	36
2.2. THỰC TẾ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU HẢI PHÒNG.....	37
2.2.1. Thực tế công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ và XNK Hải Phòng.....	37
2.2.1.1. Chứng từ sử dụng.....	38
2.2.1.2. Tài khoản sử dụng.....	38
2.2.1.3. Trình tự hạch toán.....	38

<i>2.2.2. Thực tế công tác kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ và XNK Hải Phòng.....</i>	<i>48</i>
<i>2.2.2.1. Chứng từ sử dụng.....</i>	<i>48</i>
<i>2.2.2.2. Tài khoản sử dụng.....</i>	<i>48</i>
<i>2.2.2.3. Trình tự hạch toán.....</i>	<i>49</i>
<i>2.2.3. Thực tế công tác kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ và XNK Hải Phòng.....</i>	<i>54</i>
<i>2.2.3.1. Chứng từ sử dụng.....</i>	<i>56</i>
<i>2.2.3.2. Tài khoản sử dụng.....</i>	<i>56</i>
<i>2.2.3.3. Trình tự hạch toán.....</i>	<i>57</i>
<i>2.2.4. Thực tế công tác kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tại Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ và XNK Hải Phòng.....</i>	<i>63</i>
<i>2.2.4.1. Chứng từ sử dụng.....</i>	<i>63</i>
<i>2.2.4.2. Tài khoản sử dụng.....</i>	<i>63</i>
<i>2.2.4.3. Trình tự hạch toán.....</i>	<i>64</i>
<i>2.2.5. Thực tế công tác kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính tại Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ và XNK Hải Phòng.....</i>	<i>75</i>
<i>2.2.5.1. Chứng từ sử dụng.....</i>	<i>75</i>
<i>2.2.5.2. Tài khoản sử dụng.....</i>	<i>75</i>
<i>2.2.5.3. Trình tự hạch toán.....</i>	<i>75</i>
<i>2.2.6. Thực tế công tác kế toán thu nhập khác và chi phí khác tại Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ và XNK Hải Phòng.....</i>	<i>84</i>
<i>2.2.6.1. Chứng từ sử dụng.....</i>	<i>84</i>
<i>2.2.6.2. Tài khoản sử dụng.....</i>	<i>84</i>
<i>2.2.6.3. Trình tự hạch toán.....</i>	<i>85</i>
<i>2.2.7. Thực tế công tác xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ và XNK Hải Phòng.....</i>	<i>94</i>
<i>2.2.7.1. Chứng từ sử dụng.....</i>	<i>94</i>
<i>2.2.7.2. Tài khoản sử dụng.....</i>	<i>94</i>
<i>2.2.7.3. Trình tự hạch toán.....</i>	<i>94</i>

CHƯƠNG 3. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU HẢI PHÒNG.....	101
3.1. ĐÁNH GIÁ THỰC TẾ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU HẢI PHÒNG.....	101
<i>3.1.1. Ưu điểm.....</i>	<i>101</i>
<i>3.1.2.1. Về tổ chức bộ máy kế toán.....</i>	<i>101</i>
<i>3.1.2.2. Về hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách sử dụng.....</i>	<i>101</i>
<i>3.1.2.2 Về bộ máy quản lý.....</i>	<i>103</i>
<i>3.1.2. Hạn chế.....</i>	<i>103</i>
3.2. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU HẢI PHÒNG.....	104
<i>3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện.....</i>	<i>104</i>
<i>3.2.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh.....</i>	<i>105</i>
KẾT LUẬN.....	113

LỜI MỞ ĐẦU



Hòa mình vào sự phát triển của kinh tế nước nhà cùng với chính sách mở cửa của Nhà nước, tiến trình AFTA có hiệu lực làm cho hàng nhập khẩu xuất hiện trên thị trường Việt Nam ngày một tăng lên tạo ra sức ép cho các Công ty Thương mại nói chung và Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ và xuất nhập khẩu Hải Phòng nói riêng. Để phát huy được vai trò của mình góp phần vào sự tăng trưởng và phát triển kinh tế nước nhà, Công ty luôn phấn đấu để khẳng định được vị trí của mình trong lĩnh vực kinh doanh thương mại mà khâu vô cùng quan trọng là bán hàng và tìm được thị trường đầu ra cho sản phẩm của mình. Trong cơ chế thị trường nhiều biến động như hiện nay thì việc quản lý tốt khâu bán hàng rất quan trọng nó là cơ sở quyết định sự thành bại của doanh nghiệp. Thực hiện tốt khâu bán hàng và hoàn thành kế hoạch tiêu thụ thì doanh nghiệp mới thu hồi vốn nhanh tạo điều kiện cho việc quay vòng vốn nhanh.

Cùng với sự phát triển của đất nước và sự đổi mới sâu sắc về cơ chế quản lý kinh tế tài chính, hệ thống kế toán kiểm toán doanh nghiệp cũng từng bước phát triển phù hợp với cơ chế quản lý, tiến trình cải cách kinh tế và hội nhập quốc tế. Vì vậy mỗi doanh nghiệp muốn phát triển tốt cần phải có một hệ thống kế toán hoàn chỉnh và phù hợp với quy mô hoạt động của doanh nghiệp. Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ và xuất nhập khẩu cũng đã chú trọng đầu tư cho công tác kế toán tài chính để ngày càng hoàn thiện và phục vụ cho công việc quản lý kinh doanh của Công ty ngày càng đạt hiệu quả hơn.

Nhận thức được tầm quan trọng của công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cùng với sự giúp đỡ của cô giáo **Th.S Hòa Thị Thanh Hương** và các cán bộ phòng kế toán tài vụ Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ và xuất nhập khẩu Hải Phòng, em đã chọn đề tài: "**Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ và xuất nhập khẩu Hải Phòng**".

Ngoài phần mở đầu và kết luận. khóa luận gồm các phần chính sau:

Chương 1: *Những vấn đề lý luận cơ bản về công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh trong doanh nghiệp.*

Chương 2: *Thực tế công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ và xuất nhập khẩu Hải Phòng.*

Chương 3: *Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ và xuất nhập khẩu Hải Phòng.*

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ LÝ LUẬN CƠ BẢN VỀ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH

1.1.1. Sự cần thiết phải tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Tổ chức công tác kế toán nói chung và tổ chức công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng có một vai trò vô cùng quan trọng không chỉ đối với mỗi doanh nghiệp mà còn đối với các đối tượng khác như là các nhà đầu tư, các trung gian tài chính hay đối với các cơ quan quản lý vĩ mô nền kinh tế.

❖ *Đối với các doanh nghiệp:*

Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh giúp cho doanh nghiệp:

- Xác định hiệu quả của từng loại hoạt động trong doanh nghiệp.
- Đánh giá tình hình sản xuất kinh doanh.
- Có căn cứ để thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước, thực hiện việc phân phối cũng như tái đầu tư sản xuất kinh doanh.
- Kết hợp các thông tin thu thập được với các thông tin khác để đề ra chiến lược, giải pháp sản xuất kinh doanh đạt hiệu quả cao nhất trong tương lai.

❖ *Đối với Nhà nước:*

Việc tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh cũng có ý nghĩa quan trọng đối với Nhà nước:

- Trên cơ sở các số liệu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp cơ quan thuế xác định các khoản thuế phải thu, đảm bảo nguồn thu cho Ngân sách quốc gia. Từ đó, Nhà nước tái đầu tư vào cơ sở hạ tầng, đảm bảo điều kiện về Chính trị - An ninh - Xã hội tốt nhất.
- Thông qua tình hình thực hiện nghĩa vụ với nhà nước của các doanh nghiệp, các nhà hoạch định chính sách quốc gia sẽ có cơ sở để đề ra các giải pháp phát triển nền kinh tế thông qua chính sách tiền tệ, chính sách thuế và các khoản trợ cấp, trợ giá.

❖ **Đối với nhà đầu tư:**

- Thông qua các chỉ tiêu về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh của doanh nghiệp trên các báo cáo tài chính các nhà đầu tư sẽ phân tích đánh giá tình hình hoạt động của doanh nghiệp để có các quyết định đầu tư đúng đắn.

❖ **Đối với các tổ chức tài chính trung gian:**

- Các số liệu về doanh thu, chi phí, kết quả kinh doanh của doanh nghiệp là căn cứ để ra quyết định cho vay vốn đầu tư.

❖ **Đối với nhà cung cấp:**

- Kết quả kinh doanh, lịch sử thanh toán là căn cứ để quyết định cho doanh nghiệp chậm thanh toán hoặc trả góp.

1.1.2. Các khái niệm cơ bản về doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

1.1.2.1. Doanh thu

a. Khái niệm

- **Doanh thu:** Là tổng hợp các lợi ích kinh tế doanh nghiệp thu được trong kỳ kế toán, phát sinh từ các hoạt động sản xuất, kinh doanh thông thường của doanh nghiệp, góp phần làm tăng vốn chủ sở hữu.

b. Các loại doanh thu

* **Doanh thu bán hàng** : Là toàn bộ số tiền thu được, hoặc sẽ thu được từ các giao dịch nghiệp vụ phát sinh doanh thu như bán sản phẩm, hàng hoá cho khách hàng bao gồm cả các phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

* **Doanh thu tiêu thụ nội bộ** : Là lợi ích kinh tế thu được từ việc bán hàng hoá, sản phẩm, cung cấp dịch vụ nội bộ giữa các đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc trong cùng một công ty, tổng công ty tính theo giá bán nội bộ.

* **Doanh thu hoạt động tài chính** : Doanh thu hoạt động tài chính là số tiền thu được từ các hoạt động đầu tư tài chính hoặc kinh doanh về vốn mang lại như lãi tiền gửi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp.

Doanh thu hoạt động tài chính bao gồm: Tiền lãi, thu nhập từ cho thuê tài sản, cho người khác sử dụng tài sản; Cổ tức, lợi nhuận được chia; thu nhập về hoạt động đầu tư mua, bán chứng khoán ngắn hạn, dài hạn; thu nhập chuyển nhượng, cho thuê cơ sở hạ tầng; thu nhập về các hoạt động đầu tư khác...

*** Thu nhập khác** : Là những khoản thu mà doanh nghiệp không dự tính trước được hoặc có dự tính đến nhưng ít khả năng thực hiện hoặc là những khoản không mang tính chất thường xuyên.

Thu nhập khác của doanh nghiệp bao gồm: Khoản thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ; thu tiền được phạt do khách hàng vi phạm hợp đồng; thu các khoản nợ khó đòi đã xử lý, xoá sổ; các khoản thuế được NSNN hoàn lại; thu các khoản nợ phải trả không xác định được chủ; các khoản tiền thưởng của khách hàng liên quan đến tiêu thụ hàng hoá, sản phẩm dịch vụ không tính vào doanh thu (nếu có); thu nhập quà biếu, quà tặng bằng tiền, hiện vật của các tổ chức, cá nhân tặng cho doanh nghiệp; các khoản thu nhập kinh doanh của những năm trước bị bỏ sót hay quên ghi sổ kế toán, năm nay mới phát hiện ra...

c. Điều kiện ghi nhận doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn 5 điều kiện sau:

- Doanh nghiệp đã trao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Doanh nghiệp đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

d. Điều kiện ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi thỏa mãn 4 điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

e. Nguyên tắc hạch toán doanh thu

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu được tiền, hoặc sẽ thu được tiền từ các giao dịch và nghiệp vụ phát sinh doanh thu như: bán sản phẩm, hàng hóa, bất động sản đầu tư; cung cấp dịch vụ cho khách hàng bao gồm cả các khoản phụ thu và phí thu thêm ngoài giá bán (nếu có).

- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp khấu trừ, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là giá bán chưa có thuế GTGT.
- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ không thuộc chịu thuế GTGT hoặc thuộc đối tượng chịu thuế GTGT tính theo phương pháp trực tiếp thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán.
- Đối với sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ thuộc đối tượng chịu thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ là tổng giá thanh toán (bao gồm cả thuế tiêu thụ đặc biệt, hoặc thuế xuất khẩu).
- Những doanh nghiệp nhận gia công vật tư, hàng hoá thì chỉ phản ánh vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ số tiền gia công thực tế được hưởng, không bao gồm giá trị vật tư, hàng hoá nhận gia công.
- Đối với hàng hoá nhận bán đại lý, ký gửi theo phương thức bán đúng giá hưởng hoa hồng thì hạch toán vào doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ phần hoa hồng bán hàng mà doanh nghiệp được hưởng.
- Trường hợp bán hàng theo phương thức trả chậm, trả góp thì doanh nghiệp ghi nhận doanh thu bán hàng theo giá bán trả tiền ngay và ghi nhận vào doanh thu chưa thực hiện phần lãi tính trên khoản phải trả nhưng trả chậm phù hợp với thời điểm ghi nhận doanh thu được xác định.
- Đối với doanh nghiệp thực hiện nhiệm vụ cung cấp sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ theo yêu cầu của Nhà nước, được Nhà nước trợ cấp, trợ giá theo qui định thì doanh thu trợ cấp, trợ giá là số tiền được Nhà nước chính thức thông báo hoặc thực tế trợ cấp, trợ giá.
- Đối với trường hợp cho thuê hoạt động tài sản, bất động sản đầu tư có nhận trước tiền cho thuê của nhiều năm thì doanh thu cung cấp dịch vụ, doanh thu cho thuê bất động sản đầu tư ghi nhận của năm tài chính được xác định trên cơ sở lấy tổng số tiền nhận được chia cho số kỳ nhận trước tiền.

f. Các phương thức tiêu thụ hàng hóa

****Phương thức bán hàng trực tiếp:*** Là phương thức giao hàng trực tiếp cho người mua tại kho, tại phân xưởng sản xuất (không qua kho) của doanh nghiệp. Sản phẩm khi bàn giao cho khách hàng được chính thức coi là tiêu thụ và đơn vị bán mất quyền sở hữu về số hàng này. Bán hàng trực tiếp còn bao gồm bán buôn và bán lẻ, trong đó:

+ **Bán buôn** : Là các quá trình bán hàng cho các doanh nghiệp thương mại, các tổ chức kinh tế khác. Kết thúc quá trình bán buôn hàng hoá vẫn trong lĩnh vực lưu thông chưa đi vào lĩnh vực tiêu dùng, giá trị và giá trị sử dụng của hàng hoá chưa được thực hiện hoàn toàn. Đặc điểm của bán buôn thường là bán khối lượng lớn, được tiến hành theo các hợp đồng kinh tế.

+ **Bán lẻ** : Là giai đoạn cuối cùng của quá trình vận động hàng hoá từ nơi sản xuất đến nơi tiêu dùng. Thời điểm xác định tiêu thụ là khi doanh nghiệp mất đi quyền sở hữu hàng hoá và được quyền sở hữu tiền tệ.

***Phương thức chuyển hàng theo hợp đồng:** Theo phương thức này, bên bán chuyển hàng cho bên mua theo địa điểm ghi trên hợp đồng. Số hàng chuyển đi này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên bán. Khi được người mua thanh toán hoặc chấp nhận thanh toán về số hàng chuyển giao (một phần hay toàn bộ) thì lượng hàng được người mua chấp nhận đó mới được coi là tiêu thụ.

***Phương thức bán hàng qua đại lý:** Là phương thức mà bên chủ hàng (gọi là bên giao đại lý) xuất hàng giao cho bên nhận đại lý (bên đại lý) để bán. Số hàng này vẫn thuộc quyền sở hữu của bên chủ hàng cho đến khi chính thức tiêu thụ. Bên đại lý sẽ được hưởng thù lao đại lý dưới hình thức hoa hồng hoặc chênh lệch giá.

***Phương thức bán hàng trả chậm, trả góp:** Theo phương thức này, khi giao hàng cho người mua, thì lượng hàng chuyển giao được coi là tiêu thụ, người mua sẽ thanh toán lần đầu ngay tại thời điểm mua một phần. Số tiền còn lại người mua sẽ trả dần và phải chịu một tỷ lệ lãi suất nhất định. Thông thường số tiền trả ở các kỳ bằng nhau, trong đó bao gồm một phần doanh thu gốc và một phần lãi suất trả chậm.

***Phương thức hàng đổi hàng:** Là phương thức mà doanh nghiệp mang sản phẩm của mình đi đổi lấy vật tư, hàng hóa không tương tự. Giá trao đổi là giá hiện hành của vật tư hàng hóa trên thị trường.

***Phương thức tiêu thụ nội bộ:** Tiêu thụ nội bộ là việc mua, bán sản phẩm, hàng hóa dịch vụ giữa đơn vị chính với đơn vị trực thuộc hoặc giữa các đơn vị trực thuộc với nhau trong cùng một tổng công ty, một tập đoàn, một xí nghiệp....

g. Các khoản giảm trừ doanh thu

- **Chiết khấu thương mại** : Là khoản tiền mà doanh nghiệp đã giảm trừ hoặc đã thanh toán cho người mua hàng do việc người mua hàng đã mua hàng hoá, dịch vụ với khối lượng lớn theo thoả thuận về chiết khấu thương mại đã ghi trong hợp đồng kinh tế mua bán hoặc các cam kết mua, bán hàng.

- *Hàng bán bị trả lại* : Là giá trị khối lượng hàng đã xác định là tiêu thụ bị khách hàng trả lại và bị từ chối thanh toán do các nguyên nhân: Vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại quy cách. Giá trị của hàng hoá bị trả lại phản ánh trên tài khoản này sẽ điều chỉnh doanh thu bán hàng thực tế thực hiện trong kỳ kinh doanh để tính doanh thu thuần của khối lượng sản phẩm hàng hoá đã bán ra trong kỳ báo cáo.

- *Giảm giá hàng bán* : Là khoản giảm trừ được doanh nghiệp (bên bán) chấp thuận một cách đặc biệt trên giá bán đã thoả thuận trong hoá đơn, vì lý do hàng bán kém phẩm chất, không đúng quy cách đã ghi trong hợp đồng.

h. Nguyên tắc hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu:

- Chỉ hạch toán vào khoản chiết khấu thương mại nếu như khoản chiết khấu thương mại được trừ ngoài hoá đơn.

- Chỉ được hạch toán vào khoản chiết khấu thương mại nếu như doanh nghiệp có những quy định về chiết khấu thương mại.

- Chỉ hạch toán vào tài khoản hàng bán bị trả lại khi có văn bản đề nghị của người mua ghi rõ lý do trả lại hàng, số lượng, giá trị hàng bị trả lại, đính kèm hoá đơn (nếu trả lại toàn bộ) hoặc bản sao hợp đồng (nếu trả lại một phần hàng) và đính kèm chứng từ nhập lại kho của doanh nghiệp đối với số hàng nói trên.

- Chỉ phản ánh vào TK giảm giá hàng bán do việc chấp thuận giảm giá ngoài hoá đơn, tức là sau khi đã có hoá đơn bán hàng và đã được trừ vào tổng giá trị ghi trên hoá đơn.

1.1.2.2. Chi phí

a. Khái niệm chi phí.

- *Chi phí* : Là tổng giá trị các khoản làm giảm lợi ích kinh tế trong kỳ kế toán dưới hình thức các khoản tiền chi ra, các khoản khấu trừ tài sản hoặc phát sinh các khoản nợ dẫn đến làm giảm vốn chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu, không bao gồm khoản phân phối cho cổ đông hoặc chủ sở hữu.

b. Các loại chi phí.

****Giá vốn hàng bán***: Là trị giá thực tế xuất kho của sản phẩm, hàng hoá (hoặc gồm cả chi phí mua hàng phân bổ cho hàng hoá đã bán ra trong kỳ đối với doanh nghiệp thương mại) hoặc là giá thành thực tế lao vụ, dịch vụ hoàn thành và đã được xác định tiêu thụ và các khoản chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh được tính vào giá vốn hàng bán để xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

Các phương pháp tính giá vốn hàng bán:

Giá vốn hàng xuất kho được tính theo 1 trong 4 phương pháp sau:

✓ *Phương pháp nhập trước - xuất trước (FIFO)*

Theo phương pháp này kế toán giả định lượng hàng nhập trước sẽ được xuất trước. Xuất hết số nhập trước mới đến số nhập sau. Giá thực tế của hàng nhập trước sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần cuối cùng hoặc gần cuối kỳ.

✓ *Phương pháp nhập sau - xuất trước (LIFO)*

Theo phương pháp này kế toán giả định hàng nhập sau cùng sẽ được xuất trước tiên. Xuất hết số nhập sau mới đến số nhập trước. Giá thực tế của hàng nhập sau sẽ được dùng là giá để tính giá thực tế hàng xuất trước. Như vậy, giá trị hàng tồn cuối kỳ sẽ là giá thực tế của số hàng nhập kho thuộc lần đầu hoặc gần đầu kỳ.

✓ *Phương pháp thực tế đích danh*

Theo phương pháp này, giá của từng loại hàng sẽ được giữ nguyên từ khi nhập kho cho đến lúc xuất ra (trừ trường hợp điều chỉnh). Khi xuất kho loại hàng nào thì tính theo giá thực tế đích danh của loại hàng đó.

✓ *Phương pháp bình quân gia quyền*

– *Bình quân gia quyền cả kỳ:*

$$\text{Đơn giá BQ cả kỳ} = \frac{\text{Trị giá TT tồn đầu kỳ} + \text{Trị giá TT nhập trong kỳ}}{\text{Số lượng tồn ĐK} + \text{Số lượng nhập trong kỳ}}$$

Trị giá hàng xuất kho = Số lượng hàng xuất kho x Đơn giá bình quân

– *Bình quân gia quyền liên hoàn:*

$$\text{Đơn giá bình quân sau lần nhập}_i = \frac{\text{Trị giá thực tế HTK sau lần nhập}_i}{\text{Lượng thực tế HTK sau lần nhập}_i}$$

***Chi phí bán hàng:** Là những chi phí chi ra trong quá trình tiêu thụ thành phẩm, hàng hoá, dịch vụ gồm các chi phí chào hàng, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hoá (trừ hoạt động xây lắp), chi phí bảo quản, đóng gói, vận chuyển.

***Chi phí quản lý doanh nghiệp:** Là các khoản chi phí phục vụ cho quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp (tiền lương, tiền công, các khoản phụ cấp...); Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn của nhân viên quản lý doanh nghiệp, chi phí vật liệu

văn phòng, công cụ lao động, khấu hao tài sản cố định dùng cho quản lý doanh nghiệp, tiền thuê đất, thuế môn bài, khoản lập dự phòng phải thu khó đòi, dịch vụ mua ngoài, chi phí bằng tiền khác.

***Chi phí hoạt động tài chính:** Chi phí hoạt động tài chính là toàn bộ khoản chi phí phát sinh trong kỳ hạch toán liên quan đến các hoạt động về vốn, hoạt động đầu tư tài chính và các nghiệp vụ mang tính chất tài chính trong doanh nghiệp.

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm : Chi phí liên quan đến hoạt động đầu tư chứng khoán, chi phí lãi vay, vốn kinh doanh các khoản dài hạn và ngắn hạn; chi phí hoạt động liên doanh; chi phí cho vay vốn ngắn hạn và dài hạn.

***Chi phí khác:** Là các khoản chi phí của hoạt động phát sinh ngoài các hoạt động sản xuất kinh doanh để tạo doanh thu của doanh nghiệp, những khoản lỗ do các sự kiện hay các nghiệp vụ riêng biệt với hoạt động thông thường của doanh nghiệp gây ra, cũng có thể là những khoản chi phí bỏ sót từ những năm trước.

Chi phí khác phát sinh bao gồm :

- Chênh lệch lỗ do đánh giá lại vật tư, hàng hoá, TSCĐ đưa đi góp vốn liên doanh, đầu tư vào công ty liên kết, đầu tư dài hạn khác.
- Chi phí thanh lý, nhượng bán TSCĐ và giá trị còn lại của TSCĐ thanh lý, nhượng bán.
- Tiền phạt do vi phạm hợp đồng kinh tế
- Bị phạt thuế, truy nộp thuế
- Các khoản chi phí do kế toán bị nhầm, hoặc bỏ sót khi ghi sổ kế toán

***Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp:** Là loại thuế trực thu, thu trên kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cuối cùng của doanh nghiệp. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm :

- *Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành:* là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế TNDN hiện hành.
- *Chi phí thuế TNDN hoãn lại:* là số thuế TNDN sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ ghi nhận thuế TNDN hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước.

1.1.2.3. Xác định kết quả kinh doanh

a. Khái niệm.

***Kết quả kinh doanh:** Là số tiền lãi hay lỗ từ các hoạt động của doanh nghiệp trong một kỳ nhất định. Đây là kết quả cuối cùng của hoạt động sản xuất kinh doanh thông thường và các hoạt động khác của doanh nghiệp.

***Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ** : là số chênh lệch giữa doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ với các khoản giảm trừ doanh thu

***Lãi gộp về doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ** : là số chênh lệch giữa doanh thu thuần với giá vốn hàng bán

***Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh** : Là số chênh lệch lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ và doanh thu hoạt động tài chính với chi phí hoạt động tài chính, chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

***Lợi nhuận khác** : Là số chênh lệch giữa thu nhập khác và chi phí khác

***Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế** : là tổng số giữa lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh và lợi nhuận khác.

***Lợi nhuận sau thuế TNDN (lợi nhuận ròng, lãi ròng)**: là phần lợi nhuận sau khi lấy lợi nhuận kế toán trước thuế trừ đi chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

b. Các loại kết quả hoạt động kinh doanh.

- **Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh**: Là số chênh lệch giữa doanh thu thuần và trị giá vốn hàng bán (gồm cả sản phẩm, hàng hoá, bất động sản đầu tư, dịch vụ, giá thành sản xuất của sản phẩm xây lắp, chi phí liên quan đến hoạt động kinh doanh bất động sản đầu tư như: chi phí khấu hao, chi phí sửa chữa, nâng cấp, chi phí cho thuê hoạt động, chi phí thanh lý, nhượng bán bất động sản đầu tư), chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp.

- **Kết quả hoạt động tài chính**: Là số chênh lệch giữa thu nhập tài chính và CP tài chính.

- **Kết quả hoạt động khác**: Là số chênh lệch giữa các khoản thu nhập khác với các khoản chi phí khác và chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp.

1.1.3. Nhiệm vụ của tổ chức kế toán doanh thu, chi phí và xác định KQKD

❖ Nhiệm vụ của kế toán doanh thu bán hàng

- Tổ chức ghi chép, theo dõi, phản ánh chính xác, đầy đủ, kịp thời và giám đốc chặt chẽ các khoản doanh thu và các khoản giảm trừ doanh thu.

- Phản ánh, ghi chép đầy đủ tình hình hiện có và biến động tăng giảm về mặt lượng và mặt giá trị các loại sản phẩm, hàng hóa. Theo dõi chi tiết thanh toán với người mua, ngân sách nhà nước về các khoản thuế, phí, lệ phí các sản phẩm hàng hóa bán ra.

❖ Nhiệm vụ của kế toán chi phí

- Căn cứ thực tế quy trình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, kế toán chi phí phải vận dụng các phương pháp kế toán (phương pháp tính giá vốn hàng xuất kho, phương pháp tính giá thành, phương pháp khấu hao) cho phù hợp.

- Ghi chép đầy đủ các khoản chi phí phát sinh trong quá trình sản xuất kinh doanh.
- Tiến hành tập hợp và phân bổ các khoản chi phí hợp lý.

❖ *Nhiệm vụ của kế toán xác định kết quả kinh doanh*

- Xác định KQKD của doanh nghiệp trong từng lĩnh vực hoạt động, từng thời kỳ.
- Hạch toán chính xác, kịp thời kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, cung cấp các thông tin phục vụ cho việc quyết toán, ra quyết định của nhà quản trị.
- Phân tích, đánh giá tình hình tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa.

1.2. TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KQKD

1.2.1. Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ, doanh thu nội bộ

1.2.1.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT (đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ), hóa đơn bán hàng thông thường (đối với doanh nghiệp tính thuế GTGT theo phương pháp trực tiếp).
- Bảng thanh toán hàng đại lý ký gửi, phiếu xuất, phiếu thu, giấy báo có.
- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.1.2. Tài khoản sử dụng

✓ TK 511 - Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

* Kết cấu TK 511:

Bên Nợ :

- + Thuế tiêu thụ đặc biệt hoặc thuế xuất khẩu và thuế GTGT được tính theo phương pháp trực tiếp phải nộp tính trên doanh thu bán hàng thực tế của DN trong kỳ.
- + Kế toán giảm giá hàng bán, trị giá hàng bán bị trả lại, chiết khấu thương mại.
- + Kết chuyển doanh thu thuần sang TK 911 để xác định kết quả kinh doanh.

Bên Có :

+ Doanh thu bán sản phẩm, hàng hoá và cung cấp dịch vụ của doanh nghiệp thực hiện trong kỳ kế toán.

- TK 511 không có số dư cuối kỳ

* Các tài khoản cấp 2:

- TK 5111 - Doanh thu bán hàng hoá
- TK 5112 - Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5113 - Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 5114 - Doanh thu trợ cấp, trợ giá
- TK 5117 - Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư

✓ TK512 - Doanh thu tiêu thụ nội bộ

* Kết cấu TK 512:

Bên Nợ :

- + Trị giá hàng bán bị trả lại, khoản giảm giá hàng bán đã chấp nhận trên khối lượng sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã bán nội bộ kết chuyển cuối kỳ.
- + Số thuế TTĐB, số thuế GTGT theo PP trực tiếp của số sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ tiêu thụ nội bộ.
- + Kết chuyển doanh thu bán hàng nội bộ thuần vào TK 911

Bên Có:

- + Doanh thu bán hàng nội bộ của DN thực hiện trong kỳ kế toán.

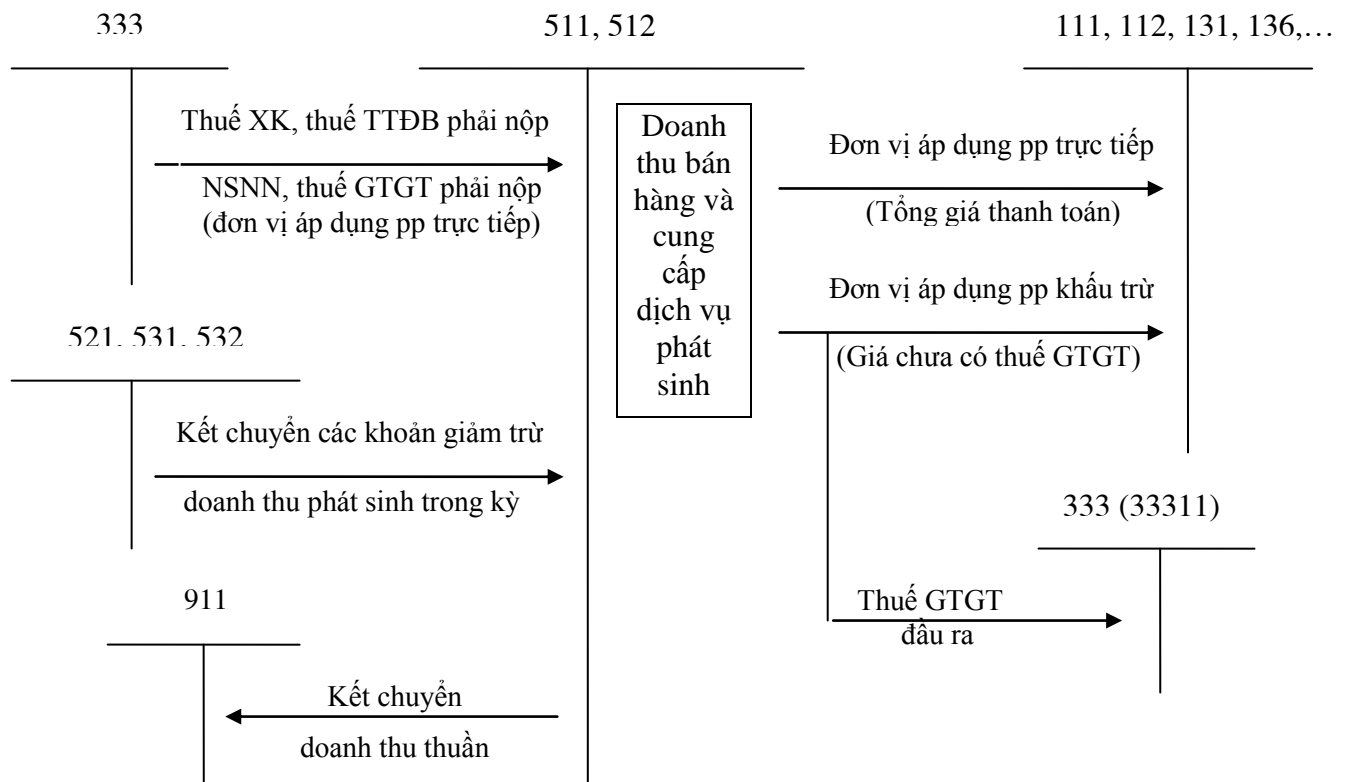
* Các tài khoản cấp 2:

- TK 5121 - Doanh thu bán hàng hoá
- TK 5122 - Doanh thu bán các thành phẩm
- TK 5123 - Doanh thu cung cấp dịch vụ

1.2.1.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ được thể hiện qua **sơ đồ 1.1** như sau:

Sơ đồ 1.1: Kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



1.2.2. Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

1.2.2.1. Chứng từ sử dụng

- Căn cứ vào biên bản giao nhận, so sánh với hợp đồng xem họ có vi phạm điều khoản nào không. Đây là căn cứ để yêu cầu người bán giảm giá hàng bán.

- Hoá đơn GTGT, hợp đồng kinh tế.

1.2.2.2. Tài khoản sử dụng

✓ TK 521 “Chiết khấu thương mại”

* Kết cấu TK 521:

Bên Nợ: + Số chiết khấu thương mại đã chấp nhận thanh toán cho khách hàng

Bên Có: + Kết chuyển sang TK511 xác định doanh thu thuần của kỳ hạch toán.

- TK 521 không có số dư cuối kỳ.

* Các tài khoản cấp 2:

- TK5211: Chiết khấu hàng hóa

- TK5212: Chiết khấu thành phẩm

- TK5213: Chiết khấu dịch vụ

✓ TK531 - Hàng bán bị trả lại

* Kết cấu TK 531:

Bên Nợ: + Tập hợp doanh thu của số hàng đã tiêu thụ bị trả lại.

Bên Có: + Kết chuyển doanh thu của số hàng bán bị trả lại.

- TK 531 không có số dư cuối kỳ.

✓ TK532 - Giảm giá hàng bán

* Kết cấu TK 532:

Bên Nợ: + Tập hợp các khoản giảm giá hàng bán chấp thuận cho người mua

Bên Có: + Kết chuyển toàn bộ số giảm giá hàng bán sang TK 511 để xác định doanh thu thuần.

- TK 532 không có số dư cuối kỳ.

✓ TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

* Kết cấu TK 333:

Bên Nợ: + Số thuế, phí, lệ phí và các khoản phải nộp, đã nộp vào NSNN.

+Số thuế GTGT đã được khấu trừ trong kỳ, số thuế GTGT của hàng bán bị trả lại, bị giảm giá.

Bên Có: + Số thuế GTGT đầu ta và số thuế GTGT hàng nhập khẩu phải nộp.

+ Số thuế, phí, lệ phí và các khoản khác phải nộp vào NSNN.

- TK 333 có số dư Bên Có.

* Các tài khoản cấp 2:

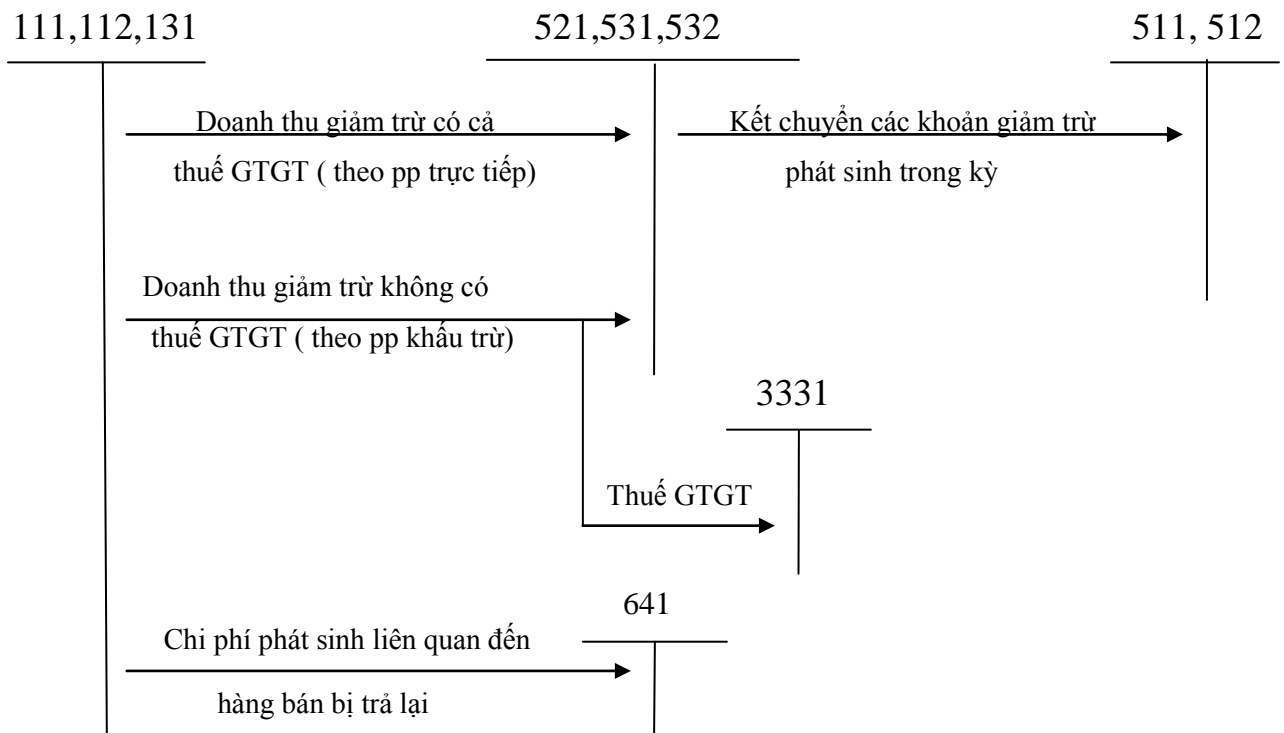
- TK 3331 – Thuế GTGT phải nộp
- TK 3332 – Thuế tiêu thụ đặc biệt
- TK 3333 – Thuế xuất, nhập khẩu
- TK 3334 – Thuế thu nhập DN
- TK 3337 – Thuế nhà đất, tiền thuê đất
- TK 3338 – Các loại thuế khác
- TK 3339 – Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác

1.2.2.3. Phương pháp hạch toán

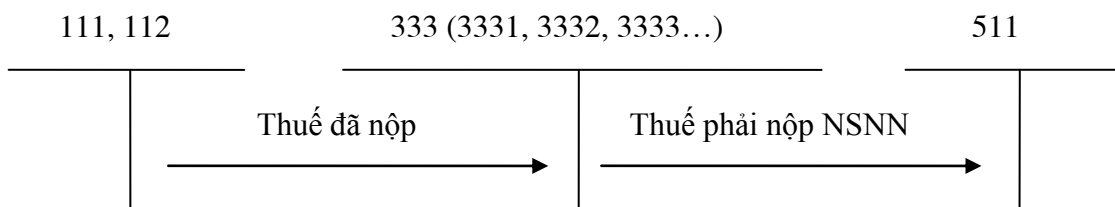
Phương pháp hạch toán các khoản giảm trừ doanh thu được thể hiện qua **sơ đồ 1.2**:

Sơ đồ 1.2: Kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Sơ đồ 1.2.a. Kế toán Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán, hàng bán bị trả lại



Sơ đồ 1.2.b. Kế toán thuế và các khoản phải nộp nhà nước



1.2.3. Kế toán giá vốn hàng bán

1.2.3.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT (mẫu số 01A-GTKT)
- Phiếu xuất kho (mẫu số 01-VT)
- Phiếu thu, phiếu chi
- Hợp đồng kinh tế
- Các chứng từ khác có liên quan

1.2.3.2. Tài khoản sử dụng

✓ TK632 “Giá vốn hàng bán”

* Kết cấu của TK 632:

Bên Nợ :

- + Phản ánh giá vốn sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ
- + Phản ánh chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công vượt trên mức bình thường và chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ không được tính vào giá trị hàng tồn kho mà phải tính vào giá vốn hàng bán của kỳ kế toán.
- + Phản ánh chi phí xây dựng, tự chế tài sản cố định vượt trên mức bình thường không được tính vào nguyên giá tài sản cố định hữu hình tự xây dựng, tự chế tạo hoàn thành.
- + Phản ánh khoản chênh lệch giữa số dự phòng giảm giá hàng tồn kho phải lập năm nay lớn hơn khoản dự phòng đã lập năm trước.

Bên Có :

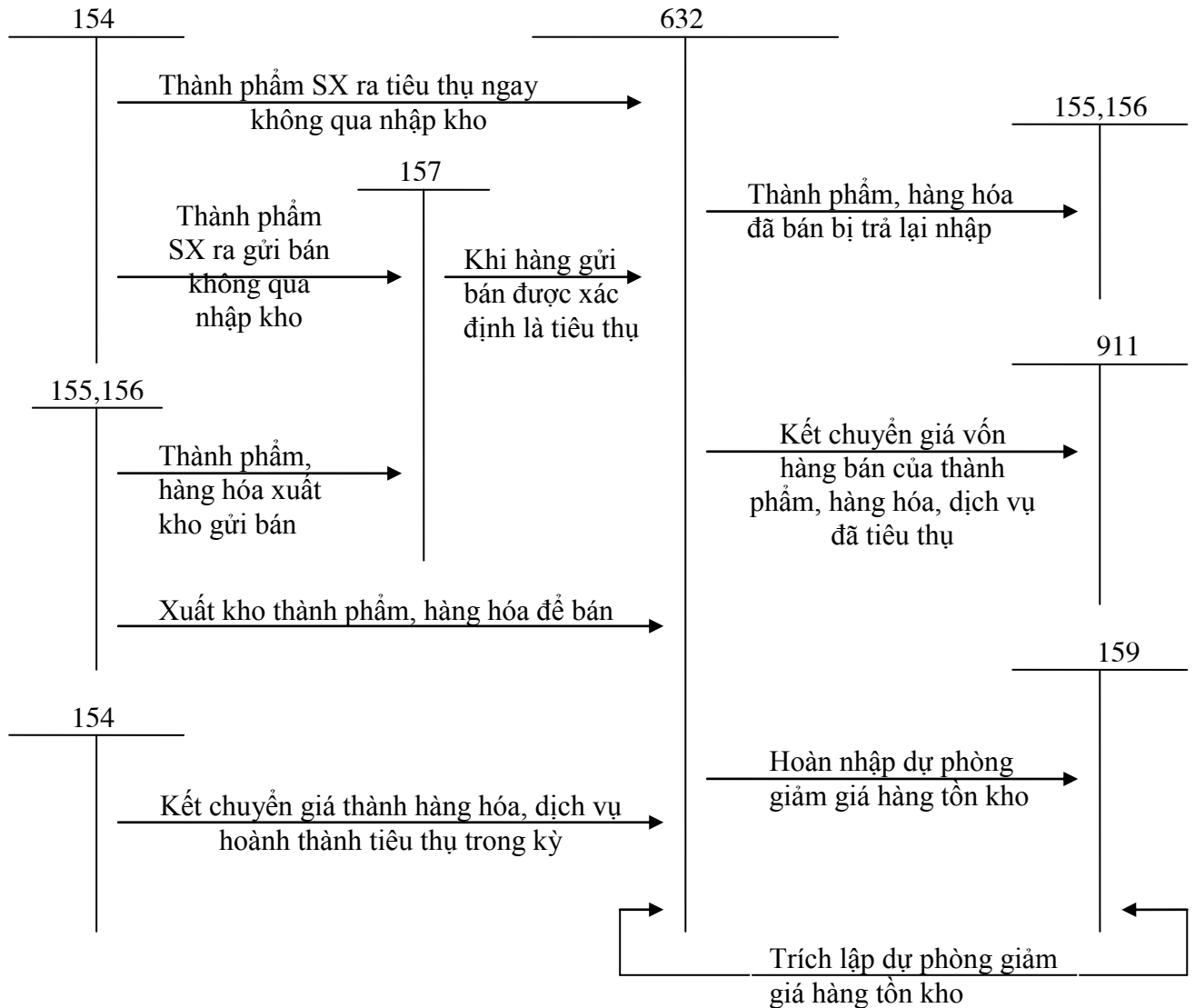
- + Phản ánh các khoản hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho cuối năm.
 - + Giá vốn của hàng bán bị trả lại
 - + Kết chuyển giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ trong kỳ và toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ sang TK911 - Xác định kết quả kinh doanh.
- TK 632 không có số dư cuối kỳ.

1.2.3.3. Phương pháp hạch toán

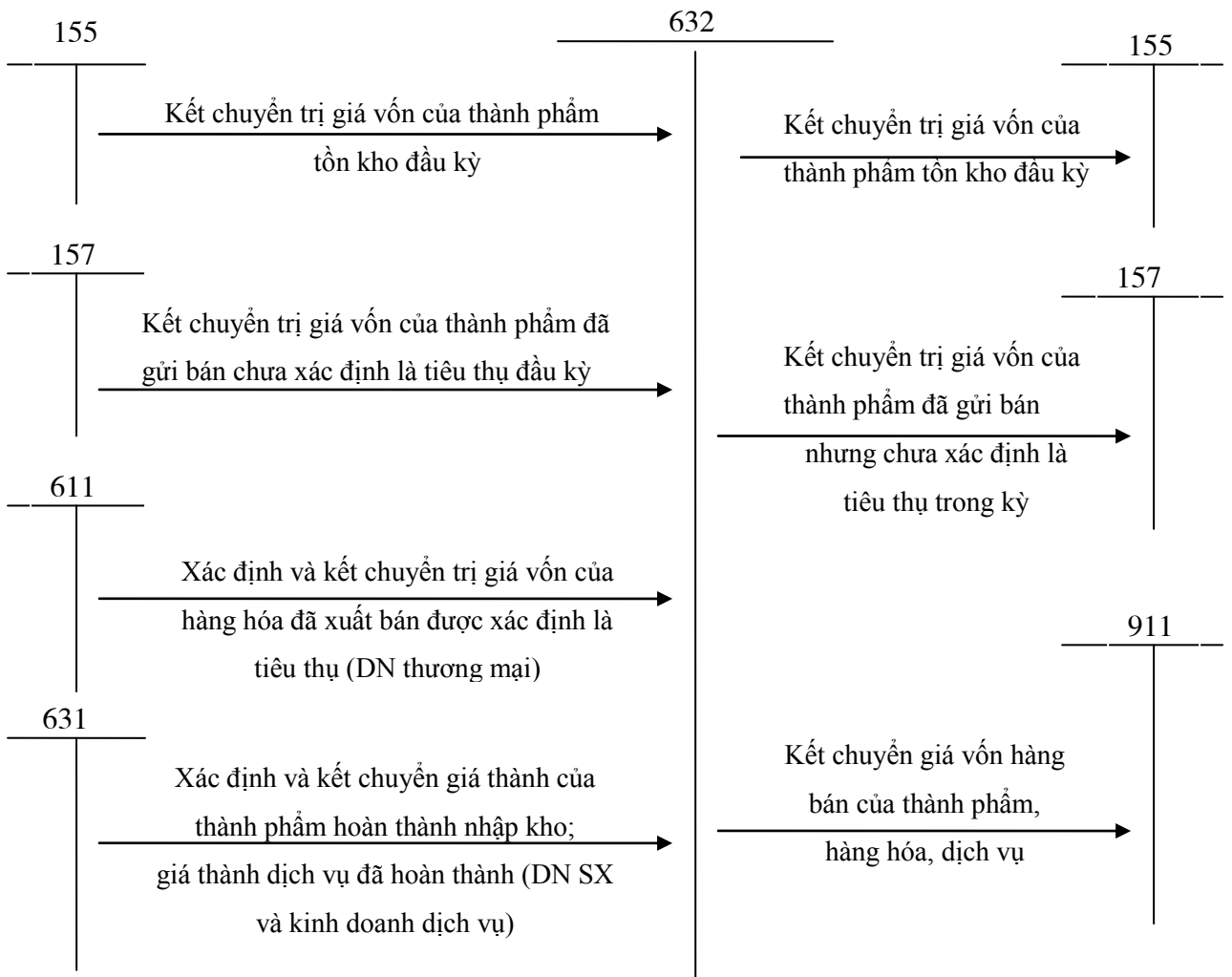
Phương pháp hạch toán giá vốn hàng bán đối với doanh nghiệp kế toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên và kiểm kê định kỳ được thể hiện qua **sơ đồ 1.3**:

Sơ đồ 1.3: Kế toán giá vốn hàng bán

Sơ đồ 1.3.a. Theo phương pháp kê khai thường xuyên:



Sơ đồ 1.3.b. Theo phương pháp kiểm kê định kỳ:



1.2.4. Kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp

1.2.4.1. Chứng từ sử dụng

- Bảng phân bổ tiền lương và BHXH (Mẫu số 11-LĐTL).
- Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ (Mẫu số 06-TSCĐ).
- Bảng phân bổ NVL – công cụ, dụng cụ (Mẫu số 07-VT).
- Các chứng từ gốc có liên quan: Phiếu chi, Phiếu kế toán...

1.2.4.2. Tài khoản sử dụng

✓ TK 641 - Chi phí bán hàng

* Kết cấu TK 641:

Bên Nợ :

+ Tập hợp chi phí bán hàng thực tế phát sinh trong kỳ.

Bên Có :

+ Các khoản giảm chi phí bán hàng (nếu có)

+ Kết chuyển chi phí bán hàng trong kỳ vào bên Nợ TK 911.

- TK 641 không có số dư

* Các tài khoản cấp 2:

- TK 6411 – Chi phí nhân viên
- TK 6412 - Chi phí vật liệu, bao bì
- TK 6413 - Chi phí dụng cụ đồ dùng
- TK 6414 - Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6415 - Chi phí bảo hành
- TK 6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6418 - Chi phí khác bằng tiền

✓ TK642 - Chi phí quản lý doanh nghiệp

* Kết cấu TK 642:

Bên Nợ :

+ Tập hợp chi phí quản lý doanh nghiệp thực tế phát sinh trong kỳ.

+ Dự phòng trợ cấp mất việc làm.

+ Số dự phòng phải thu khó đòi, dự phòng phải trả.

Bên Có :

+ Các khoản được phép ghi giảm chi phí quản lý (nếu có)

+ Kết chuyển chi phí quản lý doanh nghiệp trong kỳ vào bên Nợ TK911.

- TK 642 không có số dư

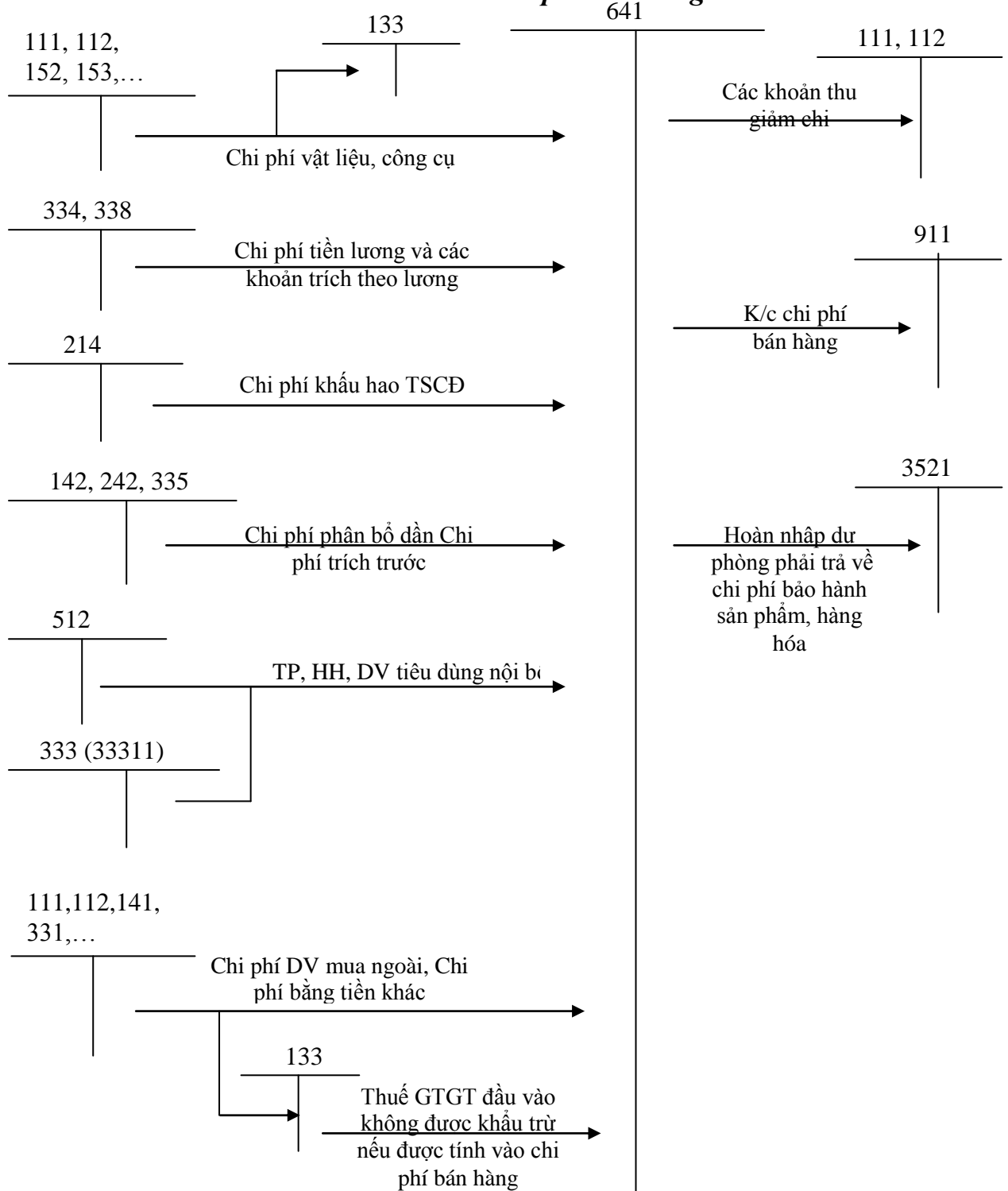
* Các tài khoản cấp 2:

- TK 6421 - Chi phí nhân viên quản lý
- TK 6422 - Chi phí vật liệu quản lý
- TK 6423 - Chi phí dụng cụ đồ dùng văn phòng
- TK 6424 - Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6425 - Thuế, phí, lệ phí.
- TK 6426 - Chi phí dự phòng
- TK 6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6428 - Chi phí khác bằng tiền

1.2.4.3. Phương pháp hạch toán

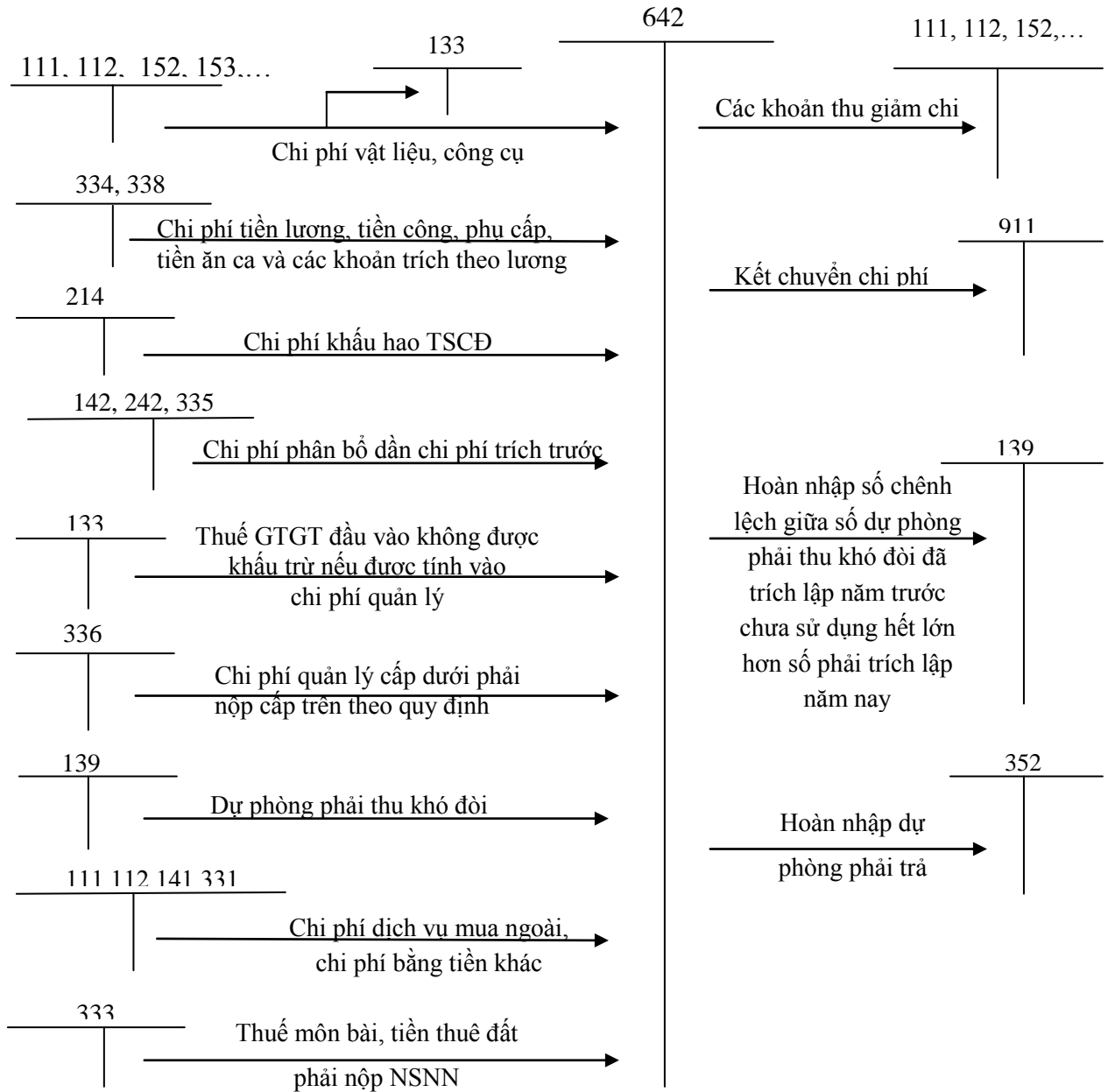
➤ Phương pháp hạch toán chi phí bán hàng được thể hiện qua **sơ đồ 1.4:**

Sơ đồ 1.4: Kế toán chi phí bán hàng



➤ Phương pháp hạch toán chi phí quản lý doanh nghiệp được thể hiện qua **sơ đồ 1.5**:

Sơ đồ 1.5: Kế toán chi phí quản lý doanh nghiệp



1.2.5. Kế toán doanh thu hoạt động tài chính và chi phí hoạt động tài chính

1.2.5.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, Phiếu chi, phiếu kế toán, giấy báo Có

1.2.5.2. Tài khoản sử dụng

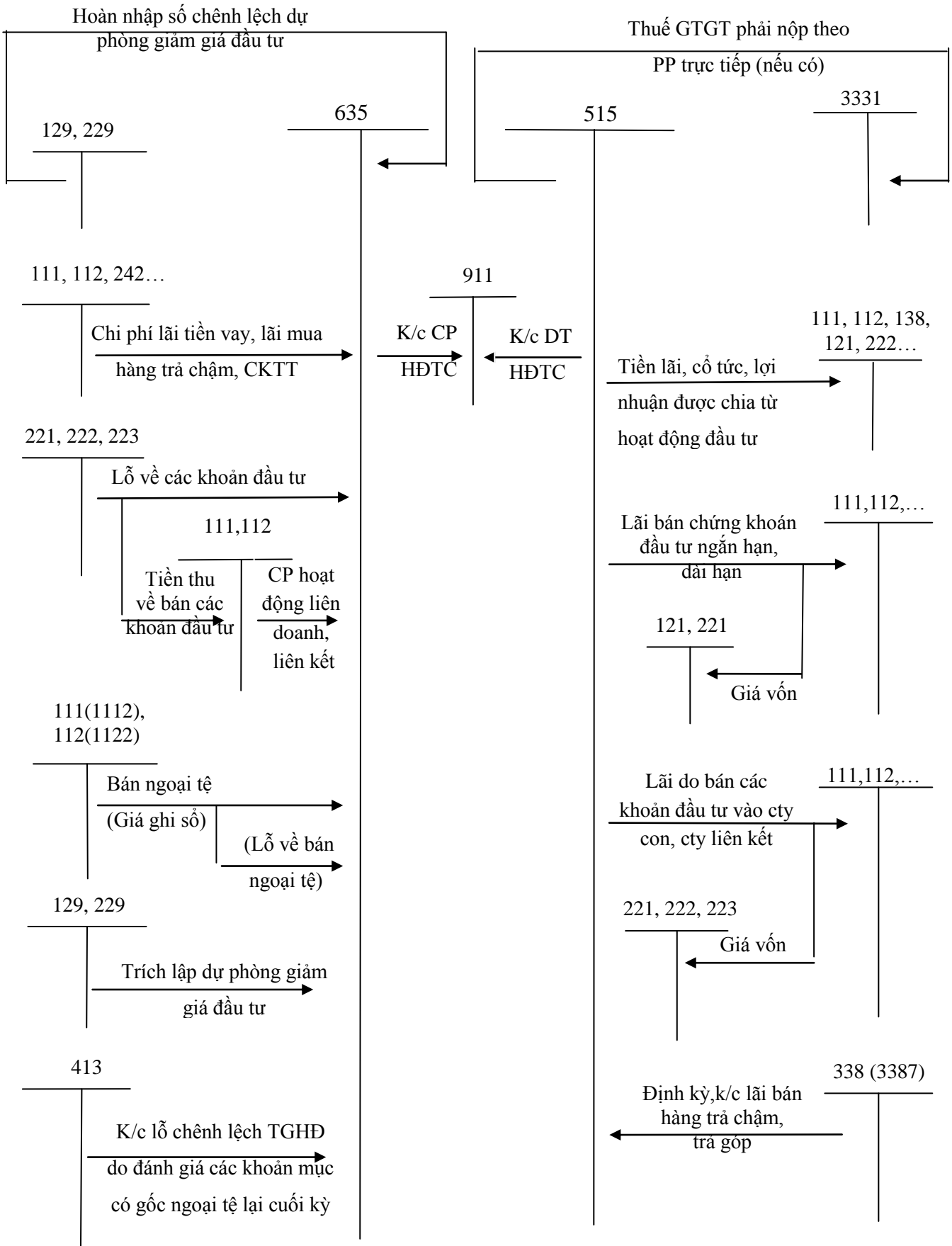
❖ TK 515 – Doanh thu hoạt động tài chính

❖ TK 635 – Chi phí tài chính

1.2.5.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính được thể hiện qua **sơ đồ 1.6**:

Sơ đồ 1.6: Kế toán doanh thu và chi phí hoạt động tài chính



1.2.6. Kế toán thu nhập khác và chi phí khác

1.2.6.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu thu, Phiếu chi, phiếu kế toán, giấy báo Có

1.2.6.2. Tài khoản sử dụng

✓ TK 711 – Thu nhập khác

✓ TK 811 – Chi phí khác

1.2.6.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán thu nhập khác và chi phí khác được thể hiện qua **sơ đồ 1.7**:

1.2.7. Kế toán xác định kết quả kinh doanh

1.2.7.1. Chứng từ sử dụng

- Các bảng phân bổ chi phí gồm : giá vốn hàng bán, chi phí bán hàng, chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác kết chuyển để xác định KQKD.

- Các bảng phân bổ doanh thu và thu nhập thuần kết chuyển để xác định KQKD.

- Các chứng từ khác có liên quan.

1.2.7.2. Tài khoản sử dụng

✓ TK 911 – Xác định kết quả kinh doanh

*Kết cấu TK 911:

Bên Nợ :

+ Trị giá vốn của sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ đã tiêu thụ và toàn bộ chi phí kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ

+ Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí tài chính, chi phí khác, chi phí thuế TNDN.

+ Lãi sau thuế các hoạt động khác trong kỳ

***Bên Có:**

+ Doanh thu thuần về sản phẩm, hàng hoá, dịch vụ tiêu thụ trong kỳ và doanh thu thuần kinh doanh bất động sản đầu tư phát sinh trong kỳ

+ Doanh thu hoạt động tài chính, thu nhập khác

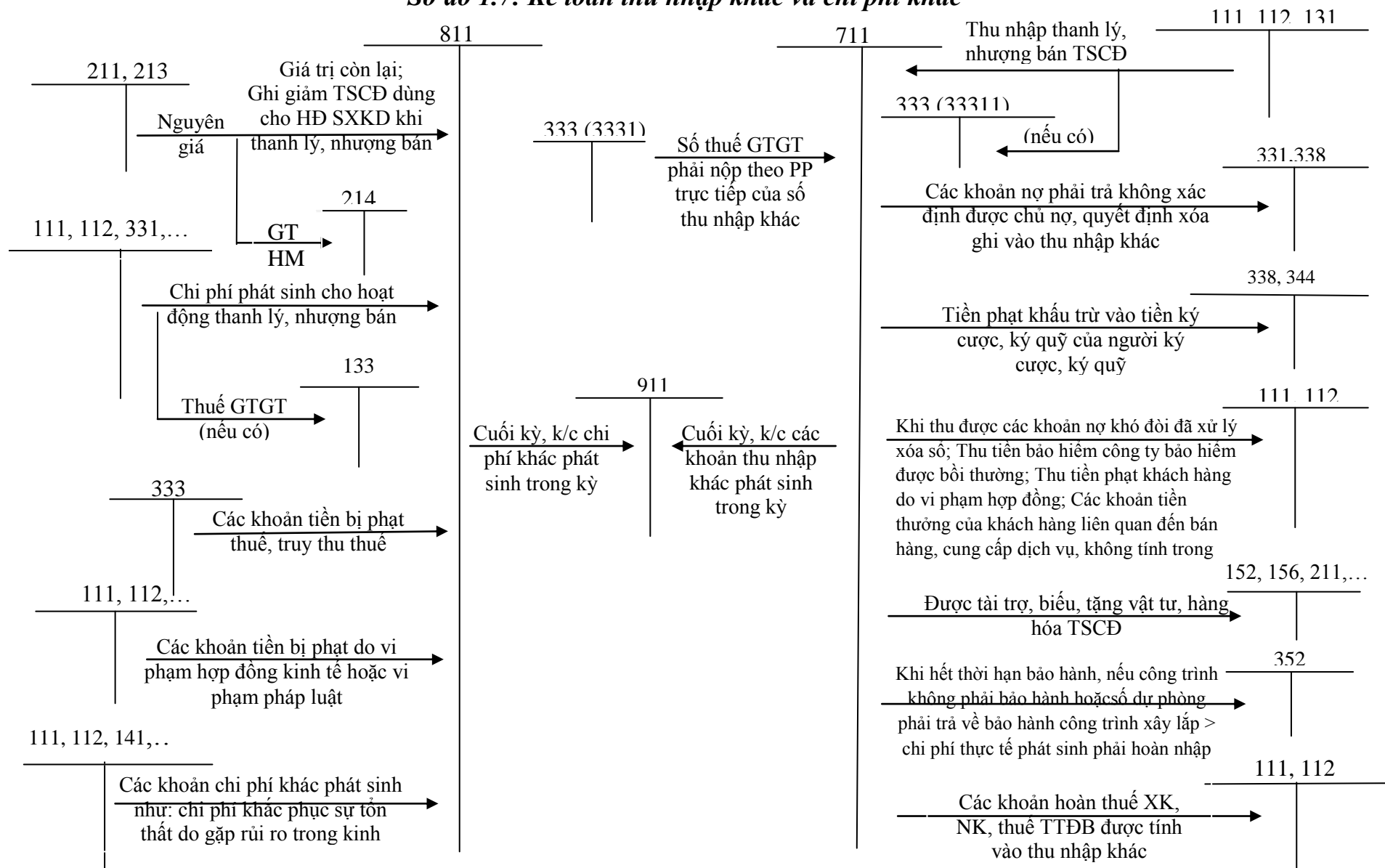
+ Lỗ về các hoạt động trong kỳ

- TK 911 không có số dư.

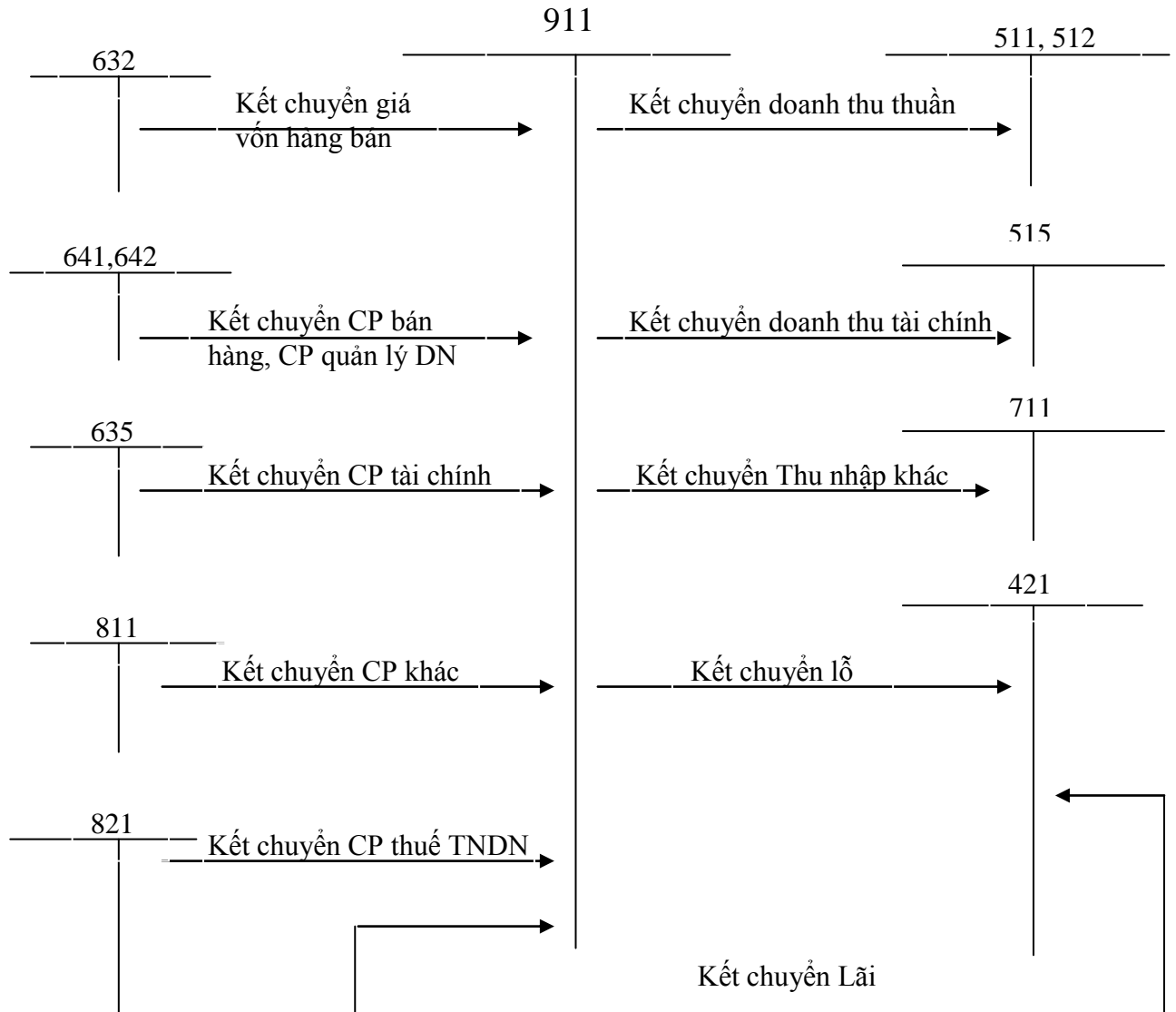
1.2.7.3. Phương pháp hạch toán

Phương pháp hạch toán xác định kết quả kinh doanh được thể hiện qua **sơ đồ 1.8**:

Sơ đồ 1.7: Kế toán thu nhập khác và chi phí khác



Sơ đồ 1.8: Kế toán xác định kết quả kinh doanh



1.3. CÁC HÌNH THỨC GHI SỔ KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TRONG DOANH NGHIỆP

1.3.1. Hình thức kế toán Nhật ký chung

1.3.1.4. Đặc điểm

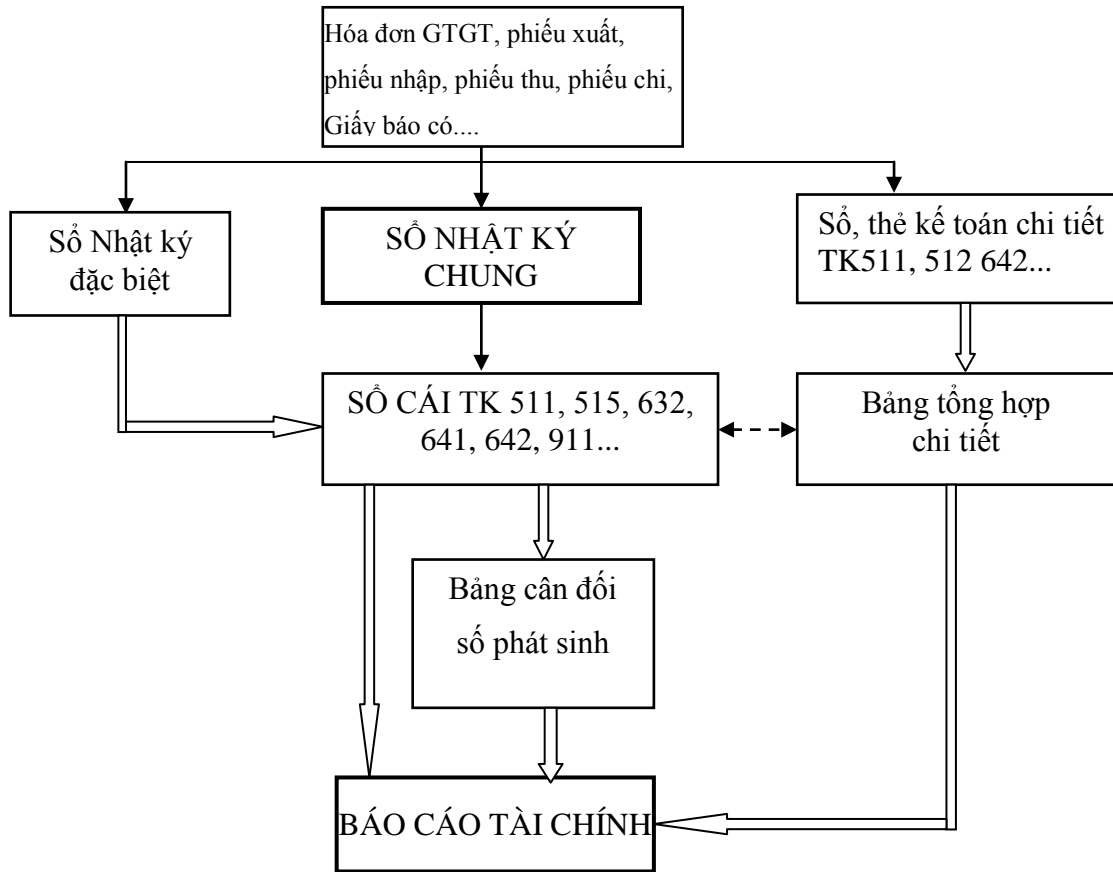
Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải được ghi vào sổ Nhật ký, mà trọng tâm là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế (định khoản kế toán) của nghiệp vụ đó. Sau đó lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi Sổ Cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

1.3.1.5. Sổ sách sử dụng

-Sổ Nhật ký chung, Sổ cái, các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

1.3.1.6. Trình tự ghi sổ kế toán

Sơ đồ 1.9: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký chung



Ghi chú:

Ghi hàng ngày \longrightarrow

Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ \Longrightarrow

Quan hệ đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

1.3.2. Hình thức kế toán Nhật ký - Sổ Cái

1.3.2.4. Đặc điểm

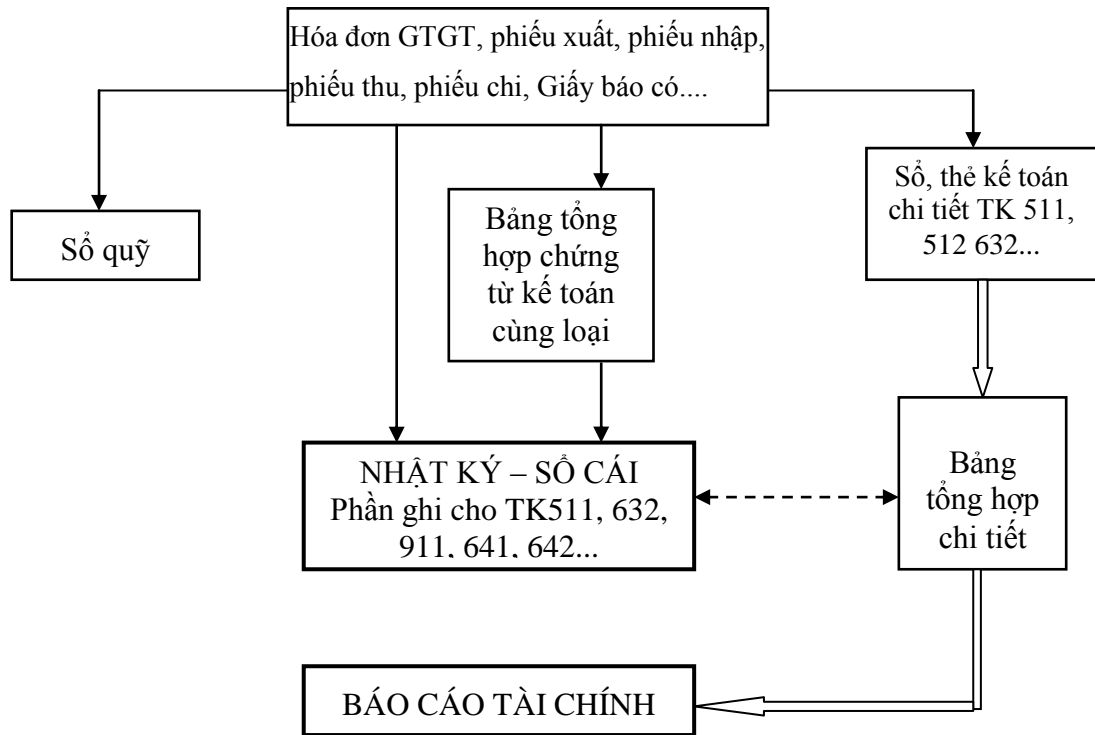
Các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh được kết hợp ghi chép theo trình tự thời gian và theo nội dung kinh tế (theo tài khoản kế toán) trên cùng một quyển sổ kế toán tổng hợp duy nhất là sổ Nhật ký - Sổ Cái. Căn cứ để ghi vào sổ Nhật ký - Sổ Cái là các chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại.

1.3.2.5. Sổ sách sử dụng

Sổ Nhật ký – Sổ cái, Các sổ, Thẻ kế toán chi tiết.

1.3.2.3. Trình tự ghi sổ kế toán

Sơ đồ 1.10: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Nhật ký – Sổ cái



Ghi chú:

Ghi hàng ngày →

Ghi cuối tháng ⇨

Đối chiếu, kiểm tra <-.-.->

1.3.3. Hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ

1.3.3.4. Đặc điểm

- Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là “Chứng từ ghi sổ”. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

+ Ghi theo trình tự thời gian trên Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ.

+ Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

- Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng Tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

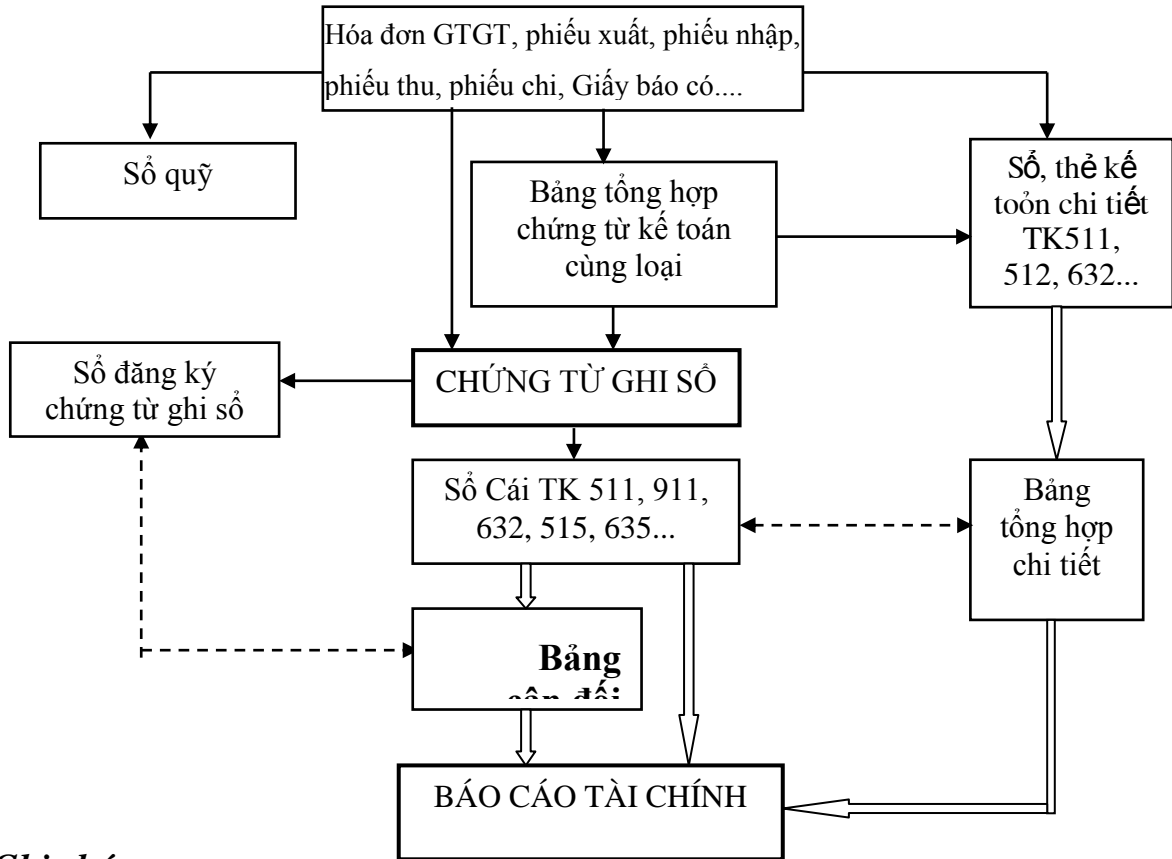
- Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm (theo số thứ tự trong Sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ) và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

1.3.3.5. Sổ sách sử dụng

Chứng từ ghi sổ, sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ, sổ Cái, các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

1.3.3.6. Trình tự ghi sổ kế toán

Sơ đồ 1.11: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán Chứng từ ghi sổ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng ⇨
- Đối chiếu, kiểm tra ↔

1.3.4. Hình thức sổ kế toán Nhật ký - Chứng từ

1.3.4.4. Đặc điểm

- Tập hợp và hệ thống hoá các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo bên Có của TK kết hợp với việc phân tích các nghiệp vụ kinh tế đó theo các TK đối ứng Nợ.
- Kết hợp chặt chẽ việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh theo trình tự thời gian với việc hệ thống hoá các nghiệp vụ theo nội dung kinh tế (theo tài khoản).
- Kết hợp rộng rãi việc hạch toán tổng hợp với hạch toán chi tiết trên cùng một sổ kế toán và trong cùng một quá trình ghi chép.

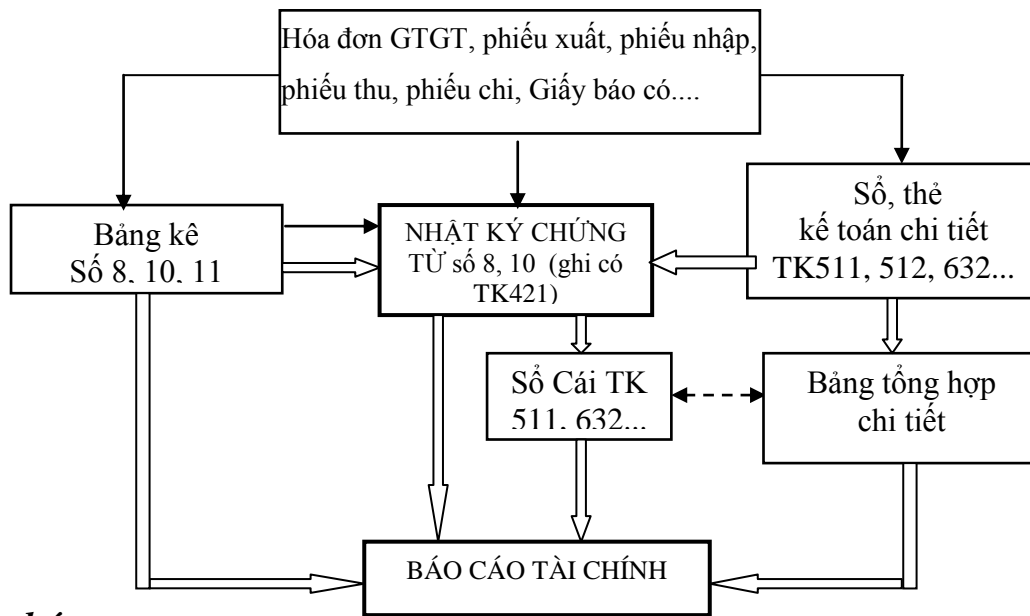
- Sử dụng các mẫu sổ in sẵn các quan hệ đối ứng tài khoản, chỉ tiêu quản lý kinh tế, tài chính và lập báo cáo tài chính.

1.3.4.5. Sổ sách sử dụng

Nhật ký chứng từ, Bảng kê, Sổ cái, Sổ, thẻ kế toán chi tiết

1.3.4.6. Trình tự ghi sổ kế toán

Sơ đồ 1.12: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chứng từ



Ghi chú:

- Ghi hàng ngày \longrightarrow
- Ghi cuối tháng \Longrightarrow
- Đối chiếu, kiểm tra \longleftrightarrow

1.3.5. Hình thức kế toán trên máy vi tính

1.3.5.4. Đặc điểm

Công việc kế toán được thực hiện theo một chương trình phần mềm kế toán trên máy vi tính. Phần mềm kế toán được thiết kế theo nguyên tắc của một trong bốn hình thức kế toán hoặc kết hợp các hình thức kế toán quy định trên đây. Phần mềm kế toán không hiển thị đầy đủ quy trình ghi sổ kế toán, nhưng phải in được đầy đủ sổ kế toán và báo cáo tài chính theo quy định.

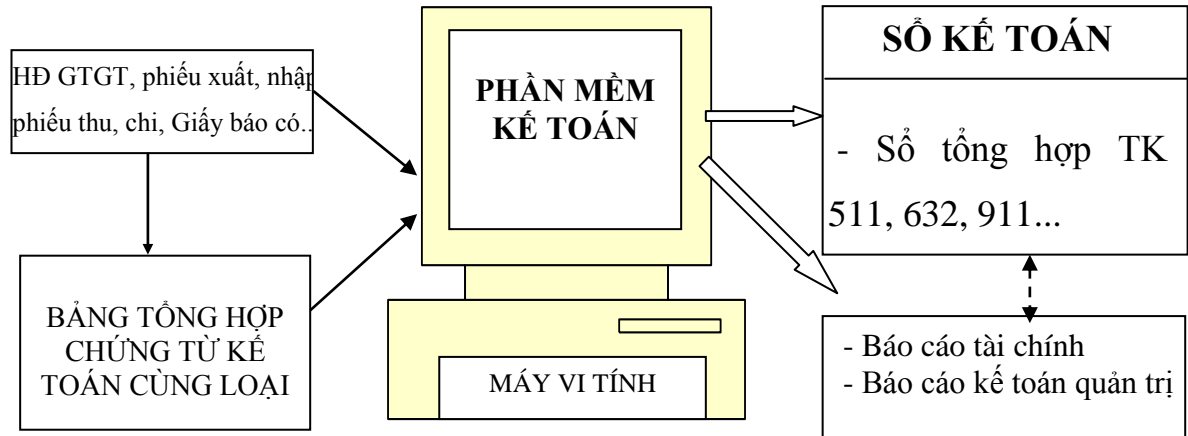
1.3.5.5. Sổ sách sử dụng

Phần mềm kế toán được thiết kế theo Hình thức kế toán nào sẽ có các loại sổ của hình

thức kế toán đó nhưng không hoàn toàn giống mẫu sổ kế toán ghi bằng tay.

1.3.5.6. Trình tự ghi sổ kế toán

Sơ đồ 1.13: Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức kế toán trên máy vi tính

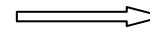


Ghi chú:

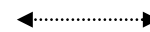
Nhập số liệu hàng ngày



In sổ, báo cáo cuối tháng, cuối năm



Đối chiếu, kiểm tra



CHƯƠNG 2

THỰC TẾ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU HẢI PHÒNG

2.1. KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU HẢI PHÒNG

2.1.1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ và XNK Hải Phòng

- Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ và xuất nhập khẩu Hải Phòng là Công ty Nhà nước giữ 100% vốn Điều lệ.
- Tiền thân của công ty là Liên hiệp hợp tác xã mua bán Hải Phòng được thành lập theo quyết định số 427/QĐ - TCCQ ngày 24 tháng 4 năm 1984 của UBND HP.
- Theo quyết định số 1560/QĐ-TCCQ ngày 22 tháng 12 năm 1992, Liên hiệp hợp tác xã mua bán Hải Phòng chuyển hướng kinh doanh và đổi tên thành Công ty thương mại dịch vụ và xuất nhập khẩu Hải Phòng.
- Công ty được Bộ Thương mại cấp giấy phép xuất nhập khẩu trực tiếp, là loại hình doanh nghiệp Nhà nước, chính thức đi vào hoạt động theo quyết định số 1609/QĐ - TCCQ ngày 31 tháng 12 năm 1992.
- Theo Quyết định số 1018/QĐ-UBND ngày 29 tháng 06 năm 2010 của Ủy ban nhân dân thành phố Hải Phòng, Công ty thương mại dịch vụ và xuất nhập khẩu Hải Phòng được chuyển đổi thành Công ty TNHH một thành viên.
- Tên công ty viết bằng tiếng Việt:

CÔNG TY TNHH MỘT THÀNH VIÊN THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU HẢI PHÒNG

Tên giao dịch tiếng Anh :

HAIPHONG TRADING IMPORT - EXPORT AND SERVICES ONE MEMBER LIMITED COMPANY

Tên viết tắt : **TRADIMEXCO**

Trụ sở giao dịch: 19 Ký Con – Phạm Hồng Thái - Hồng Bàng - Hải Phòng

Điện thoại: 031.3838880

Fax: 031.3838154

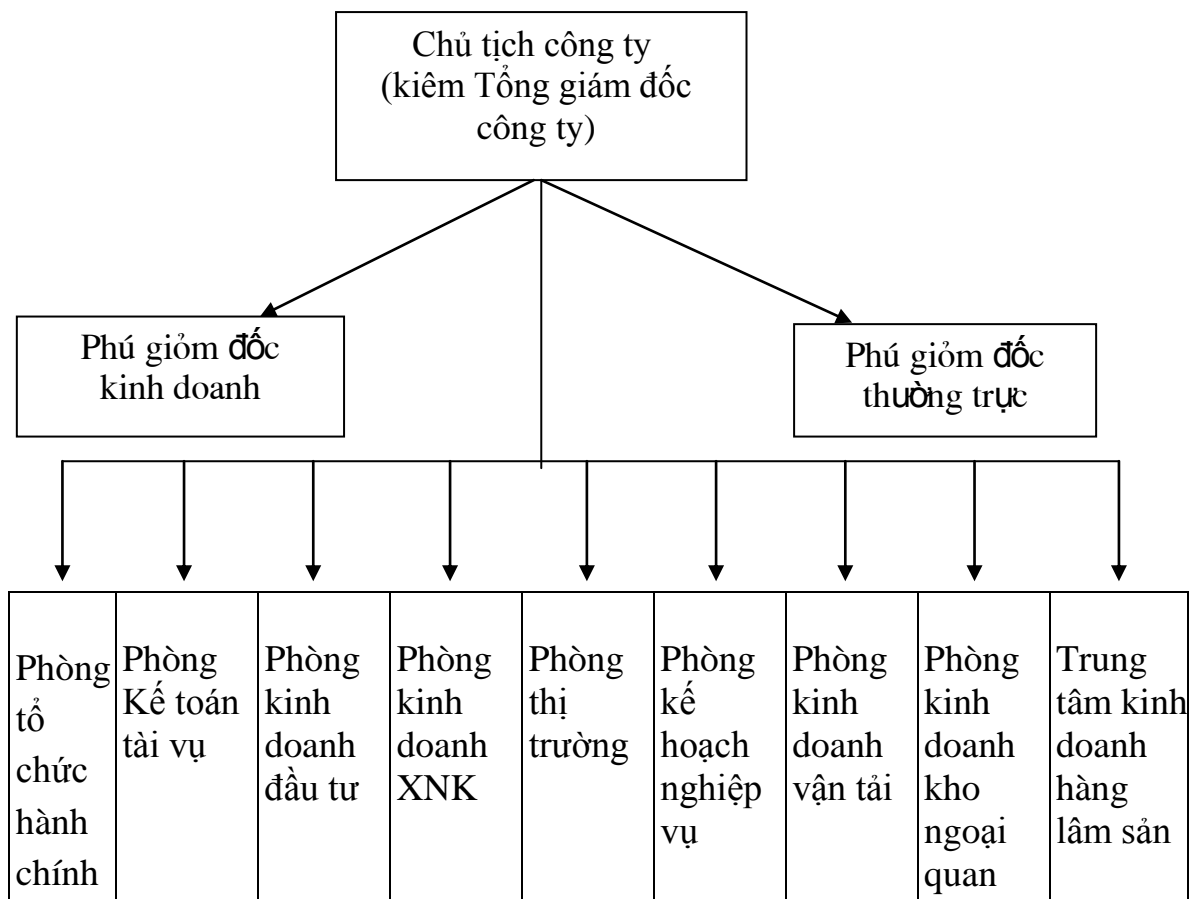
Số Tài khoản : 0031000033274 tại NH Ngoại thương Hải Phòng.

Vốn điều lệ: 6.765.000.000 đồng

Tên chủ sở hữu: ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

2.1.2. Đặc điểm tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ và XNK Hải Phòng

Sơ đồ 2.1: Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ và XNK HP



✧ **Chủ tịch Công ty (kiêm Tổng giám đốc công ty)** : là người có quyền lực cao nhất trong Công ty, chịu mọi trách nhiệm với Nhà nước, cũng như cán bộ công nhân viên trong lĩnh vực kinh doanh. Tổng giám đốc phụ trách chung toàn bộ Công

ty, giám sát, điều hành, các hoạt động kinh doanh. Quyết định của Tổng giám đốc là quyết định cuối cùng trong công việc của Công ty.

Phó giám đốc giúp việc cho Tổng giám đốc trực tiếp chỉ đạo các mặt nghiệp vụ, các bộ phận hoạt động theo chức năng của mình. Công ty có 2 PGĐ: PGĐ kinh doanh, PGĐ thường trực.

✧ **Phó giám đốc kinh doanh:** Chịu trách nhiệm nghiên cứu thị trường, nắm bắt nhanh chóng, kịp thời những nhu cầu cần thiết của người tiêu dùng, những nguồn hàng phục vụ tiêu dùng. Từ đó, xây dựng lên những phương án kinh doanh chính xác, kịp thời đảm bảo hiệu quả kinh tế.

✧ **Phó giám đốc thường trực:** Cung cấp những thông tin giúp Tổng giám đốc theo dõi và điều hành các chi nhánh.

✧ **Phòng tổ chức hành chính:** Giúp ban giám đốc tổ chức quản lý toàn bộ số cán bộ công nhân viên trong Công ty.

✧ **Phòng kế toán tài vụ :** có nhiệm vụ giúp ban giám đốc lập kế hoạch kinh doanh cho năm tới và theo dõi các mặt hoạt động kinh doanh, ghi chép sổ sách kế toán một cách trung thực và đầy đủ nhất, lập báo cáo tài chính về tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh của Công ty.

✧ **Phòng kế hoạch nghiệp vụ :** có nhiệm vụ cùng ban giám đốc, phòng kế toán tài vụ lập kế hoạch kinh doanh cho năm tài chính sau, cùng phòng tổ chức hành chính xây dựng kế hoạch, chiến lược con người của Công ty, phân bổ, giám sát việc thực hiện kế hoạch kinh doanh của các bộ phận trong Công ty. Thống kê các chỉ tiêu quan trọng, có ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

✧ **Phòng thị trường:** Tiếp cận thị trường, nắm các thông tin kinh tế kịp thời đưa vào kinh doanh. Ký và thực hiện hợp đồng với khách hàng, phụ trách giới thiệu và bán sản phẩm cho công ty.

✧ **Phòng kinh doanh xuất nhập khẩu:** Theo dõi quá trình mua và bán sản phẩm ra thị trường nước ngoài. Cùng với phòng kinh doanh kho ngoại quan làm các thủ tục cần thiết cho quá trình vận chuyển hàng hóa ra nước ngoài.

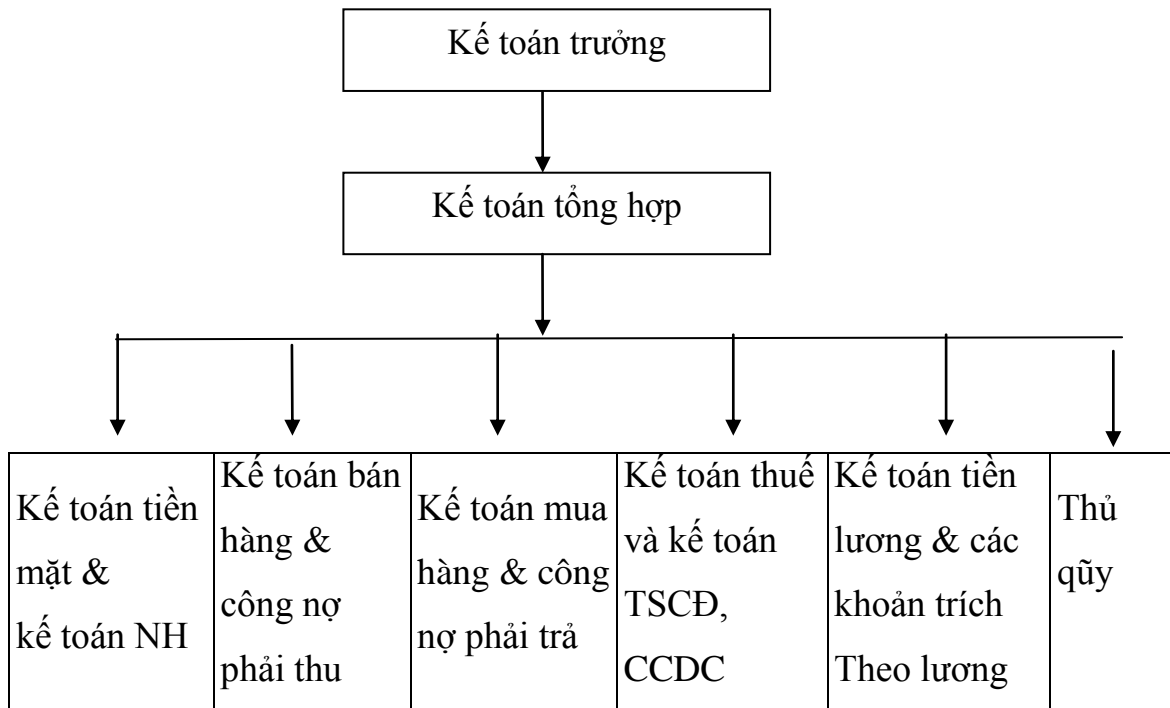
2.1.3. Đặc điểm tổ chức công tác kế toán tại Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ và XNK Hải Phòng

2.1.3.1. Cơ cấu tổ chức bộ máy kế toán tại Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ và XNK Hải Phòng

Phòng kế toán làm nhiệm vụ hạch toán chi tiết và hạch toán tổng hợp, lập báo cáo kế toán, phân tích hoạt động kinh tế và kiểm tra công tác kế toán toàn Công ty.

Hiện nay, phòng kế toán của Công ty có 8 người: 1 kế toán trưởng, 6 kế toán viên và 1 thủ quỹ.

Sơ đồ 2.2 : Tổ chức bộ máy kế toán tại
Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ và XNK Hải Phòng



❖ Đứng đầu là **Kế toán trưởng**: Có nhiệm vụ tổ chức và kiểm tra công tác hạch toán ở đơn vị, chỉ đạo hạch toán các khâu, các bộ phận kế toán. Kế toán trưởng có nhiệm vụ quan trọng trong việc thiết kế phương án tự chủ tài chính đảm bảo khai thác và sử dụng có hiệu quả mọi nguồn vốn của Công ty, như việc tính toán chính xác mức vốn cần thiết, tìm ra biện pháp tăng nhanh vòng quay vốn, tăng lợi nhuận cho Công ty.

❖ **Kế toán tổng hợp:** cùng kế toán trưởng chỉ đạo hạch toán ở bộ phận kế toán, tập trung các phần hành kế toán riêng của từng kế toán chi tiết lên sổ tổng hợp, sau đó đối chiếu và tập hợp báo cáo tổng hợp, lên báo cáo quyết toán.

❖ **Kế toán tiền mặt, ngoại tệ và theo dõi tiền vay ngân hàng** (1 người): Có trách nhiệm mở sổ kế toán "quỹ tiền mặt", sổ theo dõi chi tiết đối với từng loại tiền, từng ngân hàng, hàng ngày ghi chép tình hình nhập-xuất-tồn quỹ tiền mặt. Chịu trách nhiệm quản lý, theo dõi và lập báo cáo về tình hình tăng giảm tiền mặt cũng như ngoại tệ và theo dõi, lập báo cáo TGNH của Công ty.

❖ **Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương** (1 người): quản lý, theo dõi lao động về mặt số lượng. Lập bảng thanh toán tiền lương và bảo hiểm xã hội căn cứ vào khung bậc lương và kết quả lương cho từng người.

❖ **Kế toán theo dõi thuế và TSCĐ, CCDC** (1 người): hàng ngày phải thu thập chứng từ hoá đơn GTGT hợp lý đầu vào, đầu ra để kê khai thuế. Thường xuyên theo dõi, kiểm tra, đôn đốc việc nộp thuế nhập khẩu và thuế GTGT nhập khẩu đến hạn. Chịu trách nhiệm theo dõi về thuế và các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước đồng thời theo dõi tình hình tăng, giảm, tồn TSCĐ, công cụ lao động, phân bổ công cụ lao động và trích khấu hao TSCĐ theo quy định của Nhà nước .

❖ **Kế toán theo dõi nhập hàng hoá và công nợ phải trả** (1 người): theo dõi và hạch toán toàn bộ quá trình nhập hàng hoá và thanh toán cho người bán. Thường xuyên đối chiếu với kế toán bán hàng.

❖ **Kế toán theo dõi xuất hàng hóa và công nợ phải thu** (1 người): Theo dõi chi tiết từng khoản nợ phải thu và hạch toán toàn bộ quá trình xuất hàng hóa. Thường xuyên đối chiếu, đôn đốc việc thanh toán được kịp thời. Đối với các khoản nợ phải thu có gốc ngoại tệ, kế toán cần phải theo dõi cả về nguyên tệ và quy đổi theo Việt Nam đồng.

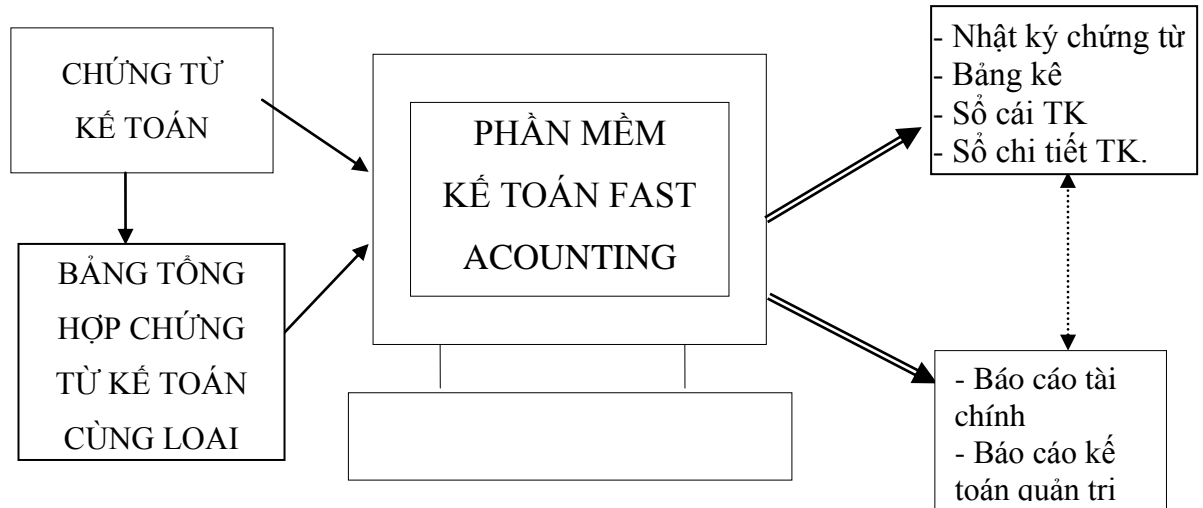
❖ **Thủ quỹ** (1 người): Thực hiện tất cả các nghiệp vụ kinh tế tài chính phát sinh liên quan đến việc thu chi tiền mặt, và việc bảo quản tiền mặt tại quỹ căn cứ vào các bản chứng từ hợp lệ, hợp pháp.

2.1.3.2. Hình thức kế toán và các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ và XNK Hải Phòng

Hiện nay công ty đang sử dụng phần mềm kế toán **Fast Accounting** và mẫu sổ được thiết kế theo hình thức kế toán Nhật ký – chứng từ.

➤ **Trình tự ghi sổ kế toán áp dụng tại công ty:**

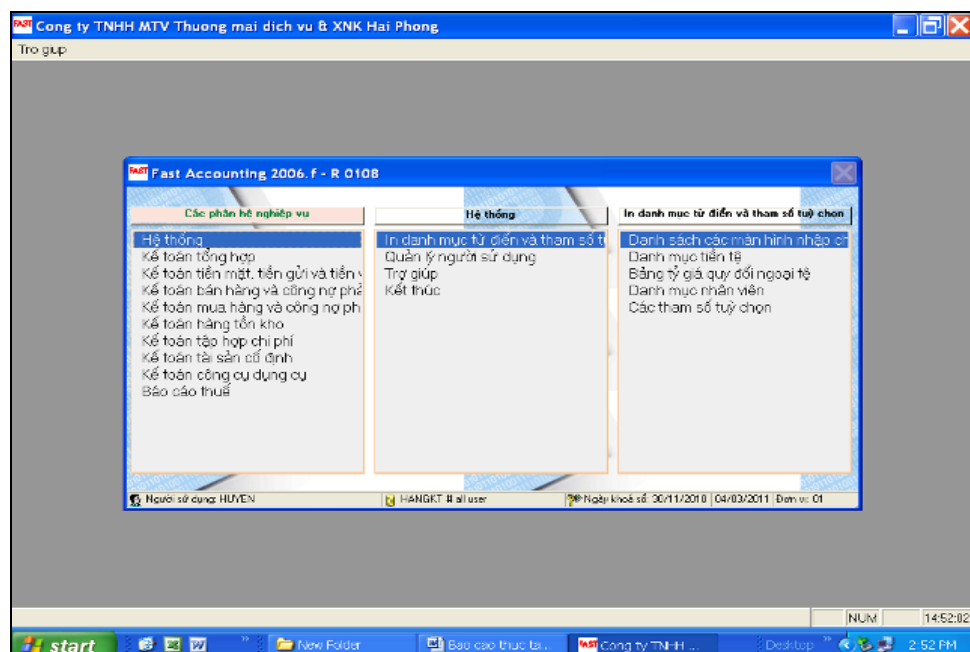
Sơ đồ 2.3: Trình tự kế toán máy trong công ty



Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
- ⇒ : Ghi cuối tháng
- ⋯ : Quan hệ đối chiếu, kiểm tra.

Hình ảnh 2.1: Giao diện phần mềm Fast Accounting



Hàng ngày, kế toán căn cứ vào chứng từ kế toán đã được kiểm tra, được dùng làm căn cứ ghi sổ, xác định tài khoản ghi Nợ, tài khoản ghi Có để nhập dữ liệu vào máy vi tính theo các bảng, biểu được thiết kế sẵn trên phần mềm kế toán. Theo quy trình của phần mềm kế toán, các thông tin được tự động nhập vào sổ kế toán tổng hợp và các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

Cuối kỳ (hoặc bất kỳ vào thời điểm cần thiết nào), kế toán thực hiện các thao tác khoá sổ (cộng sổ) và lập báo cáo tài chính. Việc đối chiếu giữa số liệu tổng hợp với số liệu chi tiết được thực hiện tự động và luôn đảm bảo chính xác, trung thực theo thông tin đã được nhập trong kỳ. Người làm kế toán có thể kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa sổ kế toán với báo cáo tài chính sau khi đã in ra giấy. Cuối tháng, cuối năm sổ kế toán tổng hợp và sổ kế toán chi tiết được in ra giấy, đóng thành quyển và thực hiện các thủ tục pháp lý theo quy định về sổ kế toán ghi bằng tay.

↯ Các chính sách kế toán áp dụng tại Công ty:

- Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC/CĐKT ngày 20/03/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.
- Niên độ kế toán bắt đầu từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 dương lịch hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng: VNĐ.
- Công ty hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá trị hàng xuất kho theo phương pháp bình quân gia quyền.
- Phương pháp tính khấu hao: phương pháp tính bình quân (theo tỷ lệ do Bộ Tài chính quy định), không có trường hợp khấu hao đặc biệt.
- Công ty thực hiện kế toán thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

2.2. THỰC TẾ CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU HẢI PHÒNG

2.2.1. Thực tế công tác kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ và XNK Hải Phòng

Đặc điểm kế toán doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tại Công ty:

- Hình thức bán hàng: Bán theo phương thức trực tiếp (bán buôn, bán lẻ, tự chọn)

• Hình thức thanh toán:

- Hình thức trả tiền ngay
- Trả bằng tiền mặt hoặc séc chuyển khoản...Hình thức này áp dụng với mọi khách hàng để đảm bảo thu hồi vốn nhanh phục vụ cho hoạt động sản xuất, tránh tình trạng chiếm dụng vốn.
- Hình thức bán chịu: Hình thức này áp dụng cho những khách hàng lớn, có khả năng tài chính, khách hàng lâu năm.

2.2.1.1. Chứng từ sử dụng

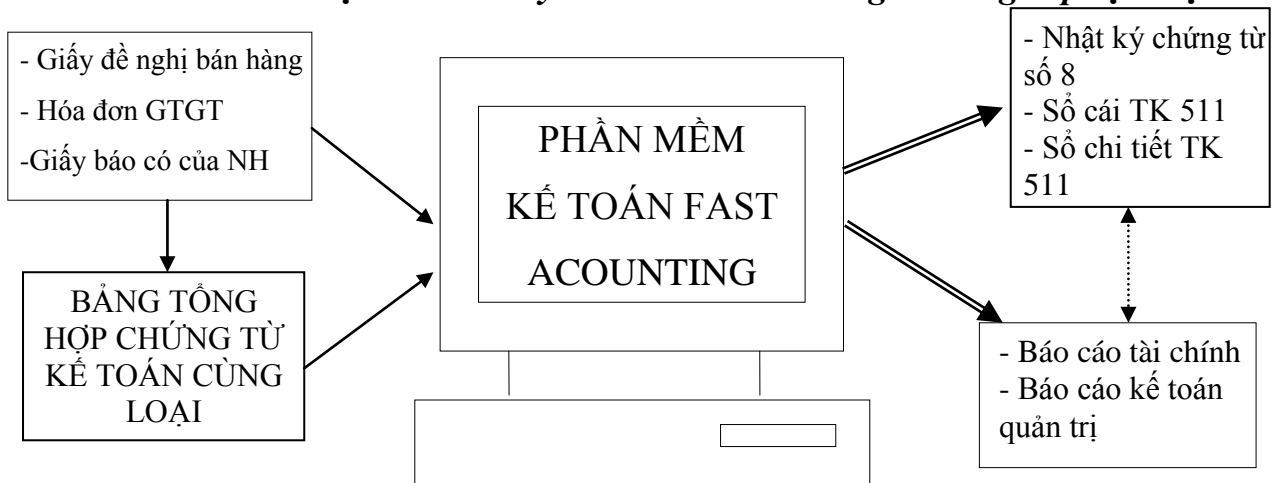
- Giấy đề nghị bán hàng
- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01-GTKL-3LL)
- Ủy nhiệm thu, giấy báo có của Ngân hàng...

2.2.1.2. Tài khoản sử dụng

- TK 511: Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
- ✓ TK 5111: Doanh thu hàng hóa
- TK 51111: Doanh thu bán hàng hóa nội địa
- ✓ TK 5112: Doanh thu bán thành phẩm
- TK 51121: Doanh thu bán thành phẩm nội địa
- ✓ TK 5113: Doanh thu cung cấp dịch vụ
- TK 51131: Doanh thu cung cấp dịch vụ nội địa

2.2.1.3. Trình tự hạch toán

Sơ đồ 2.4: Trình tự kế toán máy Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ



Ghi chú:

- :Ghi hàng ngày
- ==> :Ghi cuối tháng
- ⋯↔ :Quan hệ đối chiếu, kiểm tra.

Thông qua ví dụ 2.1, em xin trình bày cụ thể cách hạch toán kế toán doanh thu và cung cấp dịch vụ tại Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ và xuất nhập khẩu Hải Phòng.

Ví dụ 2.1: Ngày 24/12/2010, xuất bán một số mặt hàng gỗ ép cho Công ty cổ phần thương mại Thăng Hằng. Sau khi nhận được yêu cầu mua hàng của Công ty cổ phần thương mại Thăng Hằng, Trung tâm kinh doanh hàng lâm sản là nơi trực tiếp cung cấp mặt hàng gỗ ép gửi “Giấy đề nghị bán hàng” lên phòng Kế toán tài vụ. Căn cứ vào “Giấy đề nghị bán hàng” của Trung tâm kinh doanh hàng lâm sản đưa lên, kế toán viên tiến hành viết Hóa đơn GTGT số 0068647. Hóa đơn GTGT được lập thành 3 liên:

- * Liên 1 (*màu tím*): Lưu tại quyển
- * Liên 2 (*màu đỏ*): Giao cho khách hàng
- * Liên 3 (*màu xanh*): Dùng để hạch toán

Dưới đây là mẫu Giấy đề nghị bán hàng do Trung tâm kinh doanh hàng lâm sản gửi lên phòng kế toán tài vụ vào ngày 24/12/2010 và mẫu Hóa đơn GTGT số 0068647.

CÔNG TY TNHH MTV T MẠI D VỤ & XNK HP
TRUNG TÂM KINH DOANH HÀNG LÂM SẢN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

-----000-----

GIẤY ĐỀ NGHỊ BÁN HÀNG

Kính gửi: - **Giám đốc Công ty.**
- **Phòng kế toán tài vụ.**

Trung tâm sản xuất và kinh doanh hàng lâm sản đã bán cho khách hàng một số mặt hàng gỗ ép sau:

- Công ty cổ phần thương mại Thăng Hằng.
- Địa chỉ: Số 113 Tô Hiệu, Hải Phòng.
- Mã số thuế: 0200687615

STT	Tên hàng	Trị giá bán		
		SL	Đơn giá	Thành tiền
1	2	3	4	5
1	Gỗ ép 15ly x 1220 x 2440	80	102.000	8.160.000
2	Gỗ ép 12ly x 1220 x 2440	80	90.000	7.200.000
3	Gỗ ép 9ly x 1220 x 2440	40	68.000	2.720.000
	Tổng giá chưa thuế:			18.080.000
	Thuế VAT p.nộp (10%):			1.808.000
	Tổng giá đã có thuế:			19.888.000
	Số phải nộp về Công ty:			9.270.268

Kính đề nghị Giám đốc Công ty, Phòng kế toán tài vụ xuất hóa đơn GTGT cho khách hàng như trên.

Hải Phòng, ngày 24 tháng 12 năm 2010

GIÁM ĐỐC	KẾ TOÁN TRƯỞNG	TRUNG TÂM KINH DOANH HÀNG LÂM SẢN
(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)	(Ký, họ tên)
Trần Văn Đạo	Vũ Thị Nhanh	Phan Anh Quân

Biểu số 2.1: Giấy đề nghị bán hàng của Trung tâm kinh doanh hàng lâm sản

Biểu số 2.2: Hóa đơn GTGT số 0068647

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT-3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		KM/2010 B			
Liên 3 : Nội bộ		0068647			
<i>Ngày 24 tháng 12 năm 2010</i>					
Đơn vị bán hàng: Cty TNHH MTV Thương mại dịch vụ & Xuất nhập khẩu HP					
Địa chỉ: 19 Ký con, Hồng Bàng, Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Điện thoại: MS: <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="2"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text" value="3"/> <input type="text" value="8"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="4"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty Cổ Phần Thương mại Thăng Hằng					
Địa chỉ: 113 Tô Hiệu, Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: TM MS: <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="2"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="6"/> <input type="text" value="8"/> <input type="text" value="7"/> <input type="text" value="6"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text" value="5"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Gỗ ép 15ly x1220x2440	Tám	80	102.000	8.160.000
2	Gỗ ép 12ly x1220x2440	Tám	80	90.000	7.200.000
3	Gỗ ép 9ly x1220x2440	Tám	40	68.000	2.720.000
Cộng tiền hàng:					18.080.000
Thuế suất GTGT: 10%		Tiền thuế GTGT:		1.808.000	
Tổng cộng tiền thanh toán:					19.888.000
Số tiền viết bằng chữ:		<i>Mười chín triệu, tám trăm tám mươi tám nghìn đồng.</i>			
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên) Phan Anh Quân		Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên) Trần Văn Đạo		Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên) Trần Văn Đạo	
<i>(Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)</i>					

Từ Hóa đơn GTGT số 0068647, kế toán viên nhập số liệu vào máy vi tính. Quy trình như sau:

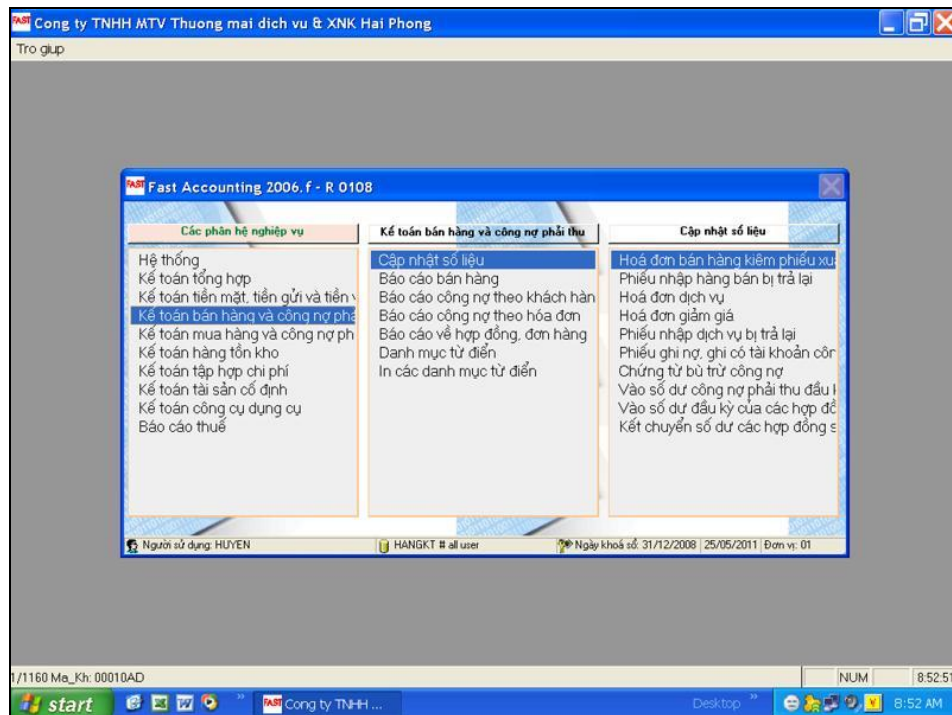
- Khởi động phần mềm **Fast Accounting** bằng cách nhấp chuột vào biểu tượng



FAST 2006 trên màn hình desktop của máy vi tính. Sau khi nhập mật khẩu, nhấn Enter để vào giao diện chính của phần mềm.

- Sau khi vào giao diện chính của phần mềm, trong phần “Các phân hệ nghiệp vụ” chọn “Kế toán bán hàng và công nợ phải thu”; chọn tiếp “Cập nhật dữ liệu”, tiếp tục chọn “Hóa đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho” (Hình ảnh 2.2), nhấn Enter.

Hình ảnh 2.2: Lựa chọn đường dẫn Kế toán bán hàng và công nợ phải thu



- Màn hình hiện lên yêu cầu chọn thời gian làm việc



Ta sửa ngày tháng làm việc là “Từ ngày”: 01/12/2010 “Đến ngày”: 24/12/2010.

- Màn hình tiếp tục hiện lên Hóa đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho gần nhất, chọn “Mới” để điền số liệu, cập nhật Hóa đơn bán hàng mới.

- Cách điền số liệu: (Hình ảnh 2.3)

+ “Loại hóa đơn”: **1** – Xuất bán

+ Chọn “Mã khách”: **01XG03** - máy tính sẽ tự lên tên , địa chỉ, mã số thuế của khách hàng theo dữ liệu đã lưu sẵn trong phần mềm.

+ Điền “Diễn giải”, “Ngày ht”, “Ngày lập ct”, “số hđ”, “mã nx”.

+ Chọn “Mã hàng”, máy tính tự lên “Tên hàng”, “Đvt”, “Mã kho”, “Tài khoản đối ứng”, “Mã thuế” và % thuế suất: **01HH22** – Gỗ ép 15 ly; **01HH21** – Gỗ ép 12 ly; **01HH23** – Gỗ ép 9 ly.

+ Điền “Số lượng”, “Giá bán”

+Nhập xong chọn “Lưu”, máy tính hiển thị “Chương trình đã thực hiện xong”, “Kết thúc cập nhật chứng từ”. Muốn in chứng từ, chọn “In ctừ”.

+Máy tính tự chuyển dữ liệu lên Sổ chi tiết TK 511, 131, cuối tháng tổng hợp lên Nhật ký chứng từ số 8, sổ cái TK 511, 131.

Hình ảnh 2.3: Hóa đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho đã cập nhật xong

The screenshot displays the PASI software interface for creating a sales invoice and warehouse receipt. The main window is titled "Hóa đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho". It contains several data entry fields and a table of items.

Form Fields:

- Loại hoá đơn: 1
- Mã khách: 01XG03 (Công ty cổ phần thương mại Thăng Hưng)
- Ngày ht: 24/12/2010
- Địa chỉ: Số 113 Tô Hiệu - Lê Chân - Hải Phòng
- Ngày lập ct: 24/12/2010
- Ng. mua hàng: cửa hàng gỗ
- MST: 0200687615
- Quyển số: KM/2010B
- Diễn giải: Bán các loại ván gỗ
- Số seri: 0068647
- Mã nx (tk nợ): 13111
- BPKD: Nhóm hàng
- Tỷ giá VND: 1,00

Table of Items:

Mã hàng	Tên hàng	Đvt	Mã kho	Mã vv	Tồn kho	Số lượng	Giá bán VND	Thành tiền VND	Tk đ
01HH22	Gỗ ép 15 ly	tầm	01CNAL			80,00	102 000,00	8 160 000	511:
01HH21	Gỗ ép 12 ly	tầm	01CNAL			80,00	90 000,00	7 200 000	511:
01HH23	Gỗ ép 9 ly	tầm	01CNAL			40,00	68 000,00	2 720 000	511:

Summary Fields:

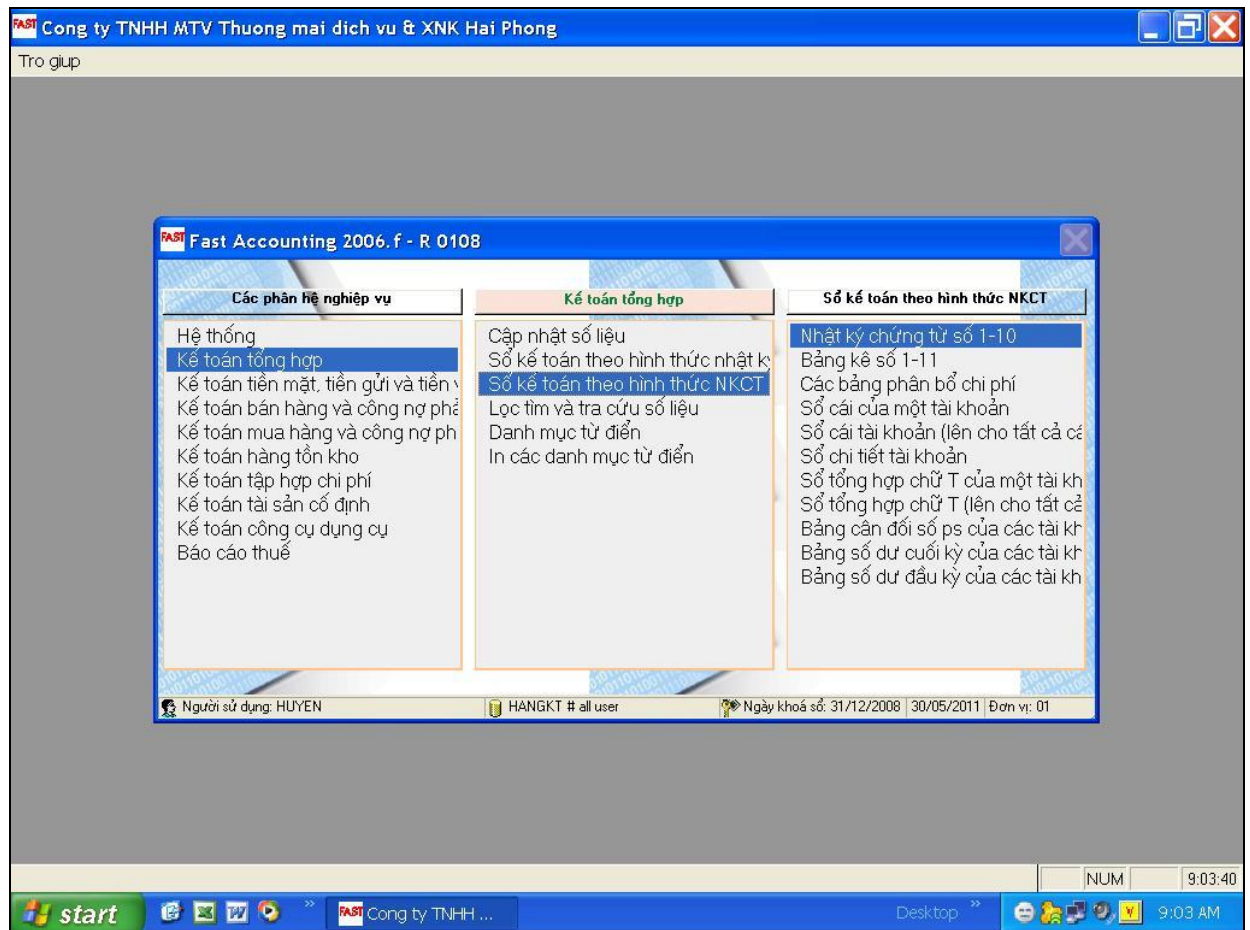
- Số lượng: 200,00
- Tiền hàng VND: 18 080 000
- Mã thuế: 10, 10,00%; Tk thuế: 13111 / 33311
- Tiền ck: 18 080 000
- Cục thuế: 18 080 000
- Tiền thuế VND: 1 808 000
- Tổng TT: 19 888 000
- Hạn TT: 0

- Muốn xem sổ chi tiết, sổ cái TK hay các NKCT và Bảng kê, ta trở lại giao diện chính của phần mềm, chọn phân hệ nghiệp vụ “Kế toán tổng hợp”, chọn tiếp “Sổ kế

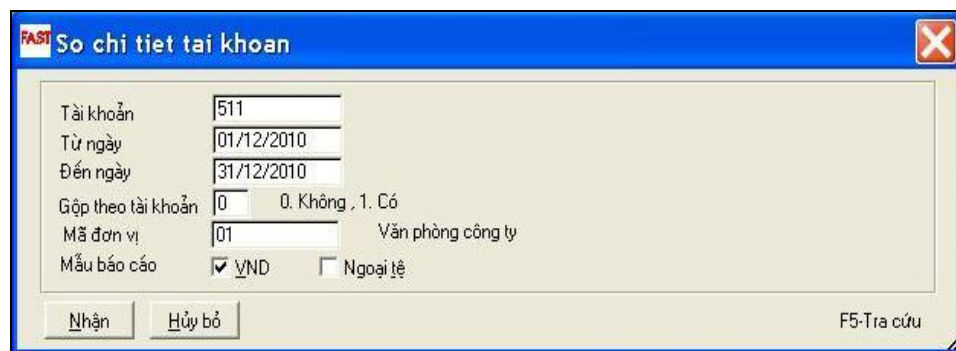
toán theo hình thức NKCT”, tiếp tục chọn “Sổ chi tiết tài khoản”, “Sổ cái của một tài khoản”, “Nhật ký chứng từ số 1-10” hoặc “Bảng kê số 1-10” tùy theo yêu cầu.(Hình ảnh 2.4)

- Sau khi đã chọn lựa xong loại sổ sách cần xem, màn hình sẽ hiển thị yêu cầu lựa chọn số TK và thời gian, tùy theo từng đối tượng sổ sách đã được lựa chọn.(Hình ảnh 2.5)

Hình ảnh 2.4: Lựa chọn đường dẫn xem các loại sổ sách



Hình ảnh 2.5: Lựa chọn thời gian làm việc



FAST So cai tai khoan

Tài khoản: 511 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Từ tháng: 12

Đến tháng: 12

Năm: 2010

Mã đơn vị: 01 Văn phòng công ty

Mẫu báo cáo: VND Ngoại tệ

Nhập Hủy bỏ F5-Tra cứu

- Riêng đối với Nhật ký chứng từ và Bảng kê thì trước khi lựa chọn thời gian làm việc, ta phải chọn Nhật ký chứng từ hay Bảng kê số bao nhiêu.

Nhật ký chứng từ số 1 - Tiền mặt
Nhật ký chứng từ số 2 - Tiền gửi
Nhật ký chứng từ số 3 - Tiền đang chuyển
Nhật ký chứng từ số 4 - Tiền vay
Nhật ký chứng từ số 5 - Công nợ phải trả
Nhật ký chứng từ số 6 - Hàng mua đang đi trên đường
Nhật ký chứng từ số 7. Phần 1
Nhật ký chứng từ số 7. Phần 2
Nhật ký chứng từ số 7. Phần 3
Nhật ký chứng từ số 8 - Bán hàng
Nhật ký chứng từ số 9 - TSCĐ
Nhật ký chứng từ số 10 - Các tk công nợ
Nhật ký chứng từ số 10 - Các tk khác

FAST Nhật ký chung tu so 8 - Ban hang

Chọn tk báo cáo: 1 Nhật ký chung tu so 8: Tk 156

Sửa danh sách tk đ/ứ nợ/có: 0 1- Sửa danh sách Tk, 0 - Không sửa

Từ ngày: 01/12/2010

Đến ngày: 31/12/2010

Mã đơn vị: 01 Văn phòng công ty

Nhập Hủy bỏ F5-Tra cứu

- Sau khi đã xem chi tiết các loại sổ sách, ta tiến hành in bằng cách nhấn vào biểu

tượng  \HUY\HP LaserJet 12C để lựa chọn máy in sẽ in sổ ra. Các mẫu báo cáo được in ra như sau:

Biểu số 2.3: Sổ chi tiết tài khoản 511

UBND TP HẢI PHÒNG
CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & XNK HẢI PHÒNG

Mẫu số S38-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 511 – Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ
Từ ngày 01/07/2010 đến ngày 31/12/2010

Số dư đầu kỳ: **0**

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	SỐ				Nợ	Có
10/08/2010	HD 0068601	Công ty cổ phần thương mại Thăng Hằng – 01XG03	Bán các loại ván gỗ	13111		17,800,000
11/08/2010	HD 0068602	Cty CP Thương mại và SX WISDOM VNam – 01PKDVT079	Phí TN và VC lô hàng theo TK 12160, TK 12304	13111		12,663,637
...
01/12/2010	HD 0068701	Phòng Kinh doanh XNK - 01PH007	Xuất bán điều hoà nhiệt độ	13111		17,963,000
01/12/2010	HD 0068702	Phòng Kinh doanh XNK - 01PH007	Xuất bán máy điều hoà nhiệt độ	13111		18,062,000
...
24/12/2010	HD 0068647	Công ty cổ phần thương mại Thăng Hằng – 01XG03	Bán các loại ván gỗ	13111		18,080,000
...
31/12/2010	PKT15/IV-2010	Phòng Kinh doanh XNK - 01PH007	Quyết toán thuế TTĐB cho lô 1.834 chiếc điều hoà	3332	449,650,546	
31/12/2010	PKT32/IV-2010	-	K/c Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ 511->911	911	12,298,071,109	

Tổng số phát sinh Nợ: **12,747,721,655**

Tổng số phát sinh Có: **12,747,721,655**

Số dư cuối kỳ: **0**

Ngày tháng năm

TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN
(Ký, họ tên)

NGƯỜI GHI SỔ
(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 2.4: Nhật ký chứng từ số 8

UBND TP HẢI PHÒNG
CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & XNK HẢI PHÒNG
19 Ký Con, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S04a8 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính)

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 8 – BÁN HÀNG

Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

ST T	TK Nợ	TênTK Nợ	C131	C156	C511	C515	C632	C635	C641	C642	C711	C811	C911	Cộng PS Có
1	111	Tiền mặt	4,516,177,500											4,516,177,500
2	112	Tiền gửi NH	3,499,210,800			1,045,893								3,500,256,693
3	131	Phải thu KH	7,802,893,620		6,691,697,010									14,494,590,630
4	136	Phải thu nội bộ									66,467			66,467
5	138	Phải thu khác		354,337,871		429,274,327					4,900,000			788,512,198
6	144	Ký quỹ ngắn hạn				240,556								240,556
7	156	Hàng hóa									121			121
8	331	Phải trả người bán	6,065,522,664											6,065,522,664
9	338	Phải trả, phải nộp khác									2,370,000,000			2,370,000,000
10	511	DT bán hàng											12,298,071,109	12,747,721,655
11	515	DT HĐTC											582,049,423	582,049,423
12	632	Giá vốn		4,324,711,919										5,244,189,777
13	635	CP HĐTC												223,189,334
14	641	CP bán hàng	328,629,891	251,487,958										2,144,730,407
15	642	CP quản lý DN		3,874,456										1,234,518,034
16	711	Thu nhập khác											3,324,966,588	3,324,966,588
17	811	Chi phí khác												35,804,704
18	911	Xác định KQKD					10,096,169,732	223,189,334	3,680,990,708	2,159,354,343		35,804,704		16,205,087,120
		Cộng	22,212,434,475	4,934,412,204	6,691,697,010	430,560,776	10,096,169,732	223,189,334	3,680,990,708	2,159,354,343	2,374,966,588	35,804,704	16,205,087,120	73,477,383,315

Đã ghi số cái ngày.....tháng.....năm.....

Lập, ngày.....tháng.....năm...

KẾ TOÁN GHI SỔ
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TỔNG HỢP
(Ký, họ tên)

TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.5: Sổ cái TK 511

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & XNK HẢI PHÒNG
19 Kỳ Con, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S05 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 511

Từ ngày 01/07/2010 đến ngày 31/12/2010

Số dư đầu năm	
Nợ	Có

TK đối ứng	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
3332						449,650,546
911						12,298,071,109
Cộng PS Nợ						12,747,721,655
Cộng PS Có	1,387,456,354	3,352,438,965	178,629,918	869,260,277	268,239,131	6,691,697,010
Dư Nợ cuối tháng						
Dư có cuối tháng	1,387,456,354	4,739,895,319	4,918,525,237	5,787,785,514	6,056,024,645	

Ngày... tháng... năm.....

KẾ TOÁN GHI SỔ
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

2.2.2. Thực tế công tác kế toán các khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ và XNK Hải Phòng

Khoản giảm trừ doanh thu tại Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ và xuất nhập khẩu là Thuế tiêu thụ đặc biệt.

2.2.2.1. Chứng từ sử dụng

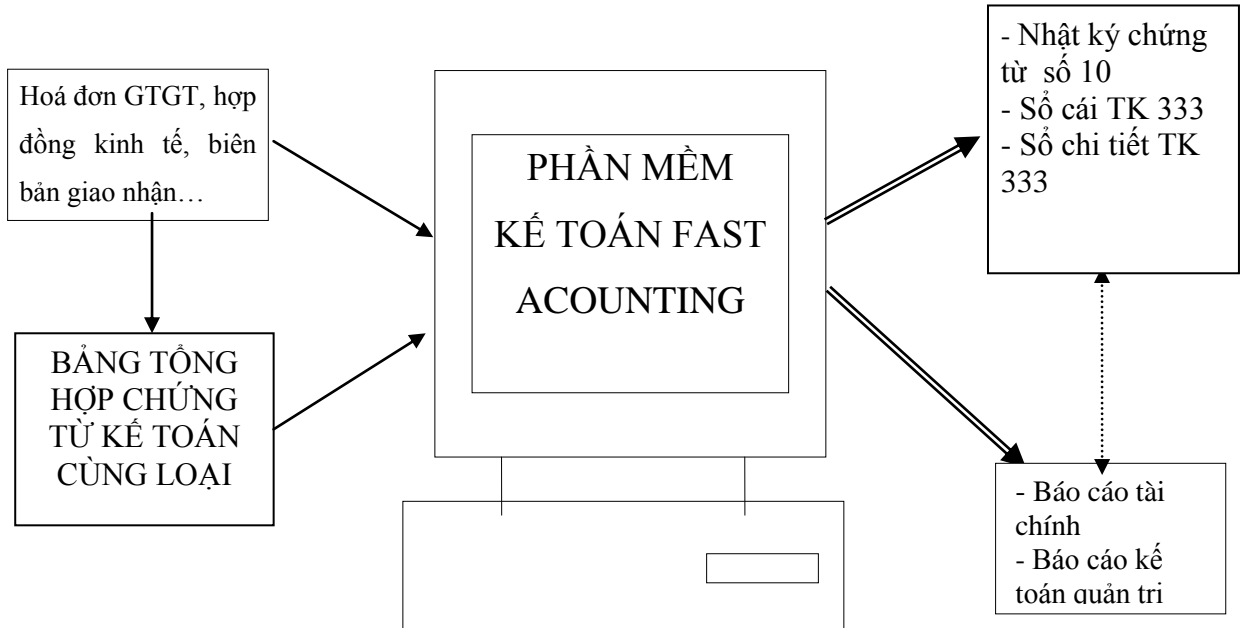
- Hoá đơn GTGT, hợp đồng kinh tế, biên bản giao nhận...

2.2.2.2. Tài khoản sử dụng

- ✓ TK 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước
- TK 3332 – Thuế tiêu thụ đặc biệt

2.2.2.3. Trình tự hạch toán

Sơ đồ 2.5: Trình tự kế toán máy Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước



Ghi chú:

- :Ghi hàng ngày
- ==> :Ghi cuối tháng
- ◄-----► : Quan hệ đối chiếu, kiểm tra.

Bảng ví dụ 2.2, em xin trình bày thực tế công tác kế toán xác định Thuế tiêu thụ đặc biệt cho mặt hàng điều hòa đã xuất bán trong năm 2010.

Ví dụ 2.2: Ngày 31/12/2010, thực hiện xác định Thuế tiêu thụ đặc biệt cho tổng số 1.834 chiếc điều hòa đã xuất bán trong năm 2010.

- Tiến hành lập phiếu kế toán như sau:

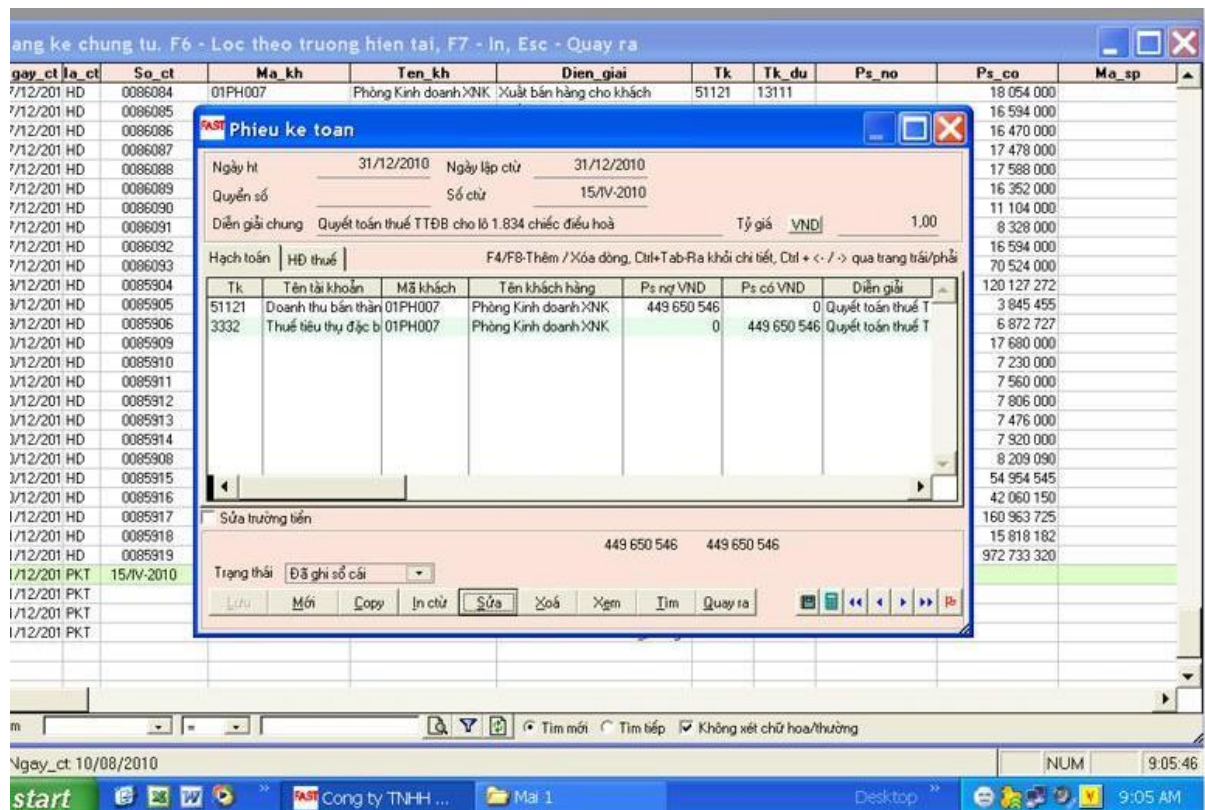
+ Từ giao diện chính của phần mềm, chọn Phân hệ nghiệp vụ “Kế toán tổng hợp”, chọn tiếp “Cập nhật số liệu”, tiếp tục chọn “Phiếu kế toán”, màn hình hiển thị khung “Chọn thời gian”, chọn thời gian làm việc là “Từ” **01/12/2010** “Đến”

31/12/2010 và bắt đầu tiến hành nhập số liệu với các thao tác tương tự như khi nhập số liệu vào hóa đơn đã nêu ở Ví dụ 2.1.

+ Sau khi nhập xong số liệu, nhấn “Luu”, máy tính hiển thị “Chương trình đã thực hiện xong”, và “Kết thúc cập nhật chứng từ”. Muốn in chứng từ, ta chọn “In từ”.

+ Máy tính tự chuyển dữ liệu lên Sổ chi tiết TK 511, 333, cuối tháng tổng hợp lên Nhật ký chứng từ số 8, Nhật ký chứng từ số 10, sổ cái TK 511, 333.

Hình ảnh 2.6 : Cập nhật số liệu vào PKT 15/IV - 2010



+ Mẫu phiếu kế toán và các sổ sách được in ra như sau:

Biểu số 2.6: Phiếu kế toán số 15/IV-2010

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & XNK HẢI PHÒNG

19 Kỳ Con, Hồng Bàng, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số phiếu: 15/IV-2010

Nội dung	Tài khoản	Khách hàng	PS Nợ	PS Có
Doanh thu bán thành phẩm nội địa	51121	Phòng Kinh doanh XNK	449,650,546	
Thuế tiêu thụ đặc biệt	3332	Phòng Kinh doanh XNK		449,650,546
Cộng			449,650,546	449,650,546

Bằng chữ: Bốn trăm bốn mươi chín triệu, sáu trăm năm mươi nghìn, năm trăm bốn mươi sáu đồng chẵn.

Ngày.....tháng.....năm.....

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.7: Sổ chi tiết TK 3332

UBND TP HẢI PHÒNG

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & XNK HẢI PHÒNG

Mẫu số S38-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 3332 – Thuế tiêu thụ đặc biệt

Từ ngày 01/07/2010 đến ngày 31/12/2010

Số dư có đầu kỳ: **1,146,950,500**

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
31/12/2010	PKT15/IV-2010	Phòng Kinh doanh XNK - 01PH007	Xác định thuế TTĐB cho lô 1.834 chiếc điều hoà	51121		449,650,546

Tổng phát sinh nợ: **0**

Tổng phát sinh có: **449,650,546**

Số dư cuối kỳ: **1,596,601,046**

Ngày tháng năm

TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN

(Ký, họ tên)

NGƯỜI GHI SỔ

(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 2.8: Nhật ký chứng từ số 10 – TK 333

UBND TP HẢI PHÒNG
CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & XNK HẢI PHÒNG
19 Kỳ Con, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S04a – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính)

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 10 – CÁC TÀI KHOẢN CÔNG NỢ

Tài khoản: 333 – Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

STT	Mã khách	Tên khách	Dư Nợ đầu	Dư Có đầu	N112104	N13111	N136	N3388	N51121	Cộng Có	Dư Nợ cuối	Dư Có cuối
1	01PKDVT001	Bán lẻ		119,111,545		687,273				687,273		119,798,818
2	01XG05	Bán lẻ				3,799,200				3,799,200		3,799,200
3	01CN13	Chi nhánh Cty tại Móng Cái (Anh Khiết)		11,359,200								11,359,200
4	01VP059	Chi cục thuế Hồng Bàng	418,862,919								418,862,919	0
5	01PKDVT078	Chi nhánh Cty TNHH TM Minh An		1,153,635		384,545				384,545		1,538,180
6	01VP066	Cty CP TM Phú Hải Thành		24,548,000								24,548,000
7	01PKDVT079	Cty CP TM và SX WISDOM VN		1,266,363								1,266,363
8	01VP001	Cty TM Dịch vụ và XNK Hải Phòng		3,000,000								3,000,000
9	01PKDVT008	Cty TNHH Newhope Hà Nội		1,543,115,270		28,519,197				28,519,197		1,571,634,467
10	01PKDVT080	Cty TNHH Newhope Hà Nội - Chi nhánh HP		8,984,393		8,193,637				8,193,637		17,178,030
11	01PKDVT081	Cty TNHH TMại và XNK KE LONG		748,182		4,736,366				4,736,366		5,484,548
12	01PTT023	Cty TNHH Thiên Cửu Long				3,218,182				3,218,182		3,218,182
13	01PKDVT077	Cty TNHH TM Minh An		8,530,907								8,530,907
14	01XG04	Cty TNHH TM dịch vụ Phong Châu				6,280,000				6,280,000		6,280,000
15	01XG03	Cty cổ phần thương mại Thăng Hăng		12,586,000		5,366,000				5,366,000		17,952,000
16	01VP052	Cục Thuế Hải Phòng	4,000,000								4,000,000	0
17	01VP000	Khách hàng khác	24,548,000								24,548,000	0
18	01NH07	Ngân hàng Nông Nghiệp Hải Phòng		553,521,800	(553,521,800)					(553,521,800)		0
19	01PH006	Phòng Kinh Doanh Vận Tải		48,267,692		16,096,275				16,096,275		64,363,967
20	01PH007	Phòng Kinh doanh XNK		63,756,197		591,889,010			449,650,546	449,650,546		513,406,743
21	01PH010	Phòng Thị Trường		181,818								181,818
22	01CN17	Trung Tâm Thương Mại					2,672,592			2,672,592		2,672,592
23	01CN16	Trung tâm HTQT về XK Lao Động		1,000,000								1,000,000
24	01HUNG	Trần Thế Hùng						12,000,000		12,000,000		12,000,000
25	01CN19	Xưởng gỗ		17,936,000								17,936,000
Cộng			447,410,919	2,419,067,002	(553,521,800)	669,169,685	2,672,592	12,000,000	449,650,546	(11,917,987)	447,410,919	2,407,149,015

Đã ghi số cái ngày.....tháng.....năm.....

KẾ TOÁN GHI SỔ
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TỔNG HỢP
(Ký, họ tên)

Lập, ngày.....tháng.....năm...
TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.9: Sổ cái TK 3332

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & XNK HẢI PHÒNG
 19 Ký Con, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S05 – DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 Ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 3332

Từ ngày 01/07/2010 đến ngày 31/12/2010

Số dư đầu năm	
Nợ	Có
	1,146,950,500

TK đối ứng	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
Cộng PS Nợ						
Cộng PS Có						449,650,546
Dư Nợ cuối tháng						
Dư có cuối tháng	1,146,950,500	1,146,950,500	1,146,950,500	1,146,950,500	1,146,950,500	1,596,601,046

Ngày... tháng... năm.....

KẾ TOÁN GHI SỔ
 (Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
 (Ký, họ tên)

2.2.3. Thực tế công tác kế toán giá vốn hàng bán tại Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ và XNK Hải Phòng

Tại Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ và XNK Hải Phòng đơn giá hàng xuất kho được áp dụng theo phương pháp bình quân liên hoàn, xác định đơn giá theo công thức:

$$\text{Đơn giá xuất bán} = \frac{\text{Trị giá TT hàng tồn kho sau lần nhập}_i}{\text{Số lượng TT hàng tồn kho sau lần nhập}_i}$$

Trên cơ sở Ví dụ 2.1, bằng Ví dụ 2.3 ta sẽ tìm hiểu phương pháp tính giá vốn của lô hàng gổ ép theo Hóa đơn GTGT 0068647.

Biểu số 2.10: Hóa đơn GTGT số 0068647

HOÁ ĐƠN		Mẫu số: 01 GTKT-3LL			
GIÁ TRỊ GIA TĂNG		KM/2010 B			
Liên 3 : Nội bộ		0068647			
<i>Ngày 24 tháng 12 năm 2010</i>					
Đơn vị bán hàng: Cty TNHH MTV Thương mại dịch vụ & Xuất nhập khẩu HP					
Địa chỉ: 19 Ký con, Hồng Bàng, Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Điện thoại: MS: <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="2"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text" value="3"/> <input type="text" value="8"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="4"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
Họ tên người mua hàng:					
Tên đơn vị: Công ty Cổ Phần Thương mại Thăng Hằng					
Địa chỉ: 113 Tô Hiệu, Hải Phòng					
Số tài khoản:					
Hình thức thanh toán: TM MS: <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="2"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="0"/> <input type="text" value="6"/> <input type="text" value="8"/> <input type="text" value="7"/> <input type="text" value="6"/> <input type="text" value="1"/> <input type="text" value="5"/> <input type="text"/> <input type="text"/> <input type="text"/>					
STT	Tên hàng hoá, dịch vụ	Đơn vị Tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
A	B	C	1	2	3=1x2
1	Gỗ ép 15ly x1220x2440	Tám	80	102.000	8.160.000
2	Gỗ ép 12ly x1220x2440	Tám	80	90.000	7.200.000
3	Gỗ ép 9ly x1220x2440	Tám	40	68.000	2.720.000
Cộng tiền hàng:					18.080.000
Thuế suất GTGT: 10% Tiền thuế GTGT:					1.808.000
Tổng cộng tiền thanh toán:					19.888.000
Số tiền viết bằng chữ:		<i>Mười chín triệu, tám trăm tám mươi tám nghìn đồng.</i>			
Người mua hàng (Ký, ghi rõ họ tên) Phan Anh Quân	Người bán hàng (Ký, ghi rõ họ tên) Trần Văn Đạo (Cần kiểm tra đối chiếu khi lập, giao, nhận hoá đơn)	Thủ trưởng đơn vị (Ký, đóng dấu, ghi rõ họ tên)			

Ví dụ 2.3:

+ Cách tính đơn giá xuất của mặt hàng gỗ ép 15 ly x 1220 x 2440 ngày 24/12/2010:

Đơn giá Gỗ ép 15 ly

$$\begin{array}{l} \text{xuất bán ngày} \\ 24/12/2010 \end{array} = \frac{48.997.455 + 14.292.385}{758 + 180} = 67.473,178 \text{ (đ/tám)}$$

Trị giá vốn gỗ ép 15 ly xuất bán ngày 24/12/2010 theo Hóa đơn GTGT số 0068647:

$$67.473,178 \times 80 = 5.397.854 \text{ đ}$$

+ Cách tính đơn giá xuất của mặt hàng gỗ ép 12 ly x 1220 x 2440 ngày 24/12/2010:

Đơn giá Gỗ ép 12

$$\begin{array}{l} \text{ly xuất bán ngày} \\ 24/12/2010 \end{array} = \frac{48.561.387 + 0}{934 + 0} = 51.992,92 \text{ (đ/tám)}$$

Trị giá vốn gỗ ép 12 ly xuất bán ngày 24/12/2010 theo Hóa đơn GTGT số 0068647:

$$51.992,92 \times 80 = 4.159.434 \text{ đ}$$

+ Cách tính đơn giá xuất của mặt hàng gỗ ép 9 ly x 1220 x 2440 ngày 24/12/2010:

Đơn giá Gỗ ép 9 ly

$$\begin{array}{l} \text{xuất bán ngày} \\ 24/12/2010 \end{array} = \frac{21.815.704 + 10.624.536}{678 + 244} = 35.184,64 \text{ (đ/tám)}$$

Trị giá vốn gỗ ép 9 ly xuất bán ngày 24/12/2010 theo Hóa đơn GTGT số 0068647:

$$35.184,64 \times 40 = 1.407.385,6 \text{ đ}$$

Như vậy, tổng trị giá vốn đơn hàng gỗ ép mà Công ty xuất bán cho Công ty CP Thương mại Thăng Hằng theo Hóa đơn GTGT 0068647 sẽ là:

$$5.397.854 + 4.159.434 + 1.407.385,6 = 10.964.674 \text{ đ}$$

Thực tế tại Công ty, kế toán không phải thực hiện công việc tính toán bằng tay mà máy tính sẽ tự tổng hợp số liệu để tính ra trị giá vốn hàng xuất bán và tự động chuyển số liệu lên Sổ chi tiết TK 632, Nhật ký chứng từ số 8, Sổ cái TK 632...

2.2.3.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn GTGT (Mẫu số 01-GTKL-3LL) kèm phiếu xuất kho...

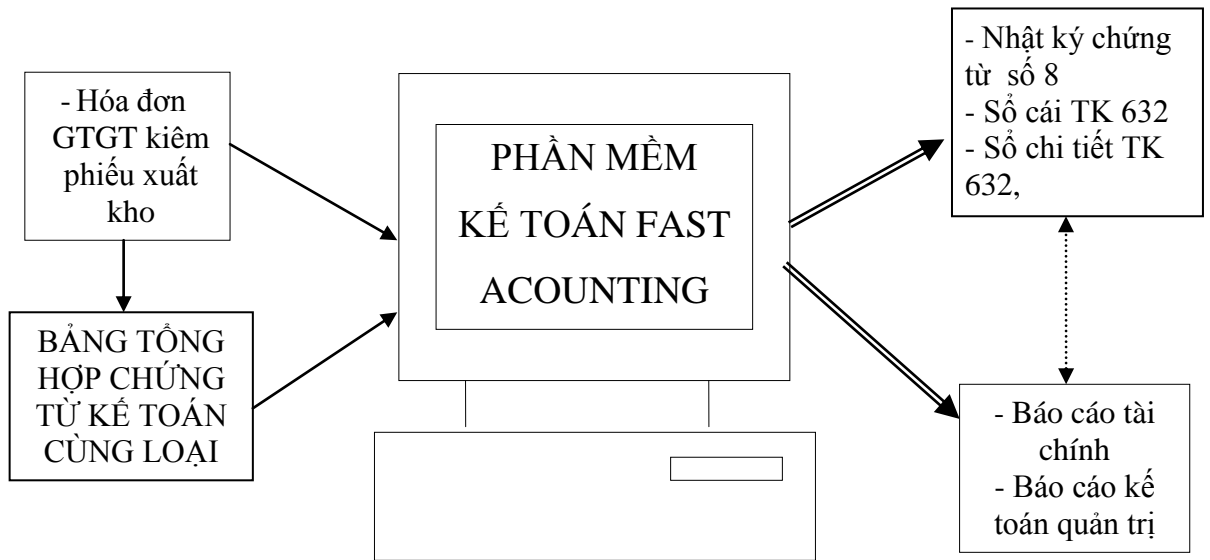
2.2.3.2. Tài khoản sử dụng

- TK 632: Giá vốn hàng bán

✓TK 6321: Giá vốn hàng bán: hàng hóa, thành phẩm

2.2.3.3. Trình tự hạch toán

Sơ đồ 2.6: Trình tự kế toán máy Giá vốn hàng bán



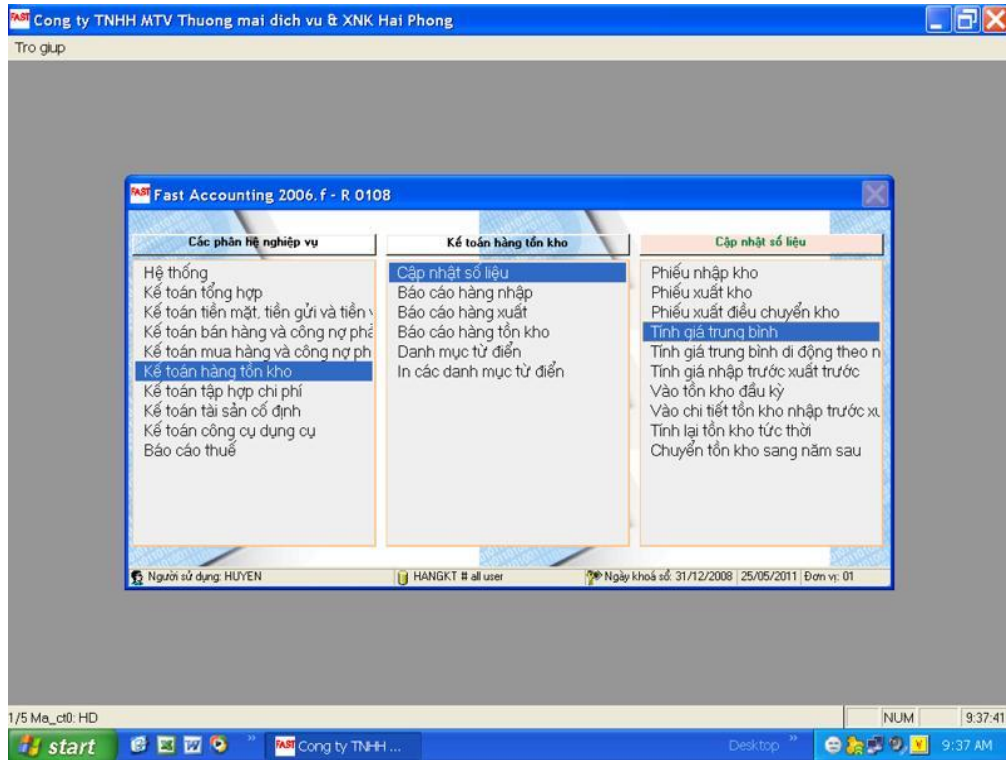
Ghi chú:

- :Ghi hàng ngày
- ⇒ :Ghi cuối tháng
- ↔ : Quan hệ đối chiếu, kiểm tra.

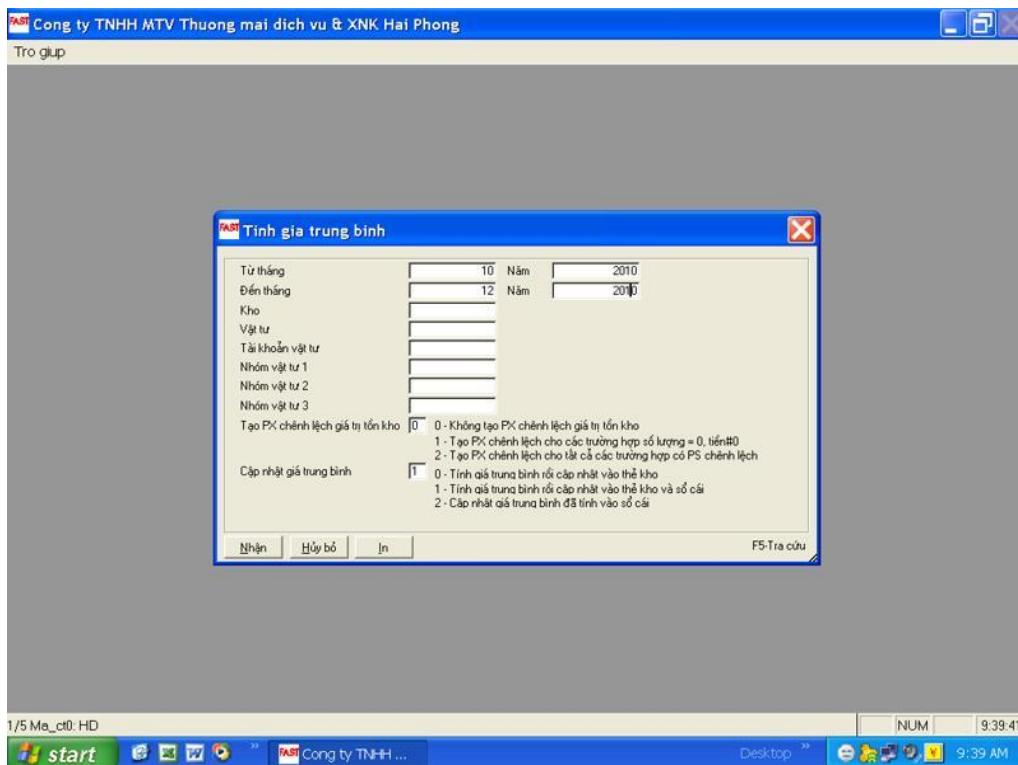
Tiếp tục Ví dụ 2.1, như đã thực hiện ở phần 2.2.1, kế toán đã cập nhật xong Hóa đơn kiêm phiếu xuất kho, tuy nhiên phần giá vốn không thể nhập số liệu theo cách thông thường mà phải cập nhật bằng cách:

- Sau khi quay lại giao diện chính của phần mềm, trong phần “Các phân hệ nghiệp vụ” chọn “Kế toán hàng tồn kho”, chọn tiếp “Cập nhật số liệu”, tiếp tục chọn “Tính giá trung bình” (Hình ảnh 2.4), nhấn Enter.
- Màn hình hiện lên giao diện “Tính giá trung bình”, vì giá vốn hàng bán được tính theo phương pháp bình quân liên hoàn, mà nghiệp vụ phát sinh vào tháng 12/2010 nên điền thông tin như sau: “Từ” **01/12** “Năm” **2010** “Đến” **24/12** “Năm” **2010**, sau đó nhấn “Nhận” để hệ thống tự động tính giá vốn quý 4 của các mặt hàng cho hóa đơn vừa nhập (Hình ảnh 2.5), máy tính hiển thị “Chương trình đã thực hiện xong”, “Kết thúc cập nhật chứng từ”.
- Máy tính tự chuyển dữ liệu lên Sổ chi tiết TK 632, cuối tháng tổng hợp lên Nhật ký chứng từ số 8, sổ cái TK 632.

Hình ảnh 2.7: Lựa chọn đường dẫn Kế toán hàng tồn kho



Hình ảnh 2.8: Tính giá vốn hàng bán



- Quy trình này được thực hiện sau khi đã lập Hóa đơn kiêm phiếu xuất như ở phần 2.2.1 ở trên, sau khi thực hiện thao tác chạy giá vốn vừa nêu, số liệu về trị giá vốn sẽ tự động chuyển lên các sổ

Hình ảnh 2.9: Hóa đơn sau khi chạy xong giá vốn

Hoa đơn bán hàng kiêm phiếu xuất kho

Biên bản hoá đơn: 1 Ngày ht: 24/12/2010
 Khách: 01XG03 Công ty cổ phần thương mại Thăng Hăng Ngày lập ct: 24/12/2010
 Địa chỉ: Số 113 Tô Hiệu - Lê Chân - Hải Phòng Quyền số:
 Địa điểm mua hàng: của Xưởng gỗ MST: 0200687615 Số seri: KM/2010B
 Nội dung bán: Bán các loại ván gỗ Số hđ: 0068647
 Mã ngành (tk nợ): 13111 BPKD Nhóm hàng Tỷ giá VND: 1,00

Xuất theo giá vốn đích danh cho VT giá TBF4-Thêm dòng, F8-Xóa dòng, F5-Xem PN, Ctrl+Tab-Ra khỏi chi tiết

Stt	Giá vốn VND	Đơn giá VND	Tỷ lệ ck	Ck VND	Tk kho	Tk gv	Tk ck
21	67 473,18	5 397 854	0,00	0	1561	6321	
21	51 992,92	4 159 434	0,00	0	1561	6321	
21	35 184,64	1 407 386	0,00	0	1561	6321	

Tính thuế theo giá trước chiết khấu

Số lượng: 200,00 Tiền hàng VND: 18 080 000
 Thuế 10, 10,00% Tk thuế 13111 / 33311 Tiền ck:
 Thuế: Tiền sau ck: 18 080 000
 Thuế VND: 1 808 000
 Tình thái: Đã ghi sổ cái Tổng tiền: Tiền thuế VND: 1 808 000 Hạn TT: 0
 Tổng TT: 19 888 000

Lưu Mới Copy In ctừ Sửa Xóa Xem Tìm Quay ra

- Biểu mẫu loại sổ sách được in như sau:

Biểu số 2.11: Sổ chi tiết TK 632

UBND TP HẢI PHÒNG
 CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & XNK HẢI PHÒNG

Mẫu số S38-DN
 (Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
 ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 632 – Giá vốn hàng bán
 Từ ngày 01/07/2010 đến ngày 31/12/2010

Số dư đầu kỳ: **0**

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	SỐ				Nợ	Có
10/08/2010	HD 0068601	Công ty cổ phần thương mại Thăng Hằng	Bán các loại ván gỗ	1561	11,068,846	
10/09/2010	HD 0068616	Công ty cổ phần thương mại Thăng Hằng	Bán các loại ván gỗ	1561	10,801,868	
...
01/12/2010	HD 0068701	Phòng Kinh doanh XNK - 01PH007	Xuất bán điều hoà nhiệt độ	1561	15,765,855	
01/12/2010	HD 0068702	Phòng Kinh doanh XNK - 01PH007	Xuất bán máy điều hoà nhiệt độ	1561	14,030,933	
...
24/12/2010	HD 0068647	Công ty cổ phần thương mại Thăng Hằng - 01XG03	Bán các loại ván gỗ	1561	10,964,674	
...
25/12/2010	HD 0068648	Công ty cổ phần thương mại Thăng Hằng - 01XG03	Bán các loại ván gỗ	1561	10,486,986	
...
31/12/2010	PKT03/IV-2010	Phòng Kinh Doanh Vận Tải - 01PH006	Kết chuyển giá vốn lô hàng DVVT Quý 4/2010	33111	919,477,858	
31/12/2010	PKT32/IV-2010	-	K/c giá vốn 6321->911	911		10,096,169,732

Tổng số phát sinh Nợ: **10,096,169,732**

Tổng số phát sinh Có: **10,096,169,732**

Số dư cuối kỳ: **0**

Ngày tháng năm

TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN

(Ký, họ tên)

NGƯỜI GHI SỔ

(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu 2.12: Nhật ký chứng từ số 5

UBND TP HẢI PHÒNG
CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & XNK HẢI PHÒNG
19 Kỳ Con, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S04a – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính)

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 5

Ghi Có TK: 331 – Phải trả cho người bán

Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

ST T	Tên khách	Dư Nợ đầu	Dư có đầu	N1331	N136	N632	Cộng Có	C1111	C1121	C1311	Cộng Nợ	Dư Nợ cuối	Dư Có cuối
1	0099AD Công ty TNHH Trần Liên Thịnh	5.000.000			5.150.000		5.150.000						150.000
2	01PH006 Phòng Kinh doanh Vận tải	8.497.679.227		91.442.586		919.447.858	1.010.920.444			1.010.920.444	1.010.920.444	8.497.679.227	
...
117	00736AD Đặng Thị Vui		1.372.900										
	Cộng	9.232.368.388	4.504.081.601	91.442.586	21.552.750	919.477.858	1.032.473.194	85.675.640	100.000.000	1.010.920.444	1.196.596.084	9.210.965.638	4.352.555.961

Đã ghi số cái ngày.....tháng.....năm.....

Lập, ngày.....tháng.....năm...

KẾ TOÁN GHI SỔ
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TỔNG HỢP
(Ký, họ tên)

TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.13: Nhật ký chứng từ số 8

UBND TP HẢI PHÒNG
CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & XNK HẢI PHÒNG
19 Ký Con, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S04a8 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính)

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 8 – BÁN HÀNG

Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

ST T	TK Nợ	TênTK Nợ	C131	C156	C511	C515	C632	C635	C641	C642	C711	C811	C911	Cộng PS Có
1	111	Tiền mặt	4,516,177,500											4,516,177,500
2	112	Tiền gửi NH	3,499,210,800			1,045,893								3,500,256,693
...
7	156	Hàng hóa									121			121
8	331	Phải trả người bán	6,065,522,664											6,065,522,664
9	338	Phải trả, phải nộp khác								2,370,000,000				2,370,000,000
10	511	DT bán hàng											12,298,071,109	12,747,721,655
11	515	DT HĐTC											582,049,423	582,049,423
12	632	Giá vốn		4,324,711,919										4,324,711,919
13	635	CP HĐTC												223,189,334
14	641	CP bán hàng	328,629,891	251,487,958										2,144,730,407
15	642	CP quản lý DN		3,874,456										1,234,518,034
16	711	Thu nhập khác											3,324,966,588	3,324,966,588
17	811	Chi phí khác												35,804,704
18	911	Xác định KQKD					10,096,169,732	223,189,334	3,680,990,708	2,159,354,343		35,804,704		16,205,087,120
Cộng			22,212,434,475	4,934,412,204	6,691,697,010	430,560,776	10,096,169,732	223,189,334	3,680,990,708	2,159,354,343	2,374,966,588	35,804,704	16,205,087,120	73,477,383,315

Đã ghi số cái ngày.....tháng.....năm.....

Lập, ngày.....tháng.....năm....

KẾ TOÁN GHI SỔ

KẾ TOÁN TỔNG HỢP

TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.14 Sổ cái TK 632

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & XNK HẢI PHÒNG
19 Kỳ Con, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S05 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 632

Từ ngày 01/07/2010 đến ngày 31/12/2010

Số dư đầu năm	
Nợ	Có

TK đối ứng	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
1561	12,245,876	11,068,846	10,801,868	27,841,077	21,747,983	4,324,711,919
33111			4,768,274,305			919,477,858
Cộng PS Nợ	12,245,876	11,068,846	4,779,076,173	27,841,077	21,747,983	5,244,189,777
Cộng PS Có						10,096,169,732
Dư Nợ cuối tháng	12,245,876	23,314,722	4,802,390,895	4,830,231,972	4,851,979,955	
Dư có cuối tháng						

Ngày... tháng... năm.....

KẾ TOÁN GHI SỔ

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

2.2.4. Thực tế công tác kế toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tại Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ và XNK Hải Phòng

2.2.4.1. Chứng từ sử dụng

- Phiếu chi, ủy nhiệm chi

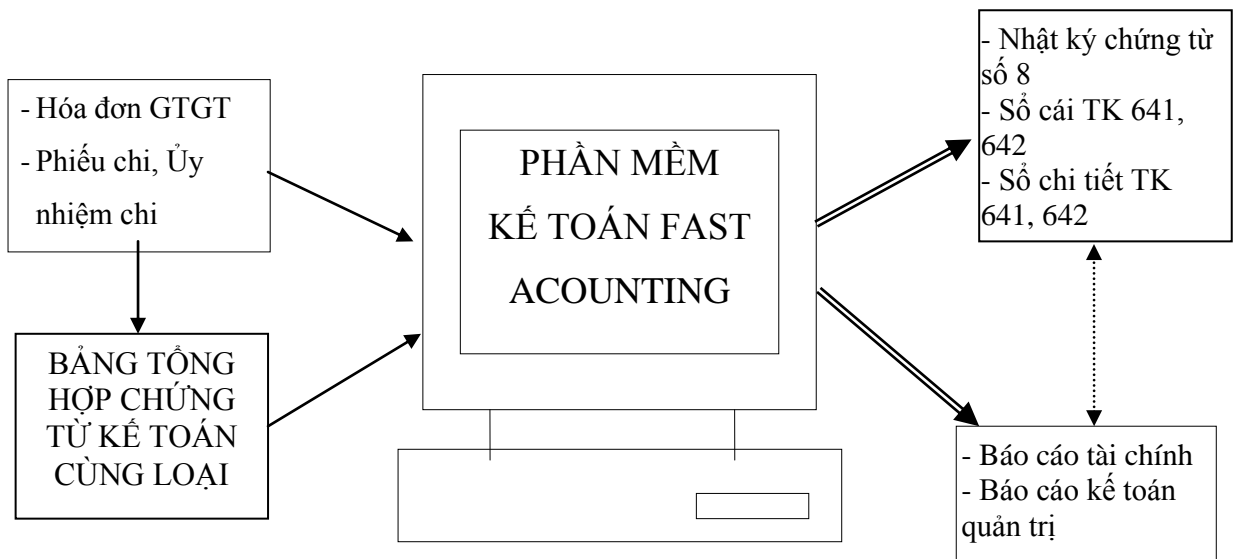
2.2.4.2. Tài khoản sử dụng

- ✓ TK 641: Chi phí bán hàng
 - TK 6411 – Chi phí nhân viên
 - TK 6412 - Chi phí vật liệu, bao bì
 - TK 6413 - Chi phí dụng cụ đồ dùng

- TK 6414 - Chi phí khấu hao TSCĐ
- TK 6415 - Chi phí bảo hành
- TK 6417 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
- TK 6418 - Chi phí khác bằng tiền
- ✓ TK 642: Chi phí quản lý doanh nghiệp
 - TK 6421 – Chi phí nhân viên quản lý
 - TK 6422 - Chi phí vật liệu quản lý
 - TK 6423 - Chi phí dụng cụ đồ dùng văn phòng
 - TK 6424 - Chi phí khấu hao TSCĐ
 - TK 6425 - Thuế, phí, lệ phí.
 - TK 6426 - Chi phí dự phòng
 - TK 6427 - Chi phí dịch vụ mua ngoài
 - TK 6428 - Chi phí khác bằng tiền

2.2.4.3. Trình tự hạch toán

**Sơ đồ 2.7: Trình tự kế toán máy Chi phí bán hàng
và chi phí quản lý doanh nghiệp**



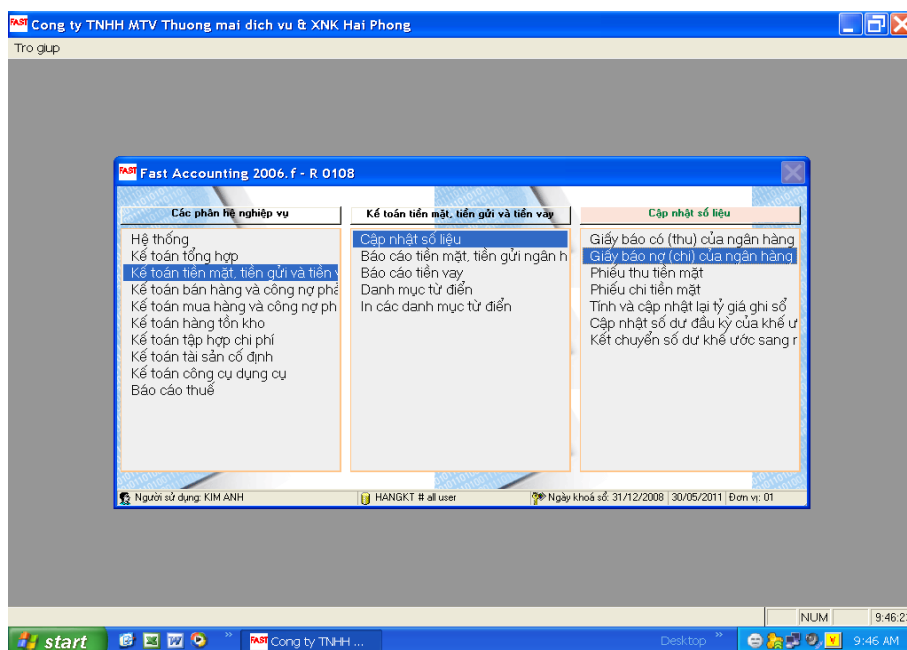
Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
- ⇒ : Ghi cuối tháng
- ↔ : Quan hệ đối chiếu, kiểm tra.

Thông qua Ví dụ 2.4 và Ví dụ 2.5, tình hình thực tế kế toán chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp được khái quát như sau:

Ví dụ 2.4: Ngày 10/12/2010, Công ty chuyển trả tiền bảo hành phần mềm kế toán Fast của công ty bằng tiền gửi Ngân hàng TMCP Sài Gòn, số tiền 3.000.000 đồng - Sau khi vào giao diện chính của phần mềm, trong phần “Các phân hệ nghiệp vụ” chọn “Kế toán tiền mặt, tiền gửi”; chọn tiếp “Cập nhật dữ liệu”, tiếp tục chọn “Giấy báo nợ (chi) của ngân hàng” (Hình ảnh 2.8).

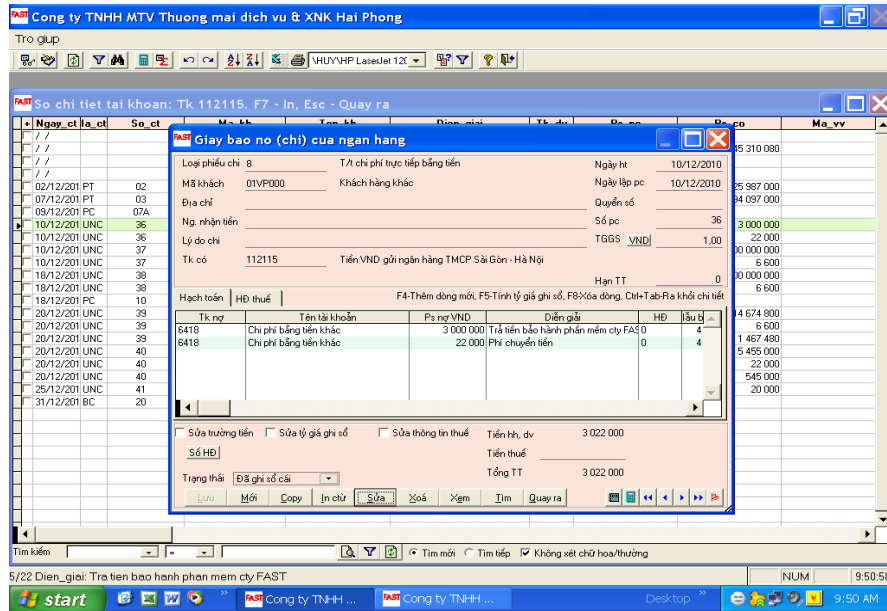
Hình ảnh 2.10: Lựa chọn đường dẫn cập nhật Ủy nhiệm chi



- Tiếp tục lựa chọn thời gian làm việc, cập nhật số liệu vào Giấy báo nợ (thu) của ngân hàng. (Hình ảnh 2.9).

Hình ảnh 2.11: Lập ủy nhiệm chi

Hoàn thiện công tác kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh
tại Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ và xuất nhập khẩu Hải Phòng



- Kết thúc cập nhật, máy tính sẽ tự chuyển số liệu lên sổ chi tiết TK 112, 641. Cuối tháng tổng hợp lên NKCT số 2, NKCT số 8, sổ cái TK 112, 641.
- Mẫu Ủy nhiệm chi và các loại sổ sách được in ra như sau:

Biểu số 2.15: Ủy nhiệm chi số 36

ỦY NHIỆM CHI	Số: 36	PHẦN DO NH GHI
CHUYỂN KHOẢN, CHUYỂN TIỀN THU, ĐIỆN	Lập ngày: 10/12/2010	TÀI KHOẢN NỢ
Đơn vị trả tiền: Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ & XNK HP		
Số TK: 1000024859		
Tại ngân hàng: TMCP Sài Gòn Hà Nội, chi nhánh Hải Phòng		
Đơn vị nhận tiền: Công ty phần mềm FAST		TÀI KHOẢN CÓ
Số TK: 1000034987		
Tại ngân hàng: TMCP Sài Gòn Hà Nội, chi nhánh Hà Nội		
Số tiền bằng chữ: Ba triệu đồng chẵn		Số tiền bằng số
Nội dung: Trả tiền bảo hành phần mềm Cty Fast		3.000.000VND

ĐƠN VỊ TRẢ TIỀN		NGÂN HÀNG A		NGÂN HÀNG B	
Kế toán	Chủ TK	Ghi sổ ngày		Ghi sổ ngày	
		Kế toán	TP Kế toán	Kế toán	TP Kế toán

Biểu số 2.16: Sổ chi tiết TK 641

UBND TP HẢI PHÒNG
CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & XNK HẢI PHÒNG

Mẫu số S38-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN
Tài khoản: 641 – Chi phí bán hàng
Từ ngày 01/07/2010 đến ngày 31/12/2010

Số dư nợ đầu kỳ: 0

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/tr	Số phát sinh	
Ngày	SỐ				Nợ	Có
02/07/2010	PC 03	Công ty TM Dịch vụ và XNK Hải Phòng – 01VP001	TT tiền thay lớp, van, dây cô doa và làm bảo dưỡng máy phát điện	1111	350,000.00	
....
10/12/2010	UNC36	Công ty phần mềm FAST – 01VP000	Trả tiền bảo hành phần mềm cty FAST	112115	3,000,000	
10/12/2010	UNC36	Công ty phần mềm FAST – 01VP000	Phí chuyển tiền	112115	22,000	
....
31/12/2010	PKT02/IV-2010	Phòng Kinh Doanh Vận Tải - 01PH006	Chi phí lương phòng DVVT Quý 4/2010	33412	194,254,411	
31/12/2010	PKT02/IV-2010	Phòng Kinh Doanh Vận Tải - 01PH006	Trích KPCĐ phòng DVVT/Quý 4/2010	3382	5,987,652	
31/12/2010	PKT07/IV-2010	Phòng Kinh doanh XNK - 01PH007	Hạch toán chi phí lô hàng KNQ năm 2010	33413	521,125,600	
....
31/12/2010	PKT29/IV-2010	Công ty TM Dịch vụ và XNK Hải Phòng – 01VP001	Trích BHXH và BHYT năm 2010 của toàn công ty	3383	259,189,173	
31/12/2010	PKT32/IV-2010	-	Kc chi phí bán hàng 641->911	911		3,680,990,708

Tổng phát sinh nợ: 3,680,990,708

Tổng phát sinh có: 3,680,990,708

Số dư cuối kỳ: 0

Ngày tháng năm

TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN
(Ký, họ tên)

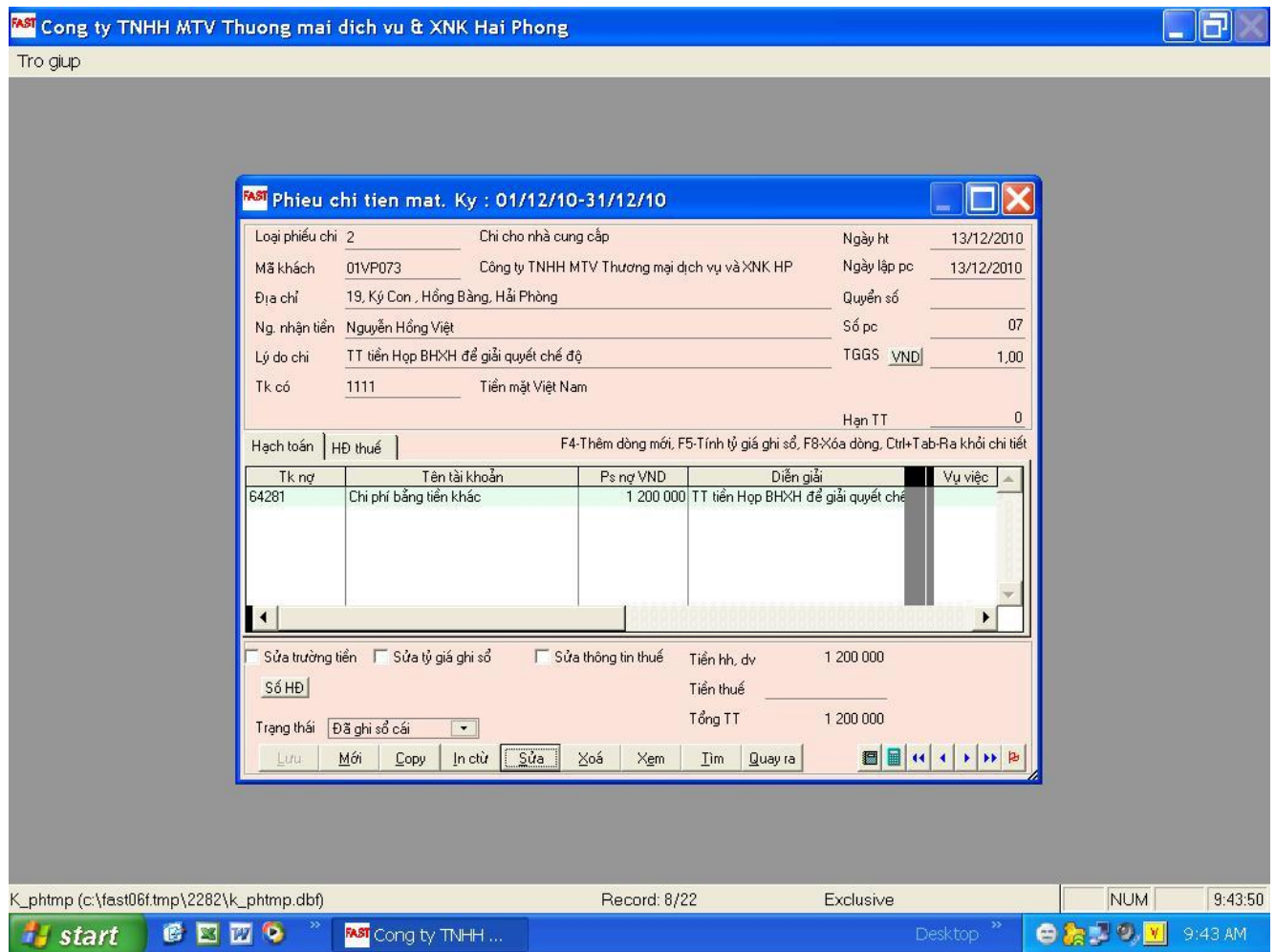
NGƯỜI GHI SỔ
(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Ví dụ 2.5: Ngày 13/12/2010, anh Nguyễn Hồng Việt được nhận tiền thanh toán tiền hợp BHXH để giải quyết chế độ, số tiền 1.200.000 đồng.

- Sau khi vào giao diện chính của phần mềm, trong phần “Các phân hệ nghiệp vụ” chọn “Kế toán tiền mặt, tiền gửi”; chọn tiếp “Cập nhật dữ liệu”, tiếp tục chọn “Phiếu chi tiền mặt” (Hình ảnh 2.8).
- Chọn thời gian làm việc, cập nhật số liệu cho Phiếu chi tiền mặt (hình ảnh 2.10)

Hình ảnh 2.12: Cập nhật số liệu vào phiếu chi



- Kết thúc cập nhật, máy tính sẽ tự chuyển số liệu lên sổ chi tiết TK 111, 642. Cuối tháng tổng hợp lên NKCT số 1, NKCT số 8, sổ cái TK 111, 642.

- Các mẫu sổ sách được in ra như sau:

Biểu số 2.17: Phiếu chi số 07

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & XNK HP
19 Ký Con, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số 02-TT
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính)

PHIẾU CHI

Ngày: 13/12/2010

Số phiếu: 07/12-2010

Tài khoản: 1111 1.200.000

Tài khoản đ/ứ: 64281 1.200.000

Người nhận tiền: Nguyễn Hồng Việt
Đơn vị: Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ & XNK HP
Địa chỉ: 19 Ký Con, Hồng Bàng, Hải Phòng
Về khoản: TT tiền hợp BHXH để giải quyết chế độ
Số tiền: **1.200.000 VND**
Viết bằng chữ: Một triệu hai trăm nghìn đồng chẵn.
Kèm theo: 0 chứng từ gốc
TỔNG GIÁM ĐỐC KẾ TOÁN TRƯỞNG NGƯỜI LẬP PHIẾU

Đã nhận đủ số tiền: Một triệu hai trăm nghìn đồng chẵn.

Ngày....tháng.....năm.....

THỦ QUỸ
(Ký, họ tên)

NGƯỜI NHẬN TIỀN
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.18: Sổ chi tiết TK 642

UBND TP HẢI PHÒNG

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & XNK HẢI PHÒNG

Mẫu số S38-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 642 – Chi phí quản lý doanh nghiệp

Từ ngày 01/07/2010 đến ngày 31/12/2010

Số dư nợ đầu kỳ: **0**

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	SỐ				Nợ	Có
02/07/2010	UNC 54	Phòng Kinh Doanh Vận Tải - 01PH006	Phí chuyển tiền	112116	4,400	
02/07/2010	PC 05	Chi phí chuyển đổi DN - 01VP070	TT tiền photo công chứng điều lệ, VPP, vệ sinh T6/2010	1111	87,500	
....
02/12/2010	PC 01	Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ và XNK HP - 01VP073	TT tiền TK Phòng CCHáy	1111	800,000	
03/12/2010	PC 02	Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ và XNK HP - 01VP073	TT tiền ĐT di động của các Trưởng Phó Phòng -A Đạo	1111	114,689	
....
13/12/2010	PC 07	Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ và XNK HP – 01VP073	TT tiền Hợp BHXH để giải quyết chế độ	1111	1,200,000	
....
31/12/2010	PKT30/IV-2010	Công ty TM Dịch vụ và XNK Hải Phòng - 01VP001	Phân bổ lương VPCTY Quý iv/2010	33411	260,078,584	
31/12/2010	PKT32/IV-2010	-	Kc chi phí quản lý doanh nghiệp 642->911	911		2,159,354,343

Tổng phát sinh nợ: **2,159,354,343**

Tổng phát sinh có: **2,159,354,343**

Số dư cuối kỳ: **0**

Ngày tháng năm

TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN

(Ký, họ tên)

NGƯỜI GHI SỔ

(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 2.19: Bảng kê số 5

UBND TP HẢI PHÒNG
CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & XNK HẢI PHÒNG
19 Kỳ Con, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S04b – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính)

BẢNG KÊ SỐ 5 – TẬP HỢP CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ
Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

TK	Tên TK	C1111	C1121	C13111	C1391	C141	C156	C214	C242808	C33111	C334	C3358	C338	C3389	C351	Tổng cộng
641	CP bán hàng		23,643,070	328,629,891		147,027,669	251,487,958	190,383,453	20,053,968	9,056,000	715,380,011	0	434,073,765	1,311,080	23,683,542	2,144,730,407
6411	CP nhân viên										521,125,600		381,468,313	1,311,080	16,690,872	920,595,865
6412	CP vật liệu, bao bì						240,911,944									240,911,944
6413	CP dụng cụ, đồ dùng						10,576,014									10,576,014
6414	CP khấu hao TSCĐ							190,383,453								190,383,453
6417	CP dịch vụ mua ngoài								20,053,968							20,053,968
6418	CP bằng tiền khác		23,643,070	328,629,891		147,027,669				9,056,000	194,254,411		52,605,452		6,992,670	762,209,163
642	CP quản lý DN	42,791,627			703,286,373		3,874,456	23,579,824		20,021,578	365,291,276	8,087,510	58,157,586	2,356,951	7,070,853	1,234,518,034
6421	CP nhân viên quản lý										365,291,276		58,157,586	2,356,951	7,070,853	432,876,666
6423	CP đồ dùng văn phòng						3,874,456									3,874,456
6424	CP khấu hao TSCĐ							23,579,824								23,579,824
6426	CP điện, nước, điện thoại	8,162,537														8,162,537
6427	CP dịch vụ mua ngoài				703,286,373											703,286,373
6428	CP bằng tiền khác	34,629,090								20,021,578		8,087,510				62,738,178
	Tổng Cộng	42,791,627	23,643,070	328,629,891	703,286,373	147,027,669	255,362,414	213,963,277	20,053,968	29,077,578	1,080,671,287	8,087,510	492,231,351	3,668,031	30,754,395	3,379,248,441

Lập, ngày....tháng.... năm....

KẾ TOÁN GHI SỔ
(Ký, họ tên)

TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.20: Nhật ký chứng từ số 8

UBND TP HẢI PHÒNG
CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & XNK HẢI PHÒNG
19 Kỳ Con, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S04a8 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính)

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 8 – BÁN HÀNG

Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

ST T	TK Nợ	TênTK Nợ	C131	C156	C511	C515	C632	C635	C641	C642	C711	C811	C911	Cộng PS Có
1	111	Tiền mặt	4,516,177,500											4,516,177,500
2	112	Tiền gửi NH	3,499,210,800			1,045,893								3,500,256,693
3	131	Phải thu KH	7,802,893,620		6,691,697,010									14,494,590,630
4	136	Phải thu nội bộ									66,467			66,467
5	138	Phải thu khác		354,337,871		429,274,327					4,900,000			788,512,198
6	144	Ký quỹ ngắn hạn				240,556								240,556
7	156	Hàng hóa									121			121
8	331	Phải trả người bán	6,065,522,664											6,065,522,664
9	338	Phải trả, phải nộp khác									2,370,000,000			2,370,000,000
10	511	DT bán hàng											12,298,071,109	12,747,721,655
11	515	DT HĐTC											582,049,423	582,049,423
12	632	Giá vốn		4,324,711,919										5,244,189,777
13	635	CP HĐTC												223,189,334
14	641	CP bán hàng	328,629,891	251,487,958										2,144,730,407
15	642	CP quản lý DN		3,874,456										1,234,518,034
16	711	Thu nhập khác											3,324,966,588	3,324,966,588
17	811	Chi phí khác												35,804,704
18	911	Xác định KQKD					10,096,169,732	223,189,334	3,680,990,708	2,159,354,343		35,804,704		16,205,087,120
Cộng			22,212,434,475	4,934,412,204	6,691,697,010	430,560,776	10,096,169,732	223,189,334	3,680,990,708	2,159,354,343	2,374,966,588	35,804,704	16,205,087,120	73,477,383,315

Đã ghi số cái ngày.....tháng.....năm.....

Lập, ngày.....tháng.....năm...

KẾ TOÁN GHI SỔ
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TỔNG HỢP
(Ký, họ tên)

TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.21: Sổ cái TK 641

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & XNK HẢI PHÒNG
19 Ký Con, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S05 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 641

Từ ngày 01/07/2010 đến ngày 31/12/2010

Số dư đầu năm	
Nợ	Có

TK đối ứng	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
1111	16,987,881	12,973,725	4,371,700	32,912,714	2,000,000	
112	343,410	662,432	812,571	11,369,658	14,806,494	23,643,070
13111	134,757			103,910,694		328,629,891
141					164,043,118	147,027,669
1561						251,487,958
214	195,865,234	193,139,520	188,596,671	188,596,671	188,596,671	190,383,453
242808	1,786,782					20,053,968
33111			45,300,000		45,300,000	9,056,000
3341			105,128,184			715,380,011
338			9,977,640			435,384,845
351			1,496,646			23,683,542
Cộng PS Nợ	215,118,064	208,562,459	357,470,194	338,576,519	416,533,065	2,144,730,407
Cộng PS Có						3,680,990,708
Dư Nợ cuối tháng	215,118,064	423,680,523	781,150,717	1,119,727,236	1,536,260,301	
Dư có cuối tháng						

Ngày... tháng... năm.....

KẾ TOÁN GHI SỔ

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.22: Sổ cái TK 642

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & XNK HẢI PHÒNG
19 Kỳ Con, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S05 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 642

Từ ngày 01/07/2010 đến ngày 31/12/2010

Số dư đầu năm	
Nợ	Có

TK đối ứng	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
1111	45,253,463	103,720,084	43,937,439	80,143,018	73,536,358	42,791,627
1121	174,200					
1391						703,286,373
141	1,000,000					
1561						3,874,456
2141	23,885,101	23,885,101	23,885,101	23,656,155	23,579,824	23,579,824
33111						20,021,578
33411			403,292,276			365,291,276
3358						8,087,510
338			47,728,860			60,514,537
351			7,159,329			7,070,853
Cộng PS Nợ	70,312,764	127,605,185	526,003,005	103,799,173	97,116,182	1,234,518,034
Cộng PS Có						2,159,354,343
Dư Nợ cuối tháng	70,312,764	197,917,949	723,920,954	827,720,127	924,836,309	
Dư có cuối tháng						

Ngày... tháng... năm.....

KẾ TOÁN GHI SỔ
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

2.2.5. Thực tế công tác kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính tại Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ và XNK Hải Phòng

2.2.5.1. Chứng từ sử dụng

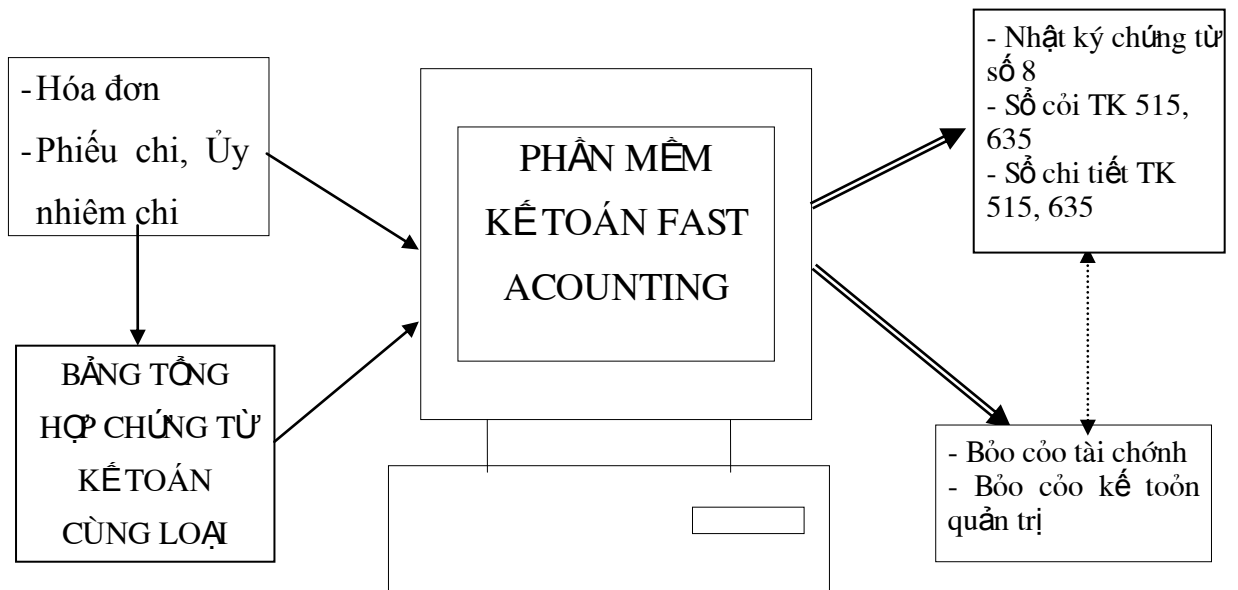
- Phiếu chi, Ủy nhiệm chi
- Phiếu kế toán

2.2.5.2. Tài khoản sử dụng

- TK 515: Doanh thu tài chính
- TK 635: Chi phí tài chính

2.2.5.3. Trình tự hạch toán

Sơ đồ 2.8: Trình tự kế toán máy Doanh thu HĐTC và Chi phí HĐTC



Ghi chú:

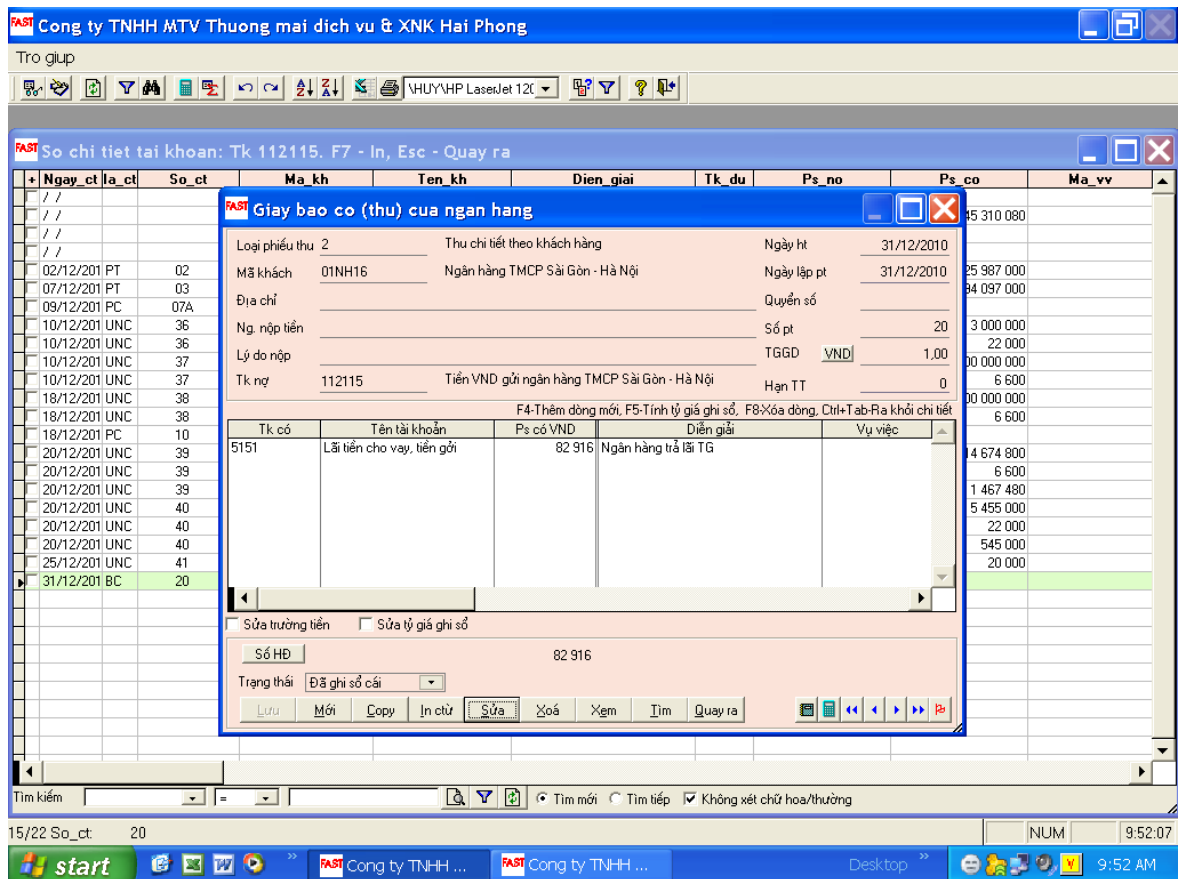
- : Ghi hàng ngày
- ⇒ : Ghi cuối tháng
- ↔ : Quan hệ đối chiếu, kiểm tra.

Thực tế công tác kế toán doanh thu tài chính và chi phí tài chính tại công ty được mô tả qua Ví dụ 2.6 và Ví dụ 2.7 như sau:

Ví dụ 2.6: Ngày 31/12/2010, ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội thông báo trả lãi tiền gửi của công ty, số tiền 82.916 đồng.

- Căn cứ vào sổ phụ Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội, kế toán tiến hành nhập số liệu vào Giấy báo có như sau.
- Từ giao diện chính, chọn Phân hệ nghiệp vụ “Kế toán tiền mặt, tiền gửi”, chọn tiếp “Cập nhật số liệu”, tiếp tục chọn “Giấy báo có (thu) của ngân hàng”, màn hình hiển thị khung “Chọn thời gian”, chọn thời gian làm việc là “Từ”: **01/12/2010** “Đến” **31/12/2010** và bắt đầu tiến hành nhập số liệu.

Hình ảnh số 2.13: Cập nhật chứng từ vào Giấy báo có



- Sau khi đã nhập xong số liệu, nhấn “Lưu”, muốn in chứng từ ra nhấn “In từ”. Nếu muốn tiếp tục nhập mới, chọn “Mới”, muốn kết thúc thì đóng khung làm việc lại, chọn “Kết thúc cập nhật chứng từ”.
- Từ đó, máy tính sẽ tự chuyển số liệu lên sổ chi tiết TK515, TK112. Cuối tháng NKCT số 2, NKCT số 8, sổ cái 515, 112.

Biểu số 2.23: Sổ chi tiết TK 515

UBND TP HẢI PHÒNG
CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & XNK HẢI PHÒNG

Mẫu số S38-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 515 – Doanh thu tài chính

Từ ngày 01/07/2010 đến ngày 31/12/2010

Số dư có đầu kỳ: 0

Chứng từ		Tên Khách hàng	Diễn giải	TK đ/tr	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
24/07/2010	BC 49	Ngân hàng An Bình – 01NH18	Ngân hàng trả lãi TG	112116		1,549,850
31/07/2010	BC 48	Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - - 01NH16	Ngân hàng trả lãi TG	112116		1,681,595
...
25/12/2010	BC 2	Ngân hàng An Bình – 01NH18	Ngân hàng trả lãi TG	112116		32,189
31/12/2010	UNC 69	Ngân hàng Ngoại Thương Hải Phòng – 01NH08	Đánh giá ngoại tệ cuối kỳ	112202		1,484,541
...
31/12/2010	BC 20	Ngân hàng TMCP Sài Gòn – Hà Nội - 01NH16	Ngân hàng trả lãi TG	112115		82,916
...
31/12/2010	PKT 24/IV-2010	Công ty TM Dịch vụ và XNK HP - 01VP001	HT tiền lãi cố tức 06 tháng đầu năm 2010 tại CTy CP nhựa cơ khí	138811		255,043,000
31/12/2010	PKT 24/IV-2010	Công ty TM Dịch vụ và XNK HP - 01VP001	HT lãi tiền vay năm 2010 tại CTy CP nhựa cơ khí	138811		174,231,327
31/12/2010	PKT32/IV-2010	-	K/c Doanh thu hoạt động TC 515->911	911	582,049,423	

Tổng phát sinh nợ: 582,049,423

Tổng phát sinh có: 582,049,423

Số dư cuối kỳ: 0

Ngày tháng năm

TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN
(Ký, họ tên)

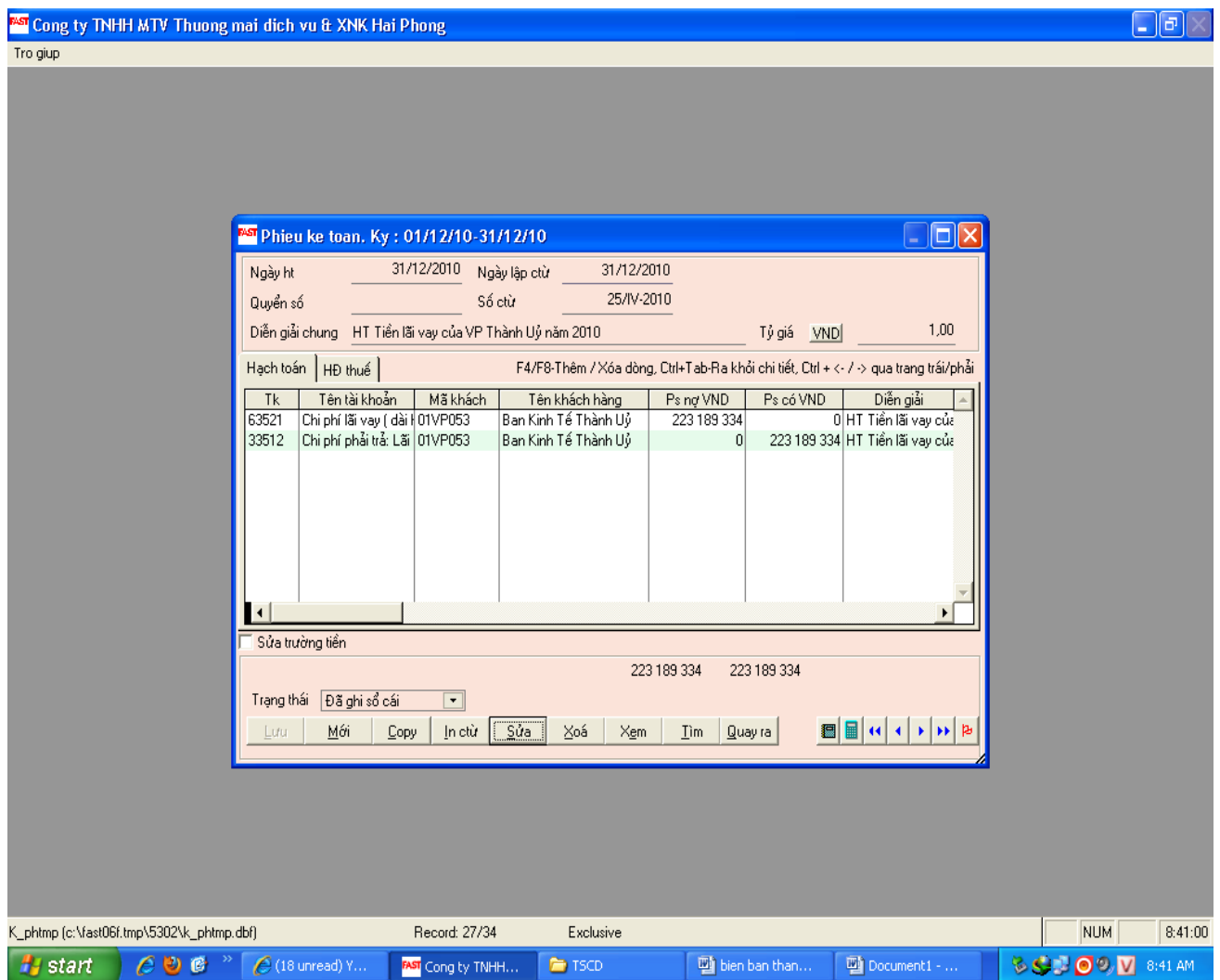
NGƯỜI GHI SỔ
(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Ví dụ 2.7: Ngày 31/12/2010, hạch toán tiền lãi khoản vay của Văn phòng Thành Ủy năm 2010.

- Tiến hành lập phiếu kế toán như sau:
- + Từ giao diện chính của phần mềm, chọn Phân hệ nghiệp vụ “Kế toán tổng hợp”, chọn tiếp “Cập nhật số liệu”, tiếp tục chọn “Phiếu kế toán”, màn hình hiển thị khung “Chọn thời gian”, chọn thời gian làm việc là “Từ” **01/12/2010** “Đến” **31/12/2010** và bắt đầu tiến hành nhập số liệu.

Hình ảnh số 2.14: Lập Phiếu kế toán



- Mẫu phiếu kế toán và các loại sổ sách được in ra như sau:

Biểu số 2.24: Phiếu kế toán số 25/IV-2010

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & XNK HẢI PHÒNG
19 Kỳ Con, Hồng Bàng, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số phiếu: 25/IV-2010

Nội dung	Tài khoản	Khách hàng	PS Nợ	PS Có
HT Tiền lãi vay của VP Thành Ủy năm 2010	63521	Ban Kinh Tế Thành Ủy	223.189.334	
HT Tiền lãi vay của VP Thành Ủy năm 2010	33512	Ban Kinh Tế Thành Ủy		223.189.334
Cộng			223.189.334	223.189.334

Bảng chữ: Hai trăm hai mươi ba triệu, một trăm tám mươi chín nghìn, ba trăm ba mươi bốn đồng chẵn.

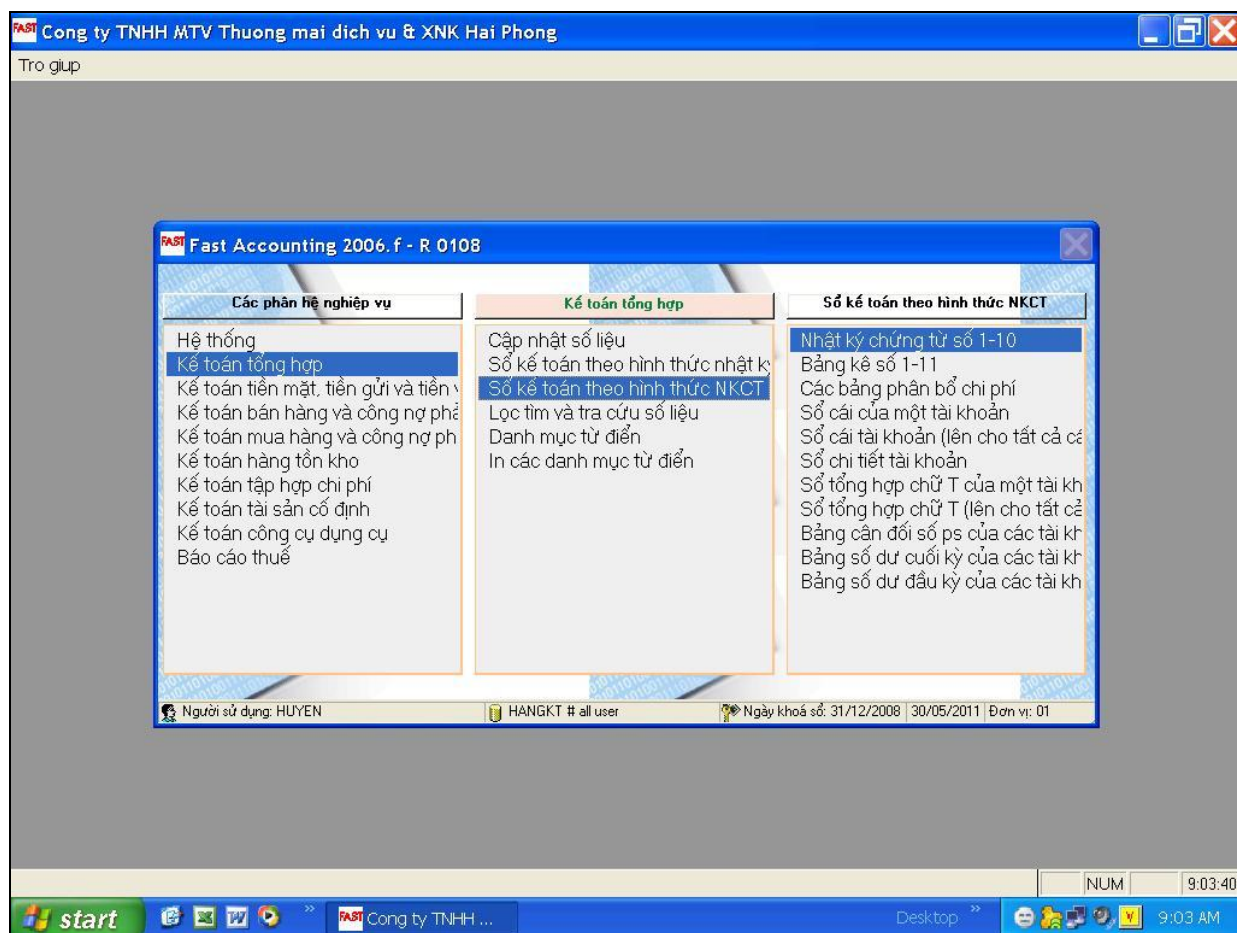
Ngày.....tháng.....năm.....

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

- Muốn xem sổ chi tiết, sổ cái TK hay các NKCT và Bảng kê, ta trở lại giao diện chính của phần mềm, chọn phân hệ nghiệp vụ “Kế toán tổng hợp”, chọn tiếp “Sổ kế toán theo hình thức NKCT”, tiếp tục chọn “Sổ chi tiết tài khoản”, “Sổ cái của một tài khoản”, “Nhật ký chứng từ số 1-10” hoặc “Bảng kê số 1-10” tùy theo yêu cầu, sau đó lựa chọn sổ TK và thời gian để xem hoặc in ra các loại sổ sách

Hình ảnh 2.15: Lựa chọn đường dẫn xem các loại sổ sách



- Các loại sổ sách được in ra như sau:

Biểu 2.25: Sổ chi tiết TK 635

UBND TP HẢI PHÒNG
CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & XNK HẢI PHÒNG

Mẫu số S38-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 635 – Chi phí tài chính

Từ ngày 01/07/2010 đến ngày 31/12/2010

Số dư có đầu kỳ: **0**

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
31/12/2010	PKT25/IV-2010	Ban Kinh Tế Thành Ủy - 01VP053	HT Tiền lãi vay của VP Thành Ủy năm 2010	33512	223,189,334	
31/12/2010	PKT32/IV-2010	-	K/c CP tài chính 63521->911	911		223,189,334

Tổng phát sinh nợ: **223,189,334**

Tổng phát sinh có: **223,189,334**

Số dư cuối kỳ: **0**

Ngày tháng năm

TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN
(Ký, họ tên)

NGƯỜI GHI SỔ
(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu 2.26: Nhật ký chứng từ số 8

UBND TP HẢI PHÒNG
CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & XNK HẢI PHÒNG
19 Kỳ Con, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S04a8 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính)

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 8 – BÁN HÀNG

Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

ST T	TK Nợ	Tên TK Nợ	C131	C156	C511	C515	C632	C635	C641	C642	C711	C811	C911	Cộng PS Có
1	111	Tiền mặt	4,516,177,500											4,516,177,500
2	112	Tiền gửi NH	3,499,210,800			1,045,893								3,500,256,693
3	131	Phải thu KH	7,802,893,620		6,691,697,010									14,494,590,630
4	136	Phải thu nội bộ									66,467			66,467
5	138	Phải thu khác		354,337,871		429,274,327					4,900,000			788,512,198
6	144	Ký quỹ ngắn hạn				240,556								240,556
7	156	Hàng hóa									121			121
8	331	Phải trả người bán	6,065,522,664											6,065,522,664
9	338	Phải trả, phải nộp khác									2,370,000,000			2,370,000,000
10	511	DT bán hàng											12,298,071,109	12,747,721,655
11	515	DT HĐTC											582,049,423	582,049,423
12	632	Giá vốn		4,324,711,919										5,244,189,777
13	635	CP HĐTC												223,189,334
14	641	CP bán hàng	328,629,891	251,487,958										2,144,730,407
15	642	CP quản lý DN		3,874,456										1,234,518,034
16	711	Thu nhập khác											3,324,966,588	3,324,966,588
17	811	Chi phí khác												35,804,704
18	911	Xác định KQKD					10,096,169,732	223,189,334	3,680,990,708	2,159,354,343		35,804,704		16,205,087,120
		Cộng	22,212,434,475	4,934,412,204	6,691,697,010	430,560,776	10,096,169,732	223,189,334	3,680,990,708	2,159,354,343	2,374,966,588	35,804,704	16,205,087,120	73,477,383,315

Đã ghi số cái ngày.....tháng.....năm.....

Lập, ngày.....tháng.....năm.....

KẾ TOÁN GHI SỔ
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TỔNG HỢP
(Ký, họ tên)

TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.27: Sổ cái TK 515

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & XNK HẢI PHÒNG
19 Ký Con, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S05 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 515

Từ ngày 01/07/2010 đến ngày 31/12/2010

Số dư đầu năm	
Nợ	Có

TK đối ứng	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
911						582,049,423
Cộng PS Nợ						582,049,423
Cộng PS Có	1,531,368	1,161,341	148,039,535	481,075	275,328	430,560,776
Dư Nợ cuối tháng						
Dư có cuối tháng	1,531,368	2,692,709	150,732,244	151,213,319	151,488,647	

Ngày... tháng... năm.....

KẾ TOÁN GHI SỔ

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.28: Sổ cái TK 635

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & XNK HẢI PHÒNG
19 Ký Con, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S05 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 635

Từ ngày 01/07/2010 đến ngày 31/12/2010

Số dư đầu năm	
Nợ	Có

TK đối ứng	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
33512						223,189,334
Cộng PS Nợ						223,189,334
Cộng PS Có						223,189,334
Dư Nợ cuối tháng						
Dư có cuối tháng						

Ngày... tháng... năm.....

KẾ TOÁN GHI SỔ

(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

2.2.6. Thực tế công tác kế toán thu nhập khác và chi phí khác tại Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ và XNK Hải Phòng

2.2.6.1. Chứng từ sử dụng

- Hóa đơn dịch vụ
- Biên bản thanh lý TSCĐ

2.2.6.2. Tài khoản sử dụng

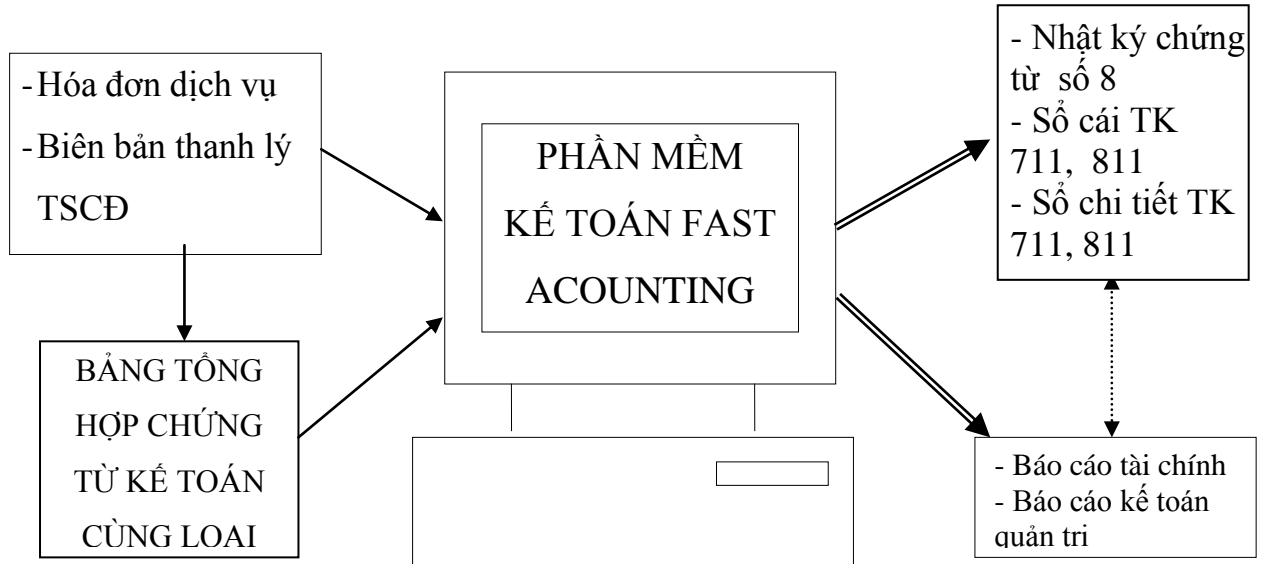
- TK 711: Thu nhập khác
 - ✓ TK 7111: Thu nhập khác: được thưởng, bồi thường
 - ✓ TK 7112: Thu nhập khác: thanh lý, nhượng bán TSCĐ
 - ✓ TK 7113: Thu nhập khác

- TK 811: Chi phí khác

- ✓ TK 8111: Chi phí khác: bồi thường, bị phạt và CP
- ✓ TK 8112: Chi phí khác: thanh lý, nhượng bán TSCĐ

2.2.6.3. Trình tự hạch toán

Sơ đồ 2.9: Trình tự kế toán máy Thu nhập khác và Chi phí khác



Ghi chú:

- : Ghi hàng ngày
- =====> : Ghi cuối tháng
- ◄-----► : Quan hệ đối chiếu, kiểm tra.

Để hiểu rõ hơn về hạch toán thu nhập khác và chi phí khác, em xin trình bày bằng Ví dụ 2.8 như sau:

Ví dụ 2.8: Ngày 29/12/2010, tiến hành thanh lý TSCĐ theo biên bản thanh lý ngày 01/10/2010.

Biểu số 2.29: Biên bản thanh lý TSCĐ ngày 01/10/2010

CÔNG TY TNHH MTV TM DV & XNK HP

BIÊN BẢN THANH LÝ TSCĐ

Ngày 01 tháng 10 năm 2010

Căn cứ vào biên bản họp hội đồng ngày 05/02/2010 và biên bản thoả thuận ngày 26/07/2010 khu nhà 2 tầng số 25 Trần Hưng Đạo đã quá lâu, hỏng không sửa chữa được nữa. Nay xét thấy cần phải được thanh lý. Vậy bộ phận theo dõi đề nghị Hội đồng cho thanh lý TSCĐ đã hỏng.

I. Ban thanh lý TSCĐ gồm:

- | | |
|----------------------------|--------------------------------|
| 1. Ông: Trần Văn Đạo | - Tổng giám đốc cty |
| 2. Bà: Đỗ Thị Lương | - Chủ tịch CĐ cty |
| 3. Ông: Bùi Ngọc Lợi | - Phó giám đốc cty |
| 3. Bà: Vũ Thị Nhanh | - Kế toán trưởng |
| 4. Ông: Nguyễn Hồng Việt | - Phó phòng tổ chức hành chính |
| 5. Bà: Phạm Thị Thanh Thủy | - Kế toán theo dõi |

II. Tiến hành thanh lý TSCĐ

- Tên TSCĐ : Khu nhà 2 tầng số 25 Trần Hưng Đạo
- Năm đưa vào SD: 1983
- Nguyên giá TSCĐ : 41.664.000 đ
- Giá trị đã phân bổ lần đầu đến thời điểm thanh lý : 41.179.884 đ
- Giá trị còn lại TSCĐ : 484.116 đ

III. Kết luận của Ban thanh lý TSCĐ

Do TSCĐ đưa vào sử dụng đã lâu và không sửa chữa, không thể sử dụng được nữa và chưa được xử lý. Nay hội đồng quyết định cho thanh lý khu nhà 2 tầng số 25 Trần Hưng Đạo hỏng nói trên.

Hải Phòng, ngày 01 tháng 10 năm 2010

PHÓ PHÒNG TC – HC	KẾ TOÁN THEO DÕI	PHÓ GIÁM ĐỐC	CHỦ TỊCH CÔNG ĐOÀN
NGUYỄN HỒNG VIỆT	PHẠM THỊ THANH THỦY	BÙI NGỌC LỢI	ĐỖ THỊ LƯƠNG

IV. Kết quả thanh lý TSCĐ

- Chí phí thanh lý:
- Giá trị thu hồi: 132.000.000 đ
- Đã ghi giảm số TSCĐ hỏng không còn sử dụng được nữa ngày 01/10/2010.

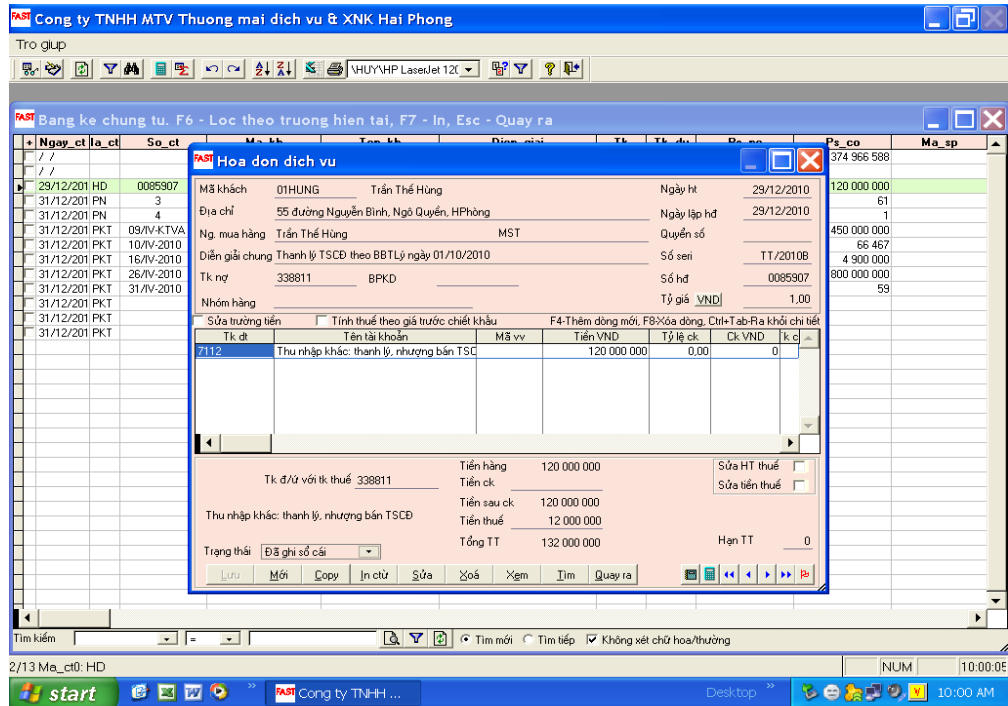
Ngày 01 tháng 10 năm 2010

TỔNG GIÁM ĐỐC
TRẦN VĂN ĐẠO

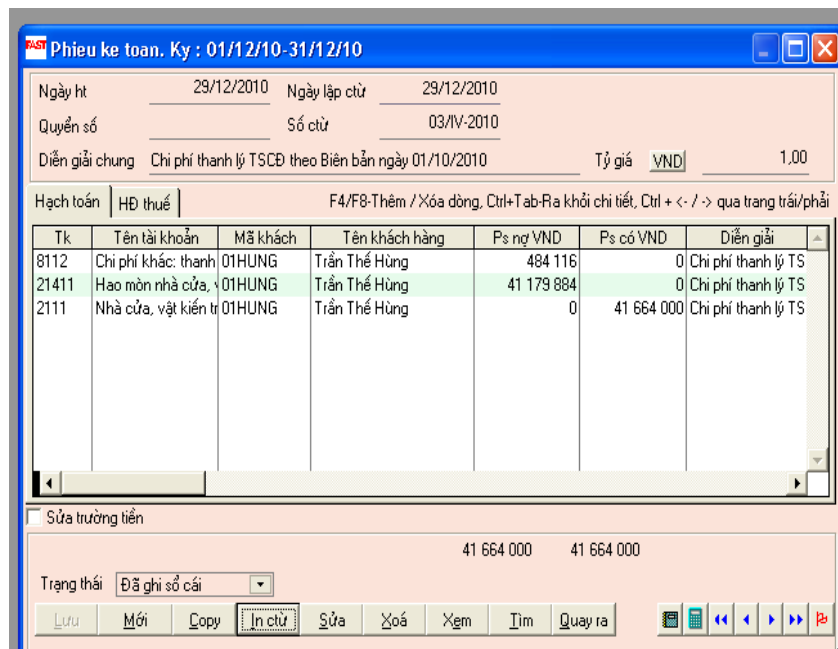
KẾ TOÁN TRƯỞNG
VŨ THỊ NHANH

- Kế toán tiến hành lập hóa đơn dịch vụ thông qua phần mềm kế toán, căn cứ vào Biên bản thanh lý ngày 01/10/2010, bằng cách vào giao diện chính của phần mềm, trong phần “Các phân hệ nghiệp vụ” chọn “Kế toán bán hàng và công nợ phải thu”; chọn tiếp “Cập nhật dữ liệu”, tiếp tục chọn “Hóa đơn dịch vụ”, chọn thời gian làm việc và bắt đầu nhập số liệu. (Hình ảnh 2.13)

Hình ảnh 2.16: Lập Hóa đơn dịch vụ



Hình ảnh 2.17: Lập phiếu kế toán



Biểu 2.30: Hóa đơn dịch vụ số 0086907

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & XNK HẢI PHÒNG
19 Ký Con, Hồng Bàng, Hải Phòng

HÓA ĐƠN DỊCH VỤ

Ngày 29 tháng 12 năm 2010

Ký hiệu: TT/2010B

Số: 0086907

Họ tên người mua hàng : Trần Thế Hùng
Đơn vị : 01HUNG – Trần Thế Hùng
Địa chỉ : 55 đường Nguyễn Bình – Ngô Quyền – Hải Phòng
Tk nợ : 338811 – Phải trả, phải nộp khác: HĐ SXKD

Nội dung	Tài khoản	
	Có	Tiền
Thanh lý TSCĐ theo BBT Lý ngày 01/10/2010	7112	120.000.000
Tổng cộng tiền hàng:		120.000.000
Thuế giá trị gia tăng:		12.000.000
Tổng cộng tiền thanh toán:		132.000.000
<i>Bằng chữ: Một trăm ba mươi hai triệu đồng chẵn.</i>		

Ngày.....tháng.....năm.....

NGƯỜI MUA HÀNG KẾ TOÁN TRƯỞNG THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, họ tên) (Ký, họ tên) (Ký, họ tên)

- Sau khi nhập xong dữ liệu, chọn "Lưu", chọn "In ctừ" để in ra Hóa đơn dịch vụ.
- Kế toán tiếp tục tiến hành cập nhật thông tin về chi phí thanh lý TSCĐ vào phiếu kế toán.
- Từ đó, máy tính tự chuyển số liệu lên các sổ chi tiết TK 711, 811,... Cuối tháng, tổng hợp lên Nhật ký chứng từ số 8,... sổ cái TK 711, 811...
- Bằng cách tiến hành các bước tương tự như trên để xem và in ra các sổ, mẫu Phiếu kế toán và các loại sổ sách được in ra như sau:

Biểu số 2.31: Phiếu kế toán 03/IV-2010

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & XNK HẢI PHÒNG
19 Ký Con, Hồng Bàng, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Ngày 29 tháng 12 năm 2010

Số phiếu: 03/IV-2010

Nội dung	Tài khoản	Khách hàng	PS Nợ	PS Có
Giá trị còn lại TSCĐ theo BBTLý ngày 01/10/2010	8112	Trần Thế Hùng	484.116	
Giá trị đã hao mòn TSCĐ theo BBTLý ngày 01/10/2010	21411	Trần Thế Hùng	41.723.697	
Nguyên giá TSCĐ theo BBTLý ngày 01/10/2010	2111	Trần Thế Hùng		41.664.000
Cộng			41.664.000	41.664.000

Bằng chữ: Bốn mươi một triệu, sáu trăm sáu mươi bốn nghìn đồng chẵn.

Ngày.....tháng.....năm.....

KẾ TOÁN TRƯỞNG

(Ký, họ tên)

NGƯỜI LẬP BIỂU

(Ký, họ tên)

Biểu số 2.32: Sổ chi tiết TK 711

UBND TP HẢI PHÒNG
CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & XNK HẢI PHÒNG

Mẫu số S38-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 711 – Thu nhập khác

Từ ngày 01/07/2010 đến ngày 31/12/2010

Số dư đầu kỳ: 0

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
30/09/2010	PKT07/III-2010	Công ty TM Dịch vụ và XNK Hải Phòng – 01VP001	Thu nhập bất thường	338811		950,000,000
29/12/2010	HD 0085907	Trần Thế Hùng – 01HUNG	Thanh lý TSCĐ theo BBTLý ngày 01/10/2010	338811		120,000,000
...
31/12/2010	PKT16/IV-2010	Phòng Kinh doanh XNK - 01PH007	Thu tiền do thanh lý phế liệu theo Biên bản ngày 30/12/2010	138811		4,900,000
31/12/2010	PKT26/IV-2010	Công ty TM Dịch vụ và XNK Hải Phòng – 01VP001	HT Khoản hoàn thuế của HQ	338811		800,000,000
31/12/2010	PKT31/IV-2010	Xưởng gỗ - 01CN19	HT thu nhập bất thường	156		59
31/12/2010	PKT32/IV-2010	-	K/c Thu nhập khác 711->911	911	3,324,966,588	

Tổng số phát sinh nợ: **3,324,966,588**

Tổng số phát sinh có: **3,374,966,588**

Số dư cuối kỳ: 0

Ngày tháng năm

TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN
(Ký, họ tên)

NGƯỜI GHI SỔ
(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 2.33: Sổ chi tiết TK 811

UBND TP HẢI PHÒNG
CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & XNK HẢI PHÒNG

Mẫu số S38-DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng BTC)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 811 – Chi phí khác

Từ ngày 01/07/2010 đến ngày 31/12/2010

Số dư đầu kỳ: **0**

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/r	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
29/12/2010	PKT03/IV-2010	Trần Thế Hùng - 01HUNG	Giá trị còn lại TSCĐ theo Biên bản ngày 01/10/2010	2111	484,116	
31/12/2010	PKT5/IV-2010	-	Tỷ TSCĐ theo BBTỷ ngày 31/12/2010	2114	15,979,922	
31/12/2010	PKT11/IV-2010	-	Tỷ TSCĐ Phòng XNK theo BBTỷ ngày 31/12/2010	2114	7,492,044	
31/12/2010	PKT13/IV-2010	-	Tỷ TSCĐ theo BBTỷ ngày 31/12/2010	2114	11,848,622	
31/12/2010	PKT32/IV-2010	-	K/c CF khác 8112->911	911		35,804,704

Tổng số phát sinh nợ:: **35,804,704**

Tổng số phát sinh có:: **35,804,704**

Số dư cuối kỳ: **0**

Ngày tháng năm

TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN
(Ký, họ tên)

NGƯỜI GHI SỔ
(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC
(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 2.34: Nhật ký chứng từ số 8

UBND TP HẢI PHÒNG
CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & XNK HẢI PHÒNG
19 Kỳ Con, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S04a8 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính)

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 8 – BÁN HÀNG

Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

ST	TK Nợ	Tên TK Nợ	C131	C156	C511	C515	C632	C635	C641	C642	C711	C811	C911	Cộng PS Có
1	111	Tiền mặt	4,516,177,500											4,516,177,500
2	112	Tiền gửi NH	3,499,210,800			1,045,893								3,500,256,693
3	131	Phải thu KH	7,802,893,620		6,691,697,010									14,494,590,630
4	136	Phải thu nội bộ									66,467			66,467
5	138	Phải thu khác		354,337,871		429,274,327					4,900,000			788,512,198
6	144	Ký quỹ ngắn hạn				240,556								240,556
7	156	Hàng hóa									121			121
8	331	Phải trả người bán	6,065,522,664											6,065,522,664
9	338	Phải trả, phải nộp khác									2,370,000,000			2,370,000,000
10	511	DT bán hàng											12,298,071,109	12,747,721,655
11	515	DT HĐTC											582,049,423	582,049,423
12	632	Giá vốn		4,324,711,919										5,244,189,777
13	635	CP HĐTC												223,189,334
14	641	CP bán hàng	328,629,891	251,487,958										2,144,730,407
15	642	CP quản lý DN		3,874,456										1,234,518,034
16	711	Thu nhập khác											3,324,966,588	3,324,966,588
17	811	Chi phí khác												35,804,704
18	911	Xác định KQKD					10,096,169,732	223,189,334	3,680,990,708	2,159,354,343		35,804,704		16,205,087,120
		Cộng	2,212,434,475	4,934,412,204	6,691,697,010	430,560,776	10,096,169,732	223,189,334	3,680,990,708	2,159,354,343	2,374,966,588	35,804,704	16,205,087,120	73,477,383,315

Đã ghi số cái ngày.....tháng.....năm.....

Lập, ngày.....tháng.....năm.....

KẾ TOÁN GHI SỔ
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TỔNG HỢP
(Ký, họ tên)

TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.35: Sổ cái TK 711

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & XNK HẢI PHÒNG
19 Kỳ Con, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S05 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 711

Từ ngày 01/07/2010 đến ngày 31/12/2010

Số dư đầu năm	
Nợ	Có

TK đối ứng	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
911						3,324,966,588
Cộng PS Nợ						3,324,966,588
Cộng PS Có			950,000,000			2,374,966,588
Dư Nợ cuối tháng						
Dư có cuối tháng			950,000,000	950,000,000	950,000,000	

Ngày... tháng... năm.....

KẾ TOÁN GHI SỔ
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.36: Sổ cái TK 811

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & XNK HẢI PHÒNG
19 Kỳ Con, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S05 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 811

Từ ngày 01/07/2010 đến ngày 31/12/2010

Số dư đầu năm	
Nợ	Có

TK đối ứng	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
211						35,804,704
Cộng PS Nợ						35,804,704
Cộng PS Có						35,804,704
Dư Nợ cuối tháng						
Dư có cuối tháng						

Ngày... tháng... năm.....

KẾ TOÁN GHI SỔ
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

2.2.7. Thực tế công tác xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ và XNK Hải Phòng

2.2.7.1. Chứng từ sử dụng

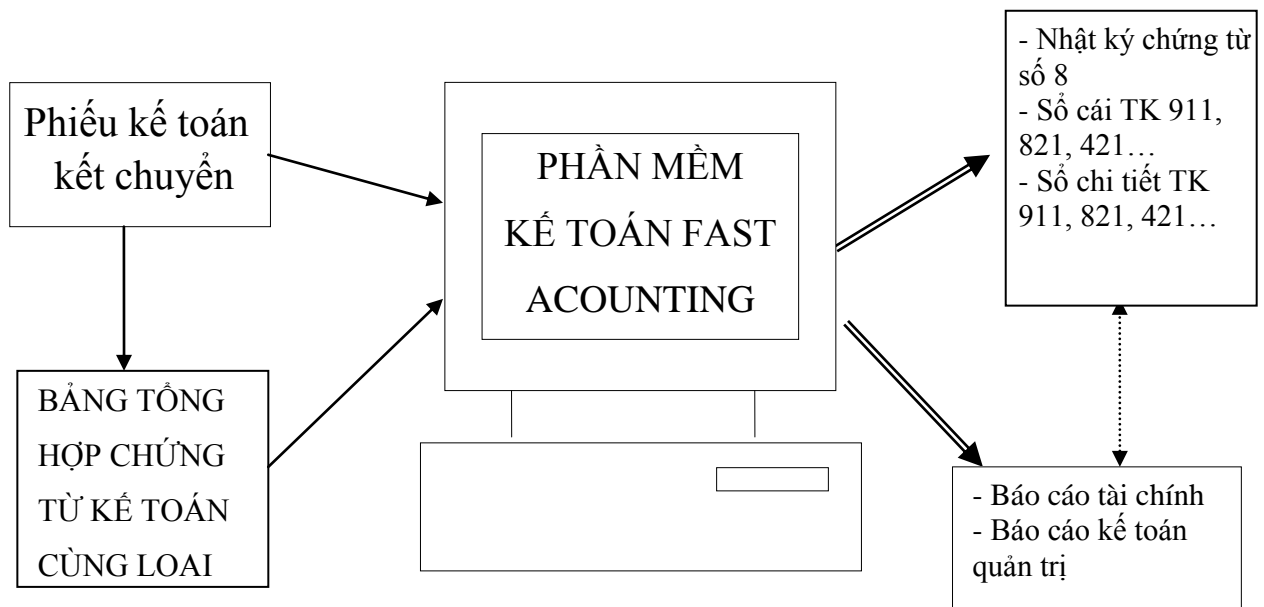
- Phiếu kế toán kết chuyển

2.2.7.2. Tài khoản sử dụng

- TK 911: Xác định kết quả kinh doanh

2.2.7.3. Trình tự hạch toán

Sơ đồ 2.10: Trình tự kế toán máy Thu nhập khác và Chi phí khác



Ghi chú:

→ :Ghi hàng ngày

⇒ :Ghi cuối tháng

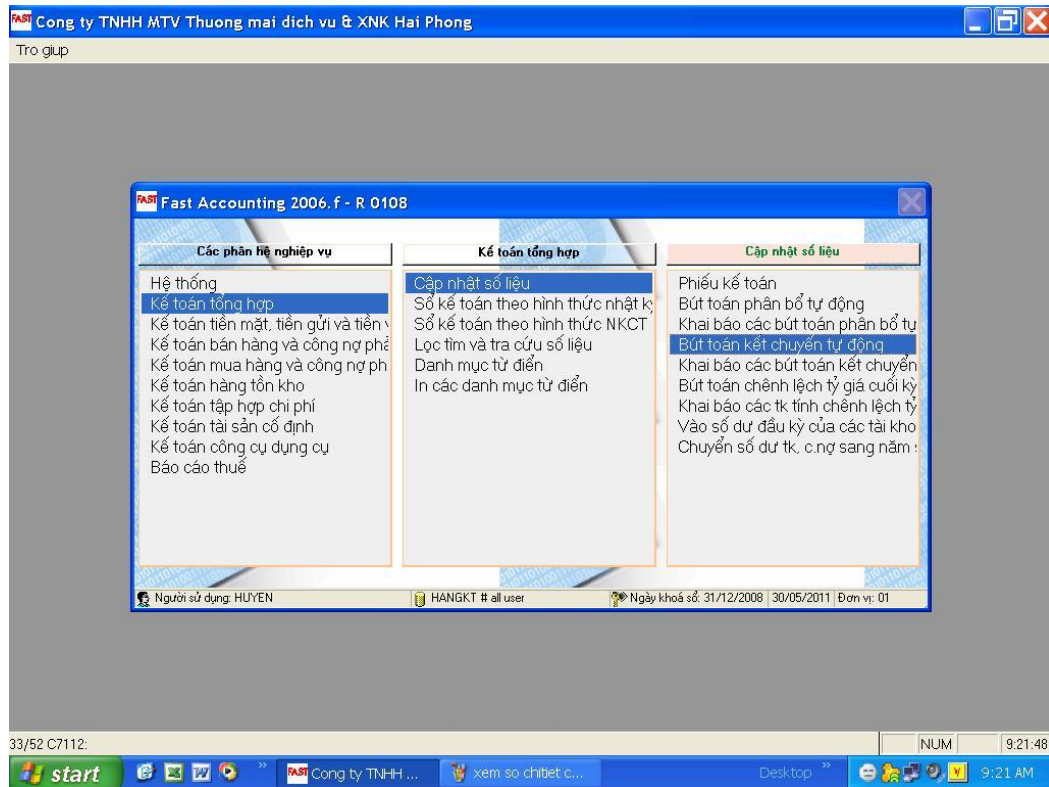
↔ : Quan hệ đối chiếu, kiểm tra.

Ví dụ 2.9: Xác định kết quả kinh doanh 6 tháng cuối năm 2010

- Việc ứng dụng phần mềm kế toán đã tạo ra nhiều thuận lợi cho công tác xác định kết quả kinh doanh tại Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ và XNK Hải Phòng. Vì luôn kiểm tra kịp thời, đảm bảo sự chính xác của các số liệu đầu vào, nên cuối kỳ, kế toán trưởng lựa chọn những thao tác đơn giản trên phần mềm, và máy tính sẽ tự động kết chuyển các bút toán xác định kết quả kinh doanh trong kỳ.

- Vào giao diện chính của phần mềm kế toán, trong phần “Các phân hệ nghiệp vụ” chọn “Kế toán tổng hợp”, chọn tiếp “Cập nhật số liệu”, sau đó chọn “Bút toán kết chuyển tự động”. (Hình ảnh 2.15)

Hình ảnh 2.18: Lựa chọn bút toán kết chuyển tự động



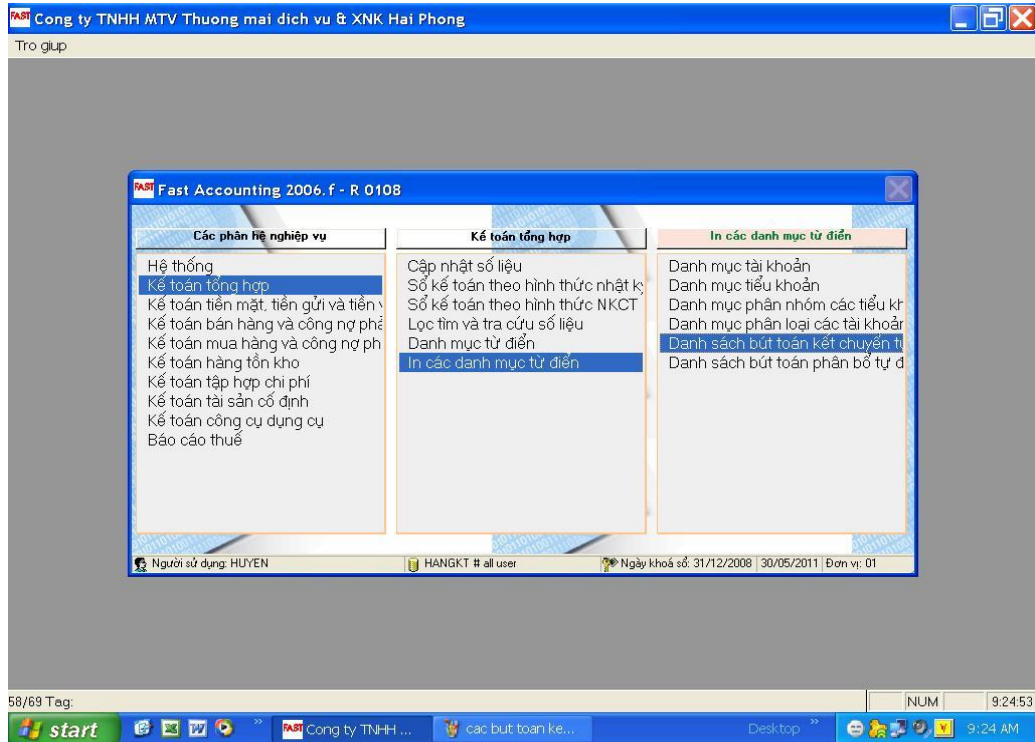
- Sau đó, màn hình hiển thị yêu cầu chọn năm làm việc, chọn năm 2010.



- Và máy tính sẽ tự động tổng hợp các số liệu từ các TK vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh của 6 tháng cuối năm 2010.
- Muốn kiểm tra danh sách các bút toán kết chuyển từ các TK vào TK 911 để xác định kết quả kinh doanh, từ giao diện chính của phần mềm, chọn Phân hệ nghiệp vụ “Kế toán tổng hợp”, chọn tiếp “Danh mục từ điển”, và chọn “Danh sách bút toán kết chuyển tự động”. (Hình ảnh 2.16)
- Tại danh sách này, kế toán có thể xóa, thêm hoặc sửa các bút toán kết chuyển tự động.

- Kết thúc quá trình kết chuyển, máy tính tự chuyển số liệu lên sổ chi tiết TK 911, Nhật ký chứng từ số 8, sổ cái TK 911 và Báo cáo KQKD 6 tháng cuối năm 2010.

Hình ảnh 2.19: Đường dẫn tới danh sách bút toán kết chuyển tự động



Hình ảnh 2.20: Chi tiết danh sách các bút toán kết chuyển

The screenshot displays a detailed list of transfer journal entries in a table format. The table has columns for 'Tag', 'Stt', 'Ten_bt', 'Tk_no', 'Tk_co', 'Loai_kc', and a series of 'So_ct' (Transfer Accounts) from 01 to 08. The entries include various types of costs and revenues, such as 'K/c chi phí bán hàng' (Selling expenses) and 'K/c Doanh thu bán hàng' (Sales revenue).

Tag	Stt	Ten_bt	Tk_no	Tk_co	Loai_kc	So_ct01	So_ct02	So_ct03	So_ct04	So_ct05	So_ct06	So_ct07	So_ct08
	1	K/c chi phí bán hàng	911	641	Co>No								
	2	K/c chi phí quản lý doanh nghiệp	911	642	Co>No								
	3	K/c CF tài chính	911	635	Co>No								
	4	K/c CF khác	911	811	Co>No								
	5	K/c giá vốn	911	632	Co>No								
	6	K/c thuế GTGT	333	133	Co>No								
	7	K/c Giảm giá hàng bán	511	532	Co>No								
	11	K/c Doanh thu bán hàng	511	911	No>Co								
	14	K/c Doanh thu hoạt động	515	911	No>Co								
	15	K/c Thu nhập khác	711	911	No>Co								
	99	K/c Lãi	911	4212	No>Co								
	100	K/c Lỗ	4212	911	Co>No								

Biểu số 2.37: Phiếu kế toán 32/IV-2010

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & XNK HẢI PHÒNG
19 Ký Con, Hồng Bàng, Hải Phòng

PHIẾU KẾ TOÁN TỔNG HỢP

Ngày 31 tháng 12 năm 2010

Số phiếu: 32/IV-2010

Nội dung	Tài khoản	Khách hàng	PS Nợ	PS Có
K/c chi phí bán hàng 6411->911	641	-	3,680,990,708	
K/c chi phí quản lý doanh nghiệp 642->911	642	-	2,159,354,343	
K/c CF tài chính 63521->911	63521	-	223,189,334	
K/c CF khác 8112->911	8112	-	35,804,704	
K/c giá vốn 6321->911	6321	-	10,096,169,732	
K/c Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ 511->911	511	-		12,298,071,109
K/c Doanh thu hoạt động TC 515->911	515	-		582,049,423
K/c Thu nhập khác 711->911	711	-		3,324,966,588
K/c Lãi 911->4212	4212	-	9,578,299	
K/c Lỗ 911->4212	4212	-		
Cộng			16,205,087,120	16,205,087,120

Bằng chữ: Mười sáu tỷ, hai trăm lẻ năm triệu, không trăm tám mươi bảy nghìn, một trăm hai mươi đồng chẵn.

Ngày.....tháng.....năm.....

KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

NGƯỜI LẬP BIỂU
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.38: Sổ chi tiết TK 911

UBND TP HẢI PHÒNG

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & XNK HẢI PHÒNG

Mẫu số S38-DN

(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC

Ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính)

SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tài khoản: 911 – Xác định kết quả kinh doanh

Từ ngày 01/07/2010 đến ngày 31/12/2010

Số dư đầu kỳ: **0**

Chứng từ		Khách hàng	Diễn giải	TK đ/ư	Số phát sinh	
Ngày	Số				Nợ	Có
31/12/2010	PKT32/IV-2010	-	K/c chi phí bán hàng 6411->911	641	3,680,990,708	
31/12/2010	PKT32/IV-2010	-	K/c chi phí quản lý doanh nghiệp 642->911	642	2,159,354,343	
31/12/2010	PKT32/IV-2010	-	K/c CF tài chính 63521->911	63521	223,189,334	
31/12/2010	PKT32/IV-2010	-	K/c CF khác 8112->911	8112	35,804,704	
31/12/2010	PKT32/IV-2010	-	K/c giá vốn 6321->911	6321	10,096,169,732	
31/12/2010	PKT32/IV-2010	-	K/c Doanh thu bán hàng, cung cấp dịch vụ 511->911	511		12,298,071,109
31/12/2010	PKT32/IV-2010	-	K/c Doanh thu hoạt động TC 515->911	515		582,049,423
31/12/2010	PKT32/IV-2010	-	K/c Thu nhập khác 711->911	711		3,324,966,588
31/12/2010	PKT32/IV-2010	-	K/c Lãi 911->4212	4212	9,578,299	
31/12/2010	PKT32/IV-2010	-	K/c Lỗ 911->4212	4212		

Tổng số phát sinh Nợ: **16,205,087,120**

Tổng số phát sinh Có: **16,205,087,120**

Số dư cuối kỳ: **0**

Ngày tháng năm

TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN

(Ký, họ tên)

NGƯỜI GHI SỔ

(Ký, họ tên)

GIÁM ĐỐC

(Ký, đóng dấu, họ tên)

Biểu số 2.39: Nhật ký chứng từ số 8

UBND TP HẢI PHÒNG
CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & XNK HẢI PHÒNG
19 Kỳ Con, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S04a8 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính)

NHẬT KÝ CHỨNG TỪ SỐ 8 – BÁN HÀNG

Từ ngày 01/12/2010 đến ngày 31/12/2010

ST T	TK Nợ	TênTK Nợ	C131	C156	C511	C515	C632	C635	C641	C642	C711	C811	C911	Cộng PS Có
1	111	Tiền mặt	4,516,177,500											4,516,177,500
2	112	Tiền gửi NH	3,499,210,800			1,045,893								3,500,256,693
3	131	Phải thu KH	7,802,893,620		6,691,697,010									14,494,590,630
4	136	Phải thu nội bộ									66,467			66,467
5	138	Phải thu khác		354,337,871		429,274,327					4,900,000			788,512,198
6	144	Ký quỹ ngắn hạn				240,556								240,556
7	156	Hàng hóa									121			121
8	331	Phải trả người bán	6,065,522,664											6,065,522,664
9	338	Phải trả, phải nộp khác									2,370,000,000			2,370,000,000
10	511	DT bán hàng											12,298,071,109	12,747,721,655
11	515	DT HĐTC											582,049,423	582,049,423
12	632	Giá vốn		4,324,711,919										5,244,189,777
13	635	CP HĐTC												223,189,334
14	641	CP bán hàng	328,629,891	251,487,958										2,144,730,407
15	642	CP quản lý DN		3,874,456										1,234,518,034
16	711	Thu nhập khác											3,324,966,588	3,324,966,588
17	811	Chi phí khác												35,804,704
18	911	Xác định KQKD					10,096,169,732	223,189,334	3,680,990,708	2,159,354,343		35,804,704		16,205,087,120
Cộng			22,212,434,475	4,934,412,204	6,691,697,010	430,560,776	10,096,169,732	223,189,334	3,680,990,708	2,159,354,343	2,374,966,588	35,804,704	16,205,087,120	73,477,383,315

Đã ghi số cái ngày.....tháng.....năm.....

Lập, ngày.....tháng.....năm.....

KẾ TOÁN GHI SỔ
(Ký, họ tên)

KẾ TOÁN TỔNG HỢP
(Ký, họ tên)

TRƯỞNG PHÒNG KẾ TOÁN
(Ký, họ tên)

Biểu số 2.40: Sổ cái TK 911

CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ & XNK HẢI PHÒNG
19 Kỳ Con, Hồng Bàng, Hải Phòng

Mẫu số S05 – DN
(Ban hành theo QĐ số 15/2006/QĐ-BTC
Ngày 20/3/2006 của Bộ Tài Chính)

SỔ CÁI TÀI KHOẢN 911

Từ ngày 01/07/2010 đến ngày 31/12/2010

Số dư đầu năm	
Nợ	Có

TK đối ứng	Tháng 7	Tháng 8	Tháng 9	Tháng 10	Tháng 11	Tháng 12
4212						9,578,299
6321						10,096,169,732
63521						223,189,334
641						3,680,990,708
642						2,159,354,343
8112						35,804,704
Cộng PS nợ						16,205,087,120
Cộng PS có						16,205,087,120
Dư nợ cuối tháng						
Dư có cuối tháng						

KẾ TOÁN GHI SỔ
(Ký, họ tên)

Ngày... tháng... năm.....
KẾ TOÁN TRƯỞNG
(Ký, họ tên)

CHƯƠNG 3

MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU HẢI PHÒNG

3.1. ĐÁNH GIÁ THỰC TẾ TỔ CHỨC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KẾT QUẢ KINH DOANH TẠI CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU HẢI PHÒNG

Là một doanh nghiệp hạch toán kinh tế độc lập, có tư cách pháp nhân và có giấy phép kinh doanh xuất nhập khẩu do Bộ thương mại cấp. Với tính chủ động trong kinh doanh, bộ máy quản lý chặt chẽ cùng đội ngũ lao động năng động và nhiệt tình.

3.1.1. Ưu điểm

3.1.2.1. Về tổ chức bộ máy kế toán

Kế toán là một trong những công cụ quan trọng nhất của nhà nước và của doanh nghiệp. Kế toán là một bộ phận cấu thành nên hệ thống quản lý kinh tế tài chính của Công ty và là bộ phận quan trọng quyết định sự thành bại trong kinh doanh. Vì vậy, Công ty sớm nhận thấy vai trò của bộ máy kế toán trong việc giám sát, quản lý hoạt động kinh doanh:

+) Đội ngũ kế toán giỏi, tinh thông nghiệp vụ đặc biệt là kế toán trưởng có trình độ cao, am hiểu nhiều lĩnh vực đã cho ra những bản Báo Cáo Tài Chính phù hợp với mọi đối tượng

+) Phân chia công việc hợp lý, bố trí nguồn nhân lực phù hợp với yêu cầu công việc.

3.1.2.2. Về hệ thống chứng từ, tài khoản, sổ sách sử dụng

❖ Hình thức kế toán:

FAST ACCOUNTING là một trong những phần mềm kế toán tiên tiến hiện nay ở Việt Nam, nó được thiết kế nhằm mục đích điện toán hóa công tác kế toán tài chính. Theo dõi công nợ, tự động thực hiện các bút toán phân bổ kết chuyển

cuối kỳ, lên các báo cáo tài chính theo quy định yêu cầu của nhà quản trị. Vì vậy, Công ty đã sớm đưa phần mềm kế toán vào đơn vị mình.

Thông qua việc sử dụng kế toán máy, kế toán có thể cung cấp thông tin một cách nhanh chóng, chính xác vào bất cứ thời điểm nào. Hơn nữa, các thông tin này không có sự sai lệch giữa sổ kế toán và báo cáo kế toán do cùng được xử lý trực tiếp số liệu trên các chứng từ do kế toán nhập vào máy tính. Việc áp dụng kế toán máy còn giúp Công ty có thể quản lý chi tiết các đối tượng bằng một hệ thống mã dạng động, góp phần giảm nhẹ công việc trong phòng kế toán, Công ty có thể điều chuyển nhân lực trong phòng kế toán sang bộ phận khác.

❖ ***Chứng từ kế toán:***

Các chứng từ sử dụng trong quá trình hạch toán đều phù hợp với yêu cầu kinh tế và pháp lý của nghiệp vụ. Các chứng từ sử dụng theo đúng mẫu của Bộ tài chính ban hành, thông tin ghi chép đầy đủ, chính xác với nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Các chứng từ được lưu giữ, bảo quản cẩn thận. Kế toán phần hành nào thì lưu giữ chứng từ của phần hành đó, không chồng chéo nhau, nguyên tắc phân công phân nhiệm rõ ràng. Quá trình luân chuyển chứng từ một cách hợp lý. Chứng từ từ khâu bán hàng sang phòng kế toán được thực hiện một cách khẩn trương, liên tục

❖ ***Về hệ thống TK sử dụng:***

Công ty áp dụng hệ thống TK thống nhất theo quy định của Bộ tài chính về việc áp dụng chế độ, chuẩn mực kế toán mới, thống nhất trên cả nước. Đồng thời trong quá trình hạch toán, Công ty phản ánh một cách chi tiết cụ thể (mở TK cấp 5), phù hợp yêu cầu quản lý và đặc điểm riêng của đơn vị.

❖ ***Về hệ thống sổ sách:***

Tổ chức hệ thống sổ kế toán là một nghệ thuật vận dụng hệ thống TK kế toán. Việc lựa chọn hình thức ghi sổ nào cho phù hợp với từng đơn vị phải tùy thuộc vào đặc điểm hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Công ty mở một hệ thống sổ sách hợp lý, hoàn chỉnh, gọn nhẹ, có độ tin cậy cao. Đặc biệt việc mở sổ tổng hợp tạo điều kiện cho việc kiểm tra đối chiếu số liệu được khách quan, nhanh chóng, thuận lợi trong việc phân tích hoạt động kinh tế.

3.1.2.2 Về bộ máy quản lý

Khi cơ chế thị trường thay đổi cũng là lúc Công ty gặp nhiều khó khăn về vốn, thị trường tiêu thụ nhưng với sự thay đổi về cung cách quản lý, tổ chức sản xuất kinh doanh xuất nhập khẩu đa dạng hóa các mặt hàng, tìm kiếm bạn hàng mới... đã đem lại cho công ty một kết quả đáng mừng. Trong quá trình hoạt động, Công ty luôn khẳng định được vị trí của mình trên thị trường góp phần phát triển kinh tế nước nhà. Công ty thường xuyên cử cán bộ đi dự hội thảo khoa học, đi tập huấn tại Hà Nội về các buổi học chế độ mới (sửa đổi, bổ sung điều lệ) do Bộ tài chính ban hành. Chính vì vậy mà đội ngũ kế toán ngày càng nâng cao về trình độ, công tác kế toán trong Công ty không gặp khó khăn.

3.1.2. Hạn chế

*** Về TK sử dụng:**

Công ty không sử dụng TK 1562 để tập hợp chi phí thu mua hàng hóa trong kỳ mà ghi nhận trực tiếp vào giá vốn hàng bán ra trong kỳ. Điều này là sai nguyên tắc tính giá, do đó làm sai lệch kết quả giá vốn hàng xuất bán và ảnh hưởng trực tiếp đến các chỉ tiêu trên bảng cân đối kế toán và báo cáo kết quả kinh doanh.

*** Trích lập dự phòng phải thu khó đòi:**

Khách hàng của Công ty là những khách hàng thường xuyên mua hàng nhiều lần nhưng lại thanh toán chậm, nợ nhiều dẫn đến tình trạng tồn đọng vốn. Vậy mà Công ty chưa tiến hành trích lập các khoản dự phòng cho số khách hàng khó đòi nên không lường trước rủi ro trong kinh doanh. Như vậy là Công ty chưa quán triệt nguyên tắc thận trọng của kế toán. Điều này dễ gây đột biến chi phí kinh doanh và phản ánh sai lệch kết quả kinh doanh của kỳ đó.

*** Thu hồi công nợ:**

Việc giải quyết tình trạng chiếm dụng vốn đang là một vấn đề nan giải của Công ty. Trong khi Công ty cần vốn để đáp ứng đúng tiến độ, cung cấp cho khách hàng những sản phẩm có chất lượng cao, mở rộng mặt hàng kinh doanh vậy mà Công ty lại bị chiếm dụng vốn.

3.2. MỘT SỐ KIẾN NGHỊ NHẪM HOÀN THIỆN CÔNG TÁC KẾ TOÁN DOANH THU, CHI PHÍ VÀ XÁC ĐỊNH KQKD TẠI CÔNG TY TNHH MTV THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VÀ XUẤT NHẬP KHẨU HẢI PHÒNG

3.2.1. Sự cần thiết phải hoàn thiện

Trong cơ chế thị trường nhiều biến động như hiện nay cùng với sự cạnh tranh gay gắt giữa các doanh nghiệp thì sự thành bại của một doanh nghiệp là điều tất yếu. Doanh nghiệp muốn duy trì tốt hoạt động của mình thì phải xác định phương hướng cũng như mục tiêu để từ đó có bước phát triển mới. Muốn vậy trước hết Công ty phải hoàn thiện đổi mới không ngừng công tác kế toán sao cho phù hợp với yêu cầu quản lý trong nền kinh tế thị trường như hiện nay vì kế toán trong công cuộc đổi mới không chỉ là công cụ quản lý mà trở thành bộ quản lý kinh tế, tài chính của doanh nghiệp. Thông qua việc lập chứng từ, kiểm tra, tính toán, ghi chép, tổng hợp các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng các phương pháp khoa học có thể biết được những thông tin một cách chính xác, kịp thời, đầy đủ về sự vận động tài sản và nguồn hình thành tài sản, góp phần bảo vệ tài sản và sử dụng hợp lý tài sản của đơn vị mình. Hơn nữa, báo cáo tài chính còn cung cấp thông tin cho đối tượng quan tâm về tình hình tài chính của Công ty như nhà đầu tư, nhà quản lý, cơ quan thuế, Ngân hàng,... để có những quyết định đầu tư đúng đắn trong tương lai. Vì vậy điều quan trọng là các thông tin tài chính đưa ra trong các báo cáo kế toán tài chính phải có độ tin cậy cao và rõ ràng.

Điều quan trọng đối với các doanh nghiệp thương mại là làm sao thực hiện tốt việc luân chuyển vốn trong kinh doanh làm tăng vòng quay của vốn để từ đó duy trì tốt hoạt động kinh doanh của mình. Bởi vậy việc hoàn thiện kế toán doanh thu đang là một yêu cầu hiện nay đối với bất kỳ một doanh nghiệp thương mại nhằm nâng cao hiệu quả của hệ thống kế toán nói chung và kế toán tiêu thụ nói riêng, vì:

- Hoàn thiện quá trình này giúp cho khối lượng công việc kế toán được giảm nhẹ, hệ thống sổ sách đơn giản, dễ ghi chép, đối chiếu, xác định chính xác thời điểm phát sinh nghiệp vụ kinh tế... tạo điều kiện cho việc lên các báo cáo tài chính cuối kỳ đảm bảo cung cấp đầy đủ thông tin kinh tế cho các đối tượng quan tâm.

- Quá trình này được hoàn thiện sẽ giúp cho việc tổ chức chứng từ ban đầu và quá trình luân chuyển chứng từ được dễ dàng, tiết kiệm được chi phí và thời gian tạo điều kiện thuận lợi cho công tác kế toán cuối kỳ để phản ánh một cách chính xác, trung thực, đầy đủ tình hình kinh doanh của doanh nghiệp để từ đó xác định chính xác được hiệu quả của một kỳ kinh doanh và tình hình tài chính của doanh nghiệp và đưa ra phương hướng kinh doanh của kỳ tới.

Căn cứ vào vai trò, chức năng và nhiệm vụ của kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh đồng thời đảm bảo tính khoa học hơn trong công tác kế toán thì việc hoàn thiện phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Hoàn thiện phải dựa trên cơ sở tuân thủ các quy định cũng như các chế độ kế toán do Bộ tài chính ban hành. Nhưng cũng không phải rập khuôn máy móc theo đúng chế độ mà phải vận dụng sáng tạo.

- Hoàn thiện trên cơ sở phù hợp với đặc điểm kinh doanh, tổ chức sản xuất của doanh nghiệp mình sao cho đạt hiệu quả cao nhất.

- Hoàn thiện phải đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, đầy đủ, kịp thời, phù hợp với từng yêu cầu của nhà quản lý.

- Hoàn thiện phải hướng tới vận dụng chuẩn mực kế toán quốc tế vào quá trình hạch toán sao cho đơn giản, dễ hiểu mà lại phản ánh chính xác, đầy đủ tình hình tài chính của Công ty.

3.2.2. Một số kiến nghị nhằm hoàn thiện hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh

Qua thời gian thực tập tại Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ và xuất nhập khẩu Hải Phòng, em xin đề xuất một số ý kiến nhằm hoàn thiện kế toán bán hàng và xác định kết quả kinh doanh.

a. Về TK sử dụng:

a1: Công ty nên dùng TK 1562 để hạch toán riêng chi phí thu mua hàng hóa. Thực tế tại Công ty chi phí thu mua được hạch toán trực tiếp vào TK632. Do đó, chi phí thu mua chỉ phân bổ cho hàng tiêu thụ trong kỳ mà không phân bổ cho hàng còn tồn kho. Như vậy, Công ty không tuân thủ nguyên tắc phù hợp, không

đúng với chế độ, không phản ánh chính xác giá vốn hàng bán, dẫn đến việc xác định không chính xác kết quả kinh doanh của từng mặt hàng và từng kỳ kinh doanh. Bởi vậy, Công ty nên đưa TK 1562 để hạch toán chi phí thu mua hàng hóa liên quan tới số hàng đã nhập trong kỳ và phân bổ chi phí thu mua hàng hóa cho số lượng hàng tiêu thụ trong kỳ và tồn cuối kỳ.

Hạch toán vào TK này các chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến quá trình thu mua hàng hóa như: chi phí vận chuyển, bốc xếp, chi phí thuê kho, bến bãi, phí bảo hiểm hàng hóa, các khoản hoa hồng tự nhiên trong định mức phát sinh trong quá trình thu mua hàng hóa. Khi phát sinh chi phí thu mua hàng hóa, kế toán ghi:

Nợ TK 1562

Nợ TK 133

Có TK 111, 112, 331

Trong đó chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ trong kỳ và tồn kho cuối kỳ:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí thu} \\ \text{mua phân} \\ \text{bổ cho hàng} \\ \text{tiêu thụ} \end{array} = \frac{\text{Chi phí thu mua tồn đầu kỳ} + \text{Chi phí thu mua} \\ \text{phát sinh trong kỳ}}{\text{Trị giá mua hàng tiêu thụ trong kỳ} + \text{Trị giá mua} \\ \text{hàng tồn kho cuối kỳ}} \times \begin{array}{l} \text{Trị giá} \\ \text{mua hàng} \\ \text{tiêu thụ} \\ \text{trong kỳ} \end{array}$$

Sau khi xác định được chi phí thu mua phân bổ cho hàng tiêu thụ, kế toán ghi:

Nợ TK632:

Có TK1562:

a2: Công ty không nên hạch toán vào TK 131- Phải thu khách hàng đối với những khoản bán hàng thu tiền ngay trong kỳ. Tại Công ty, khi hàng được chính thức tiêu thụ thì khoản tiền hàng thu được hay chưa thu được đều hạch toán vào TK131 như theo định khoản sau:

Nợ TK131

Có TK 511

Có TK3331

Vì vậy, Công ty nên hạch toán riêng từng khoản tiền hàng (Khoản đã thu và sẽ thu) để dễ quản lý khách hàng hơn.

b. Về trích lập dự phòng phải thu khó đòi

Để đảm bảo nguyên tắc thận trọng và giảm mức tối đa những tổn thất về các khoản phải thu khó đòi có thể xảy ra đặc biệt là sự giảm giá của hàng hóa trong cơ chế thị trường nhiều biến động như hiện nay thì việc trích lập các khoản dự phòng là điều cần thiết vì:

- Các khoản nợ của khách hàng và giá trị hàng tồn kho là rất lớn nên nguy cơ giảm giá và mất khả năng thanh toán là rất dễ xảy ra

- Hơn nữa mặt hàng kinh doanh của Công ty chủ yếu là xe máy. Đây là mặt hàng có nhiều biến động do xâm nhập của hàng Trung Quốc với giá cả hợp lý mẫu mã đa dạng đặc biệt là sự thay đổi của chính sách kinh tế làm cho giá của mặt hàng này có thể thay đổi.

- Khách hàng Công ty là những khách hàng thường xuyên với hình thức thanh toán trả chậm nên việc thất thu là không thể tránh khỏi.

Do vậy, để đảm bảo phù hợp giữa doanh thu và chi phí trong kỳ, cuối mỗi niên độ kế toán trước khi lập các báo cáo tài chính kế toán phải tính số nợ có khả năng khó đòi dựa vào kinh nghiệm hoặc vào tình hình thực tế của khách hàng và dự đoán khả năng của thị trường để lập các khoản dự phòng.

Vì vậy, Công ty nên tính toán khoản nợ có khả năng khó đòi, tính toán lập dự phòng để đảm bảo sự phù hợp giữa doanh thu và chi phí trong kỳ.

Để lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi, kế toán sử dụng TK139- Dự phòng phải thu khó đòi và chi tiết cho từng khách hàng. Vào cuối niên độ kế toán, kế toán căn cứ vào các khoản nợ phải thu được xác định là không chắc chắn thu được thì phải trích lập các khoản dự phòng phải thu khó đòi:

Nợ TK 642:

Có TK139:

Để tính toán mức dự phòng khó đòi, Công ty phải phân loại tuổi nợ của các khoản nợ trên cơ sở số nợ thực và quy định mức trích lập theo Thông tư 288/2009 tính ra dự phòng nợ thất thu.

Theo Thông tư số 228/2009/TT-BTC ban hành ngày 07/12/2009 hướng dẫn chế độ trích lập và sử dụng các khoản dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Thời hạn thanh toán quá hạn (t)	Mức dự phòng cần trích lập
$6 \text{ tháng} \leq t < 1 \text{ năm}$	30% giá trị nợ quá hạn
$1 \text{ năm} \leq t < 2 \text{ năm}$	50% giá trị nợ quá hạn
$2 \text{ năm} \leq t < 3 \text{ năm}$	70% giá trị nợ quá hạn

Đối với các khoản nợ thất thu thì căn cứ vào các chứng từ sau: biên bản của hội đồng xử lý nợ, bản kê chi tiết khoản nợ khó đòi, quyết định của tòa án, giấy xác nhận của chính quyền địa phương đối với người nợ đã chết hoặc không có tài sản, lệnh truy nã hoặc xác nhận của cơ quan pháp luật đối với con nợ bỏ trốn hoặc đang bị truy tố, quyết định của cấp có thẩm quyền về xử lý số nợ không thu hồi được, kế toán tiến hành xóa sổ các khoản nợ không đòi được và theo dõi trong 5 năm. Khi tiến hành xóa sổ các khoản phải thu đồng thời phải theo dõi nợ phải thu, ngoài bút toán xóa sổ kế toán khó đòi đã xử lý trên TK 004.

- Nếu chưa lập dự phòng:

Nợ TK 642

Có TK 131

- Nếu đã lập dự phòng:

Nợ TK 139

Có TK 131

Đồng thời: Nợ TK 004 : Nợ khó đòi đã xử lý

c. Về việc tăng cường công tác thu hồi công nợ

Trong hoạt động kinh doanh thương mại để giữ được khách hàng thường xuyên và cạnh tranh hiệu quả thì bất cứ một doanh nghiệp nào cũng không tránh khỏi tình trạng bán chịu. Vì vậy để nâng cao hiệu quả sử dụng vốn và giảm mức tối thiểu việc chiếm dụng vốn từ phía khách hàng Công ty cần có những biện pháp để đẩy nhanh khả năng thanh toán của khách hàng.

c1: Đối với khách hàng gần đến hạn trả tiền Công ty nên đôn đốc khách hàng trả tiền, gửi thông báo yêu cầu trả nợ trước 2-3 ngày để nhắc nhở khách hàng đến

hạn trả tiền, phân công người đến trực tiếp gặp khách hàng. Nếu khách hàng không trả đúng hạn thì Công ty nên ra hạn trong một thời hạn nhất định nhưng phải chịu một mức lãi suất trong thời gian đó. Công ty sẽ ngừng cung cấp hàng hóa nếu khách hàng thường xuyên không thanh toán đúng hạn hoặc nợ quá nhiều. Hơn nữa, Công ty thường xuyên phải tìm hiểu những khách hàng thường xuyên của mình để nắm chắc tình hình tài chính của họ. Như vậy mới có khả năng giảm mức rủi ro khoản nợ khó đòi.

c2: Phải có trao đổi thông tin thường xuyên về công nợ của khách hàng giữa phòng kế toán và phòng thị trường để quyết định xem có tiếp tục bán hàng cho khách hàng nữa hay không. Điều đó sẽ tránh được tình trạng nợ quá nhiều từ phía khách hàng.

c3: Ban lãnh đạo Công ty nên đưa ra các chế độ thưởng phạt rõ ràng trong thanh toán. Nhằm mục tiêu giảm tối đa tình trạng chiếm dụng vốn từ phía khách hàng, Công ty nên áp dụng hơn nữa các khoản chiết khấu thanh toán trong bán hàng. Như vậy, Công ty mới có khả năng thu hồi vốn nhanh, luân chuyển được vòng quay của vốn lưu động và mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh của đơn vị. Vì phần lớn khách hàng của Công ty là những khách hàng thường xuyên mua hàng nhiều lần nhưng lại thanh toán chậm, nợ nhiều.

d. Về chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

d1: Để đáp ứng yêu cầu quản trị doanh nghiệp cũng như việc tính toán chi tiết kết quả kinh doanh của từng loại sản phẩm, lao vụ, dịch vụ thì chi phí bán hàng (CPBH) và chi phí quản lý doanh nghiệp (CPQLDN) phải được phân bổ cho từng loại sản phẩm tiêu thụ. Doanh nghiệp có thể tiến hành phân bổ CPBH, CPQLDN cho từng sản phẩm theo công thức sau:

$$\begin{array}{ccc} \text{CPBH (CPQLDN)} & & \text{Tổng CPBH (CPQLDN) phát} \\ \text{phân bổ cho sản} & = & \text{sinh trong kỳ} \\ \text{phẩm (A)} & & \text{Tổng doanh thu bán hàng} \\ & & \text{X} \\ & & \text{bán hàng của} \\ & & \text{sản phẩm (A)} \end{array}$$

Ví dụ 3.1: Ta có thể tính và phân bổ CPBH và CPQLDN phát sinh trong kỳ cho từng sản phẩm như sau:

+ Phân bổ CPBH Gỗ ép 15 ly:

$$\frac{3,680,990,708}{12,298,071,109} \times (102.000 \times 716) = 21,859,535 \text{ đ}$$

+ Phân bổ CPQLDN Gỗ ép 15 ly:

$$\frac{2,159,354,343}{12,298,071,109} \times (102.000 \times 716) = 12,823,309 \text{ đ}$$

Ta có mẫu bảng phân bổ CPQLDN, CPBH như sau:

Biểu 3.1: Bảng phân bổ CPBH (CPQLDN) cho từng thành phẩm

Bảng phân bổ CPBH (CPQLDN) cho từng thành phẩm

Tháng..... Năm.....

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ	Doanh thu bán hàng	CPBH	CPQLDN
....
....
	Cộng			

d2: Công ty nên mở sổ chi tiết TK 641, TK 642 theo từng tài khoản cấp 2 (6411, 6412,..., 6417). Khi đó kế toán sẽ theo dõi được thường xuyên, liên tục các khoản chi phí phát sinh theo khoản mục. Việc mở sổ kế toán chi tiết CPBH và CPQLDN giúp doanh nghiệp quản lý chặt chẽ hơn các khoản chi phí phát sinh trong kỳ, điều này giúp kế toán hay các nhà quản trị có thể đưa ra các giải pháp cụ thể để quyết định có tiếp tục duy trì mức chi phí đã phát sinh trong các kỳ trước hay không hoặc sẽ đưa ra biện pháp nhằm làm giảm chi phí trong quá trình sản xuất kinh doanh ở các kỳ tiếp theo.

Biểu số 3.2: Mẫu sổ chi tiết TK 641, TK 642

Sổ chi phí sản xuất kinh doanh

Tài khoản 641 – Chi phí bán hàng

Ngày.....tháng.....năm.....

Đơn vị tính: đồng

Ngày	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Tổng số	Ghi Nợ Tài khoản 641						
	Số hiệu	Ngày tháng				6411	6412	6413	6414	6415	6417	6418
....
....
			Cộng									

e. Về xác định kết quả kinh doanh

Nhằm đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý và giúp ban lãnh đạo Công ty có thể đưa ra những quyết định chính xác đối với mặt hàng mà Công ty đang tiến hành kinh doanh thì kế toán phải xác định kết quả kinh doanh cho từng loại sản phẩm. Việc xác định kết quả kinh doanh cho từng loại sản phẩm, hàng hóa sẽ giúp kế toán và các nhà quản trị thấy rõ những mặt hàng nào kinh doanh có lãi (lỗ) và thấy được chính xác số lợi nhuận mang lại hay số lỗ của từng mặt hàng sản xuất trong kỳ, để từ đó xác định được cơ cấu mặt hàng và đưa ra những chính sách cụ thể về việc có tiếp tục kinh doanh hay không kinh doanh mặt hàng nào, đẩy mạnh kinh doanh những mặt hàng nào trong tháng tiếp theo hoặc có biện pháp để giảm chi phí, nâng cao lợi nhuận của các mặt hàng mà Công ty đã và đang kinh doanh.

Doanh nghiệp có thể tiến hành xác định kết quả kinh doanh cho từng mặt hàng tiêu thụ trong kỳ theo công thức sau:

$$\text{Số tiền lãi (lỗ)} = \text{Doanh thu thuần từng nhóm mặt hàng} - \text{Giá vốn hàng bán từng nhóm mặt hàng} - \text{CPBH phân bổ cho từng nhóm hàng hóa} - \text{CPQLDN phân bổ cho từng nhóm hàng hóa}$$

Biểu số 3.2: Báo cáo kết quả bán hàng theo từng mặt hàng

Báo cáo kết quả bán hàng

Tháng.... Năm.....

Đơn vị tính: đồng

STT	Tên hàng hóa, dịch vụ bán ra	Doanh thu bán hàng	Giá vốn hàng bán	Chi phí bán hàng	Chi phí QLDN	Kết quả bán hàng	Tỷ suất LN – DT của từng mặt hàng
...
...
	Cộng						

KẾT LUẬN



"Thương trường là chiến trường" - Quả thật vậy, trong nền kinh tế thị trường hiện nay, muốn tồn tại lâu dài phải có sự phấn đấu phát triển không ngừng trong kinh doanh, cũng như chặt chẽ nghiêm túc trong công tác quản lý và luôn nâng cao nghiệp vụ, mở rộng quan hệ trong hoạt động sản xuất kinh doanh, để tiến kịp với sự đi lên của đất nước.

Có thể nói việc hạch toán kế toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh nói riêng và công tác kế toán nói chung tại Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ và xuất nhập khẩu Hải Phòng là tương đối khoa học, hợp lý song cũng không thể tránh khỏi những hạn chế. Với những kiến thức đã học cùng với việc tiếp cận thực tế, em mạnh dạn đưa ra một số ý kiến nhằm hoàn thiện hơn nữa việc hạch toán doanh thu, chi phí và xác định kết quả kinh doanh tại Công ty.

Em xin được gửi lời cảm ơn tới các cán bộ phòng kế toán tài vụ Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ và xuất nhập khẩu Hải Phòng đã giúp đỡ em trong thời gian qua, đặc biệt em xin chân thành cảm ơn cô giáo **Th.s Hòa Thị Thanh Hương** đã nhiệt tình hướng dẫn, chỉ bảo em thực hiện khóa luận này.

Do trình độ và thời gian tìm hiểu thực tế tại đơn vị có hạn nên bản báo cáo của em không tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được sự góp ý của các thầy cô giáo, và cán bộ nhân viên phòng kế toán tài vụ Công ty TNHH MTV Thương mại dịch vụ và xuất nhập khẩu Hải Phòng để bản khóa luận được hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Hải Phòng, ngày tháng năm 2011

Sinh viên

Phạm Thị Ngọc Mai